



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM

CÔNG TÁC XÃ HỘI NHẬP MÔN



Th.S LÊ CHÍ AN

Biên soạn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

CÔNG TÁC XÃ HỘI NHẬP MÔN

Biên soạn: Th.S LÊ CHÍ AN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐH MỞ TP HỒ CHÍ MINH

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

BIÊN SOẠN: Th.S LÊ THỊ MỸ HIỀN

MUC LUC

I. PHẦN MỞ ĐẦU	7
1. Giới thiệu khái quát môn học.....	7
2. Mục tiêu sinh viên cần đạt được sau khi học xong môn học	7
3. Bố cục tài liệu	8
5. Tài liệu, sách tham khảo sinh viên cần đọc khi học môn này.....	10
GIỚI THIỆU PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG	12
NỘI DUNG BÀI 1	14
1. LỊCH SỬ XUẤT PHÁT VÀ DIỄN TIẾN	14
2. KHÁI NIỆM CỘNG ĐỒNG VÀ PHÁT TRIỂN	17
2.1.2. Yếu tố cấu thành một cộng đồng	18
3. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG	21
3.1. Thế nào là cộng đồng kém phát triển và phát triển?.....	21
• Đặc điểm của cộng đồng kém phát triển	21
• Đặc điểm của cộng đồng phát triển	22
3.4. Mục đích của phát triển cộng đồng.....	25
3.5. Nội dung của phát triển cộng đồng	26
3.6. Tiến trình PTCĐ	28
Thức tỉnh cộng đồng	29
Tăng năng lực cộng đồng.....	29
Cộng đồng tự lực	29
4. CÁC NGUYÊN TẮC HÀNH ĐỘNG TRONG PTCĐ	30
Khái niệm cơ bản trong bài.....	33
Cách học từng phần.....	33
1.2. Mục tiêu của tổ chức cộng đồng	40
- Nối kết các đầu tư kinh tế xã hội vào những nhóm cộng đồng nghèo cơ sở ..	40
Trình tự của các công việc trên cũng có thể được thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh. Thí dụ: có thể sau khi lựa chọn cộng đồng, việc tập huấn được thực hiện ngay để sau đó nhóm này có thể cùng với tác viên hoặc chính họ tự tìm hiểu và phân tích về tình hình cộng đồng của họ, đồng thời cùng tác viên lên kế hoạch hành động và tổ chức các nhóm hành động.	41
2. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH CÔNG TÁC TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG	41
Cộng đồng.....	42
2.4.1. Tổng quan về cộng đồng.....	49
2.4.2. Nhu cầu và các vấn đề của cộng đồng	50
2.4.3. Tiềm năng và lực cản/ hạn chế của cộng đồng	50
2.4.4. Các mối quan hệ trong cộng đồng	51
2.5.1. Hình thành Ban Phát triển.....	53
Chọn lựa các đại diện cộng đồng	53

Vì sao cần có Ban Phát triển?	55
Trách nhiệm Ban Phát triển	55
2.5.2. Lập kế hoạch hành động cộng đồng	56
2.6.2. Một số nhóm/tổ chức cộng đồng	58
2.6.3. Tiềm năng nhóm	59
2.6.4. Nhiệm vụ của tác viên trong hỗ trợ củng cố các tổ chức cộng đồng	60
Hình 1. Mối liên kết giữa các nhóm hành động trong cộng đồng	63
BAN PHÁT TRIỂN.....	63
2.8.2. Những cản ngại trong việc phối hợp, hợp tác giữa các thành phần.....	64
2.8.3. Những việc cần thiết để tạo sự phối hợp, liên kết.....	65
2.9.1. Công tác chuyển giao.....	66
Những khái niệm cơ bản	69
Cách học từng phần.....	70
- Xác định mục đích tổ chức nhóm và chức năng của nhóm.	73
Tài liệu tham khảo	84
Khái niệm cơ bản trong bài	85
Cách học từng phần.....	85
1. Giới thiệu khái quát bài 4.....	90
2. Mục tiêu học viên cần đạt được sau khi học xong bài 4.....	90
3. Hướng dẫn học nội dung cơ bản và các tài liệu tham khảo cho bài 4	91
Nội dung cơ bản.....	91
2. CÁC KIỂU THAM GIA	93
3. SỰ THAM GIA LÀ PHƯƠNG TIỆN HOẶC MỤC ĐÍCH.....	96
4. THUẬN LỢI CỦA SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	97
4.2. Yếu tố để thúc đẩy sự tham gia.....	98
5. NHỮNG CẢN TRỞ CỦA SỰ THAM GIA.....	101
• Từ phía tổ chức, tác viên.....	103
6. MỨC ĐỘ THAM GIA	105
Tài liệu tham khảo	107
4. Những khái niệm cơ bản trong bài và cách học từng phần của bài	108
5. Một số điểm cần lưu ý khi học	109
6. Tóm lược những vấn đề cần ghi nhớ	110
7. Câu hỏi.....	110
NỘI DUNG BÀI 5	115
2. PRA LÀ GÌ?	116
3. MỤC ĐÍCH.....	116
<i>Lúc nào thực hiện PRA?</i>	120
6. ĐIỀU CĂN BẢN CỦA PRA: THAY ĐỔI THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI.	120

6.1. PRA không phải là một tập hợp những công cụ	120
6.2. Con người là hàng đầu	120
6.3. Thái độ đúng trong PRA	121
6.4. Huấn luyện thái độ và hành vi	121
7. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP PRA	122
• Các kỹ thuật ứng dụng có thể thích ứng cho nhiều tình huống khác nhau. Chính đối tượng thụ hưởng dự án quyết định cách thức lượng giá các hoạt động, điều này sẽ tạo cho họ ý thức về quyền sở hữu dự án cũng như gia tăng khả năng ứng phó khó khăn.	124
10. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN MỘT SỐ KỸ THUẬT	126
Thực hiện	127
Kỹ thuật 2: Vẽ sơ đồ cộng đồng	127
Mục tiêu	127
Thực hiện	129
Kỹ thuật 4. Thảo luận nhóm	131
Thực hiện	131
Tài liệu tham khảo	136
Nội dung cơ bản	142
1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM	143
1.1. Dự án	143
2. CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH DỰ ÁN	146
3. QUẢN LÝ DỰ ÁN	147
3.1. Giai đoạn 1: Phân tích tình hình	148
3.2. Giai đoạn 2: Lập kế hoạch	149
3.3. Giai đoạn 3:Viết và nộp đề xuất dự án	152
3.4. Giai đoạn 4: Thực hiện dự án	153
3.5. Giai đoạn 5: Lượng giá	158
Tài liệu tham khảo	160
Khái niệm cơ bản	160
Cách học từng phần	161
NỘI DUNG BÀI 7	167
2.2. Giám sát	170
a. Phân loại theo cá nhân	173
III. TÓM TẮT TOÀN BỘ MÔN HỌC	194
IV. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP	195
PHẦN PHỤ LỤC	201

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu khái quát môn học

Môn học giới thiệu Phát triển cộng đồng như một phương pháp can thiệp của công tác xã hội bên cạnh phương pháp công tác xã hội cá nhân và nhóm trong thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp. Phương pháp phát triển cộng đồng nhằm vận động, tổ chức và nâng cao năng lực cho người dân trong các khu vực dân cư. Qua đó, người dân có thể tham gia và tự quyết định mọi việc liên quan đến cải thiện và nâng cao đời sống của họ.

Môn học sẽ giúp sinh viên liên hệ với thực tế qua các hoạt động tại các địa phương, và các dự án phát triển cộng đồng đang được thực hiện nhiều nơi đặc biệt tại các khu vực dân cư nghèo, ở cả nông thôn và thành thị. Phát triển cộng đồng tại Việt Nam rất gần gũi với các chủ trương chính sách của nhà nước như chương trình Xoá đói giảm nghèo, Quy chế Dân chủ cơ sở, Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, hoặc những nỗ lực cải thiện đời sống của người dân xuất phát từ dưới lên, với sự hỗ trợ của chính quyền.

2. Mục tiêu sinh viên cần đạt được sau khi học xong môn học

Sau khi học xong, sinh viên sẽ nắm bắt được các khái niệm cơ bản, những nguyên tắc, tiến trình phát triển cộng đồng. Sinh viên cũng sẽ nắm vững đạo đức và vai trò của những nhân viên xã hội trong thực hành phát

triển cộng đồng, biết ứng dụng kỹ năng trong giáo dục cộng đồng và chú trọng việc xây dựng nguồn lực và tăng năng lực cho cộng đồng.

Sinh viên cũng có thể liên hệ thực tế và phân tích được tình hình phát triển tại các địa phương, giúp các cộng đồng nghèo tự giải quyết vấn đề và phòng ngừa những tác động xấu có thể xảy ra trong đời sống cộng đồng. Đồng thời giúp cộng đồng nâng cao nhận thức và sẵn sàng hỗ trợ cho các đối tượng hoà nhập cộng đồng. Tóm lại, yêu cầu sinh viên hiểu phát triển cộng đồng là một chuyên môn trong thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp ở cấp độ trung mô và vĩ mô.

3. Bố cục tài liệu

Tài liệu gồm 8 bài

- Bài 1 Giới thiệu phát triển cộng đồng
- Bài 2 Tiến trình tổ chức cộng đồng
- Bài 3 Vai trò và kỹ năng cần thiết của một tác viên cộng đồng
- Bài 4 Sự tham gia
- Bài 5 Phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA)
- Bài 6 Giới thiệu Dự án phát triển cộng đồng
- Bài 7 Kiểm soát, giám sát, lượng giá
- Bài 8 Thuận lợi khó khăn trong phát triển cộng đồng

4. Hướng dẫn khái quát cách học môn học

- **Thời gian:** 45 tiết
- **Không gian:** Lớp học, thư viện, hội trường, tại nhà, hoặc tại địa bàn dân cư
- **Phương pháp tư duy:** Nghiên cứu tài liệu môn học, tài liệu về phát triển kinh tế, xã hội, thông tin, tin tức từ báo, đài. Thông tin từ các hội thảo, hội nghị chuyên đề, và các dự án.
- **Phương pháp học tập:** Tại lớp ôn tập, sinh viên sẽ nghe giảng, tập động não, sắm vai, trò chơi giáo dục, thảo luận chung trên lớp, thảo luận nhóm. Tại nhà, sinh viên sẽ tự đọc tài liệu và làm bài tập sau mỗi bài học. Nếu có điều kiện, sinh viên có thể học theo nhóm để cùng làm các bài tập nhóm. Ngoài ra, sinh viên nên tham khảo thêm tài liệu in, tài liệu trên mạng Internet, hoặc truy cập trang web: <http://foreman.nexo.com/ptcd> và có thể liên hệ với giáo viên hướng dẫn qua địa chỉ thư điện tử: hienmy@gmail.com
- **Liên hệ thực tế:** Các chương trình phát triển tại địa phương chẳng hạn chương trình Xoá đói giảm nghèo; các hoạt động của các Hội, đoàn thể như hoạt động tín dụng của Hội Phụ nữ; các dự án phát triển hoặc dự án theo phương thức phát triển cộng đồng đang thực hiện tại các tỉnh, thành phố.

5. Tài liệu, sách tham khảo sinh viên cần đọc khi học môn này

- Dự án Hỗ trợ nguồn kỹ thuật quản lý nguồn tài nguyên nước tại VN, *Tư vấn Cộng đồng trong tiến trình ra quyết định và lập kế hoạch*, Cẩm nang 2003
- Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam, *Tài liệu Tập huấn Công tác Xã hội*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội, T7-1997
- John P. Kretzmann, John L. McKnight, *Building communities from the inside out- A path toward finding and mobilizing a community's assets*, Institute for Policy Research, Northwestern University, 1993
- Lê Thị Chiêu Nghi, *Giới và Dự án phát triển*, NXB TP. HCM, 2001
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Khoa học giao tiếp*, Khoa PNH, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 1999
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Kỹ năng xây dựng và Quản lý dự án*, ĐH MBC TP. HCM, 2002
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Sách bỏ túi dành cho nhân viên xã hội*, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 1999
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Tài liệu tập huấn về Phát triển cộng đồng*
- Nguyễn Thị Hải, *Phát triển và Tổ chức cộng đồng*, Tài liệu huấn luyện khoá cơ bản dành cho cán bộ đào tạo, 1997
- Nguyễn Thị Oanh, *Nhập môn công tác xã hội*, ĐH Mở Bán công TP HCM, 1994

- Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, Đại học Mở Bán công Tp. HCM, 2000

- Pat Ellis, *Hãy đưa cộng đồng vào cuộc*, NXB Trẻ TP. HCM, 2000

- *Quy định pháp luật về dân chủ cấp cơ sở*, NXB Chính trị quốc gia, 2003

- Simi Kamal, *A handbook on project management*, Patthfinder International Publications, Karachi, 1991

- Somesh Kumar, *Methods for Community participation – A complete guide for participation*, Vistaar Publication, New Delhi, 2002

- Stanley Gajanayake, Jaya Gajanayake, *Nâng cao năng lực cộng đồng*, NXB Trẻ 1997

- Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang, *Phát triển Cộng đồng-Lý thuyết và vận dụng*, NXB - Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2000

- Trung tâm Nghiên cứu-Tư vấn CTXH và PTCD, *Phát triển cộng đồng, tài liệu tập huấn*, 2005.

II. NỘI DUNG CHÍNH

BÀI 1

GIỚI THIỆU PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1. Giới thiệu khái quát bài 1

Bài 1 giới thiệu cho sinh viên về lịch sử xuất phát và diễn tiến phát triển cộng đồng (PTCĐ) từ những năm 1940. Đặc biệt từ năm 1950 cho đến nay, sau khi Liên Hiệp quốc đã công nhận khái niệm PTCĐ, nhiều nước trên thế giới đã ứng dụng phương thức này vào các chương trình phát triển của quốc gia.

Qua bài này, sinh viên cũng nắm bắt được một số khái niệm cơ bản liên quan PTCĐ như *phát triển*, *cộng đồng* và *phát triển cộng đồng*. Bên cạnh đó, sinh viên được tìm hiểu những đặc điểm của cộng đồng nghèo, kém phát triển và phát triển. Bài học cũng giới thiệu cho sinh viên về mục tiêu, giá trị, tiến trình và nguyên tắc của phát triển cộng đồng.

2. Mục tiêu học viên cần đạt được sau khi học xong bài 1

- Nắm được lịch sử hình thành và diễn tiến của PTCĐ trên thế giới
- Hiểu được cơ bản các khái niệm phát triển, cộng đồng và phát triển cộng đồng.
- Phân biệt được cộng đồng phát triển và cộng đồng kém phát triển.
- Nắm được mục tiêu, giá trị, tiến trình và các nguyên tắc hành động của phát triển cộng đồng

3. Hướng dẫn học nội dung cơ bản và các tài liệu tham khảo cho bài đầu tiên.

Nội dung cơ bản:

- Giới thiệu lịch sử xuất phát và diễn tiến của PTCĐ. Một số mốc lịch sử quan trọng là: Năm 1940 khởi đầu một phương thức mới; Năm 1950 Liên Hiệp Quốc (LHQ) công nhận khái niệm PTCĐ; thập kỷ 1960- 70 là thập kỷ phát triển thứ nhất; năm 1970 LHQ lượng giá thập kỷ phát triển và rút ra một số bài học kinh nghiệm
- Khái niệm *phát triển, cộng đồng* và *phát triển cộng đồng* trong bối cảnh của các nước đang phát triển, và nhận diện các đặc điểm của cộng đồng nghèo, kém phát triển.
- Mục đích, các giá trị và nguyên tắc hành động trong PTCĐ

NỘI DUNG BÀI 1

1. LỊCH SỬ XUẤT PHÁT VÀ DIỄN TIẾN

Phát triển cộng đồng (PTCĐ) như một khái niệm lý thuyết và thực hành, được dịch từ tiếng Anh là Community Development, xuất hiện vào những năm 1940 tại các thuộc địa đầu tiên của Anh.

Ở Ghana một người Anh sáng kiến giúp dân tự cải thiện đời sống bằng các nỗ lực chung của chính quyền và người dân địa phương. Một bên góp công, một bên góp của để đắp đường, xây trường học, trạm xá... Qua đó, cho thấy dân nghèo không chỉ là một đám đông dốt, lười, cam chịu với số phận mà họ có thể tích cực tham gia đóng góp công sức, tiền của vào các chương trình, dự án có mục đích cải thiện đời sống của chính họ.

Kinh nghiệm này cũng cho thấy phát triển phải đồng bộ và mọi khía cạnh của đời sống từ kinh tế, sức khỏe, văn hóa phải được nâng lên cùng một lúc mới có thể phá vỡ cái vòng lẩn quẩn của nghèo đói, dốt nát, bệnh tật... Kinh nghiệm tích cực này được lan rộng hầu hết các cựu thuộc địa ở châu Á và châu Phi.

Năm 1950 Liên Hợp Quốc công nhận khái niệm PTCĐ và khuyến khích các quốc gia sử dụng PTCĐ như một công cụ để thực hiện các chương trình phát triển quốc gia.

Thập kỷ 1960-70 được chọn là thập kỷ phát triển thứ nhất (The first development decade) với những chương trình viện trợ qui mô lớn về kỹ

thuật, phương pháp và vốn. Thời điểm ấy nông thôn chiếm 80 – 90 % các nước cựu thuộc địa nên PTCĐ nhằm chủ yếu vào phát triển các cộng đồng nông thôn. Từng nhóm hay cộng đồng địa phương có thể liên kết xây dựng một dự án như tổ hợp đánh cá, sản xuất nông nghiệp hay tiểu thủ công nghiệp. Chính quyền xét và tài trợ theo tỉ lệ qui định so với sự đóng góp của người dân, thường là 50:50.

Năm 1970 Liên Hiệp Quốc lượng giá thập kỷ phát triển . Kết quả cho thấy có một số tiến bộ rõ rệt như sự thay đổi bộ mặt nông thôn với các hạ tầng cơ sở, tiện nghi công cộng phục vụ người dân. Tuy nhiên phong trào rầm rộ này tỏ ra máy móc và tốn kém. Thành quả tích cực nhất là số cơ sở vật chất nhưng sau đó trở nên vô dụng, chẳng hạn những cái xác của trạm xá, thư viện, giếng bơm không được dùng đến vì không đáp ứng nhu cầu thật của người dân. Phong trào không đạt được kết quả mong muốn, nhất là một sự chuyển biến đáng kể về mặt xã hội. Ví dụ chưa có sự thay đổi hành vi, tập quán từ người dân để tiếp nhận tiến trình hiện đại hóa và phát triển. Chưa có công bằng xã hội vì có một số ít khá lên, người nghèo vẫn nghèo hoặc nghèo hơn.

Sự tham gia thực sự của dân vào quá trình lấy quyết định, phát huy sáng kiến...còn rất hạn chế, họ chỉ đóng góp lao động như một thứ vật tư. Quan trọng hơn, từng cá nhân không thể tham gia nếu không thông qua các tổ chức chính thức hay phi chính thức, mà các tổ chức này lại không có, hoặc quá yếu, hoặc đi ngược lại quyền lợi của dân. Đây cũng là điểm cơ bản nhất của sự chậm phát triển vì PTCĐ không tạo ra được cơ sở hạ tầng xã hội cần thiết cho phát triển. Hơn nữa, đơn vị làng xã quá nhỏ, phát triển một cách riêng lẻ mà phát triển địa phương không thể nằm ngoài phát triển quốc gia.

Bài học đáng ghi nhớ là sự thất bại tất yếu của cách làm ồ ạt theo phong trào, áp đặt từ trên xuống và nguyên tắc quan trọng là cho dù nhà nước có chính sách chiến lược tốt, phát triển cũng phải từ dưới lên, xuất phát từ ý chí và nỗ lực của quần chúng.

Từ cuộc lượng giá trên các phương hướng sau đây được nhấn mạnh:

- Sự tham gia của quần chúng là yếu tố cơ bản.
- Yếu tố tổ chức hết sức quan trọng. Cần phải xây dựng các thiết chế xã hội để làm công cụ, môi trường cho sự tham gia của người dân, các tổ chức chính quyền địa phương phải được điều chỉnh để thực hiện chức năng phát triển.
- Trong PTCĐ không đặt nặng chương trình, dự án từ bên trên, bên ngoài đưa vào mà khuyến khích các sáng kiến, các công trình vừa sức do người dân tự đề xướng và thực hiện với sự hỗ trợ từ bên ngoài.
- Tạo được chuyển biến xã hội mới là quan trọng, bao gồm sự thay đổi nhận thức, hành vi người dân nhằm mục đích phát triển, và sự chuyển biến trong tổ chức, cơ cấu và các mối tương quan lực lượng trong xã hội.
- PTCĐ chỉ có hiệu quả, khi nằm trong một chiến lược phát triển quốc gia đúng đắn, phát triển làng xã phải đặt trong kế hoạch phát triển cấp vùng.
- Huấn luyện để trang bị cho dân và những người có trách nhiệm kỹ năng tổ chức, lãnh đạo là một hoạt động không thể thiếu

2. KHÁI NIỆM CỘNG ĐỒNG VÀ PHÁT TRIỂN

2.1. Cộng đồng

2.1.1. Khái niệm cộng đồng

“Cộng đồng là một tập thể có tổ chức, bao gồm các cá nhân con người sống chung ở một địa bàn nhất định, có chung một đặc tính xã hội hoặc sinh học nào đó và cùng chia sẻ với nhau một lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào đấy” (Trung tâm Nghiên cứu và Tập huấn PTCD)

“Cộng đồng là tập thể người sống trong cùng một khu vực, một tỉnh hoặc một quốc gia và được xem như một khối thống nhất”; “Cộng đồng là một nhóm người có cùng tín ngưỡng, chủng tộc, cùng loại hình nghề nghiệp, hoặc cùng mối quan tâm”; “Cộng đồng là một tập thể cùng chia sẻ, hoặc có tài nguyên chung, hoặc có tình trạng tương tự nhau về một số khía cạnh nào đó” (Tự điển Đại học Oxford)

Có thể phân ra 2 loại cộng đồng:

Cộng đồng địa lý bao gồm những người dân cư trú trong cùng một địa bàn có thể có chung các đặc điểm văn hoá xã hội và có thể có mối quan hệ ràng buộc với nhau. Họ cùng được áp dụng chính sách chung

Cộng đồng chức năng gồm những người có thể cư trú gần nhau hoặc không gần nhau nhưng có lợi ích chung. Họ liên kết với nhau trên cơ sở nghề nghiệp, sở thích, hợp tác hay hiệp hội có tổ chức (NGO Training Project)

Như vậy, cộng đồng có thể ở quy mô các cấp khác nhau từ lớn đến nhỏ, từ chung chung đến cụ thể. Thí dụ:

- Cộng đồng địa lý: Cộng đồng người Hoa, người Chăm, cộng đồng dân cư tại xóm X

- Cộng đồng chức năng: Hội đồng hương của tỉnh Quảng Ngãi; Cộng đồng học sinh, sinh viên Việt Nam đang du học tại các nước; Cộng đồng những công nhân nhập cư tại khu phố A;..

2.1.2. Yếu tố cấu thành một cộng đồng

Ba yếu tố cấu thành cộng đồng là *con người, môi trường và mối tương tác*. Trong một môi trường, con người có những hoạt động tương tác, chia sẻ với nhau

Con người gồm những đặc điểm về nhân chủng học như họ tộc, dân tộc, ngôn ngữ, v.v.

Môi trường gồm cả môi trường địa lý, môi trường trao đổi thông tin, liên lạc,.. là nơi để con người có thể tương tác qua lại lẫn nhau

Các tương tác của con người trong cộng đồng với nhau và với môi trường của mình để chia sẻ những quan tâm, lợi ích chung, bao gồm nguồn sống, thu nhập, nghề nghiệp, sở thích, v.v

2.2. Phát triển

2.2.1. Một số khái niệm phát triển

- “Phát triển là làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, từ thấp đến cao, hẹp đến rộng, đơn giản đến phức tạp” (Tự điển tiếng Việt)
- “Phát triển mang tính so sánh, mang tính thời gian. Phát triển là sự thay đổi theo hướng khác biệt đi theo hướng tốt hơn, hài lòng và ổn định hơn” (Trung tâm Nghiên cứu và Tập huấn PTCD)
- “Phát triển là tạo ra sự **thay đổi** theo chiều hướng **tốt hơn, chất lượng hơn**”.

2.2.2. Mục đích của phát triển

Mục đích của phát triển là nâng cao chất lượng đời sống của người dân và nhằm cung cấp cho con người những cơ hội để phát triển toàn diện các tiềm năng. Phát triển không chỉ là tăng số thu nhập đầu người của một quốc gia, tăng các chỉ số sản phẩm sản xuất của địa phương, của vùng, hoặc tăng tiết kiệm của cá nhân hay nhóm, hoặc không chỉ hàm ý sự tăng lên về tài nguyên và thêm kỹ năng, mà còn là tạo ra những *thay đổi*, cải tiến tích cực.

Phát triển cần giúp những người dân thiệt thòi trước đây có thể cải thiện các điều kiện sống của họ và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản như việc làm, nhà ở, môi trường an toàn.

Kinh nghiệm cho thấy nếu xem toàn bộ cộng đồng là đối tượng thì đa số lợi ích phát triển lại rơi vào nhóm khá giả, nhóm có tiềm năng kinh

tế mà ít đến tay nhóm người nghèo nhất. Nhận thức mới này dẫn đến việc hình thành chiến lược phát triển mà *đối tượng là những nhóm bị thiệt thòi*, và mục đích là nhằm tăng cường quyền lực cho cộng đồng. Đó là những chiến lược “Phát triển có sự tham gia”, “Phát triển lấy người dân làm trọng tâm”.

2.2.3. Nội dung của phát triển

Phát triển lấy người dân làm trọng tâm

- Trước tiên quan tâm đến nhân phẩm và tiềm năng của người dân
- Là một tiến trình nhằm cải thiện an sinh của người dân, nhấn mạnh đến sự tham gia của dân vào tiến trình phát triển để đạt mục đích trên.
- Là một mô hình phát triển xuất phát từ kinh nghiệm của người dân, văn hóa của địa phương và lợi ích của phát triển phải tới dân, đặc biệt là người nghèo.

Nội dung của phát triển con người gồm 4 thành tố:

- 1) Tăng năng suất: Người dân phải được hỗ trợ tăng năng suất và *tham gia tích cực vào tiến trình lao động tăng thu nhập*, việc làm có lương hoặc thù lao. Tăng trưởng về kinh tế chỉ là một mặt của phát triển con người.
- 2) Bình đẳng: Mọi người dân phải có cơ hội như nhau trong phát triển. Những hạn chế về cơ hội tiếp cận với tài nguyên, kinh tế, quyền lực cần được tháo gỡ, để người dân có cơ hội tham gia và thụ hưởng các lợi ích của phát triển.

- 3) Tính bền vững: người dân được quyền tiếp cận với những cơ hội kinh tế và quyền lực nhưng phải đảm bảo sự phát triển lâu dài, vì lợi ích của thế hệ mai sau. Tất cả mọi tài nguyên vật chất, tài chính, nhân lực, môi trường phải được bồi đắp để tăng khả năng tái sản sinh.
- 4) Tăng năng lực / quyền lực: Phát triển phải xuất phát từ chính người dân, vì dân. Người dân phải được *tham gia vào việc lấy quyết định* và quá trình phát triển đang ảnh hưởng đến đời sống của họ.

3. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

3.1. Thế nào là cộng đồng kém phát triển và phát triển?

- **Đặc điểm của cộng đồng kém phát triển**

- *Nhu cầu cơ bản* không được đáp ứng đầy đủ như thiếu ăn, thiếu mặc, nhà ở tồi tàn hoặc không nhà ở,...

- *Kinh tế nghèo nàn: tình hình/phương tiện sản xuất lạc hậu, kỹ thuật/mô hình sản xuất không phù hợp, hệ thống tiêu thụ/phân phối hàng hóa hạn chế, không hiệu quả, thu nhập thấp, thất nghiệp,..*

- *Cơ sở hạ tầng thiếu thốn, dịch vụ xã hội nghèo nàn*, thiếu trang thiết bị tối thiểu như thiếu nước sạch, thiếu điện, thiếu cầu, đường, lưu thông khó khăn, thiếu trường lớp, trạm y tế, thuốc chữa bệnh,...

- ***Về tinh thần:*** Thiếu nhu cầu sinh hoạt tinh thần, giải trí yếu kém, tỉ lệ mù chữ cao, thiếu giáo viên, thiếu thông tin. Tâm lý thiếu tự tin, trông chờ, ỷ lại.

- ***Người dân không được quyền tham gia ra quyết định*** những việc liên quan trực tiếp đến đời sống của họ (thí dụ giá sản phẩm, hoặc đề án “phát triển” từ ngoài đưa vào).

- ***Người dân thiếu cơ hội tiếp cận*** với các nguồn tài nguyên như tín dụng, kỹ thuật mới, đào tạo mới, đất đai...

- **Đặc điểm của cộng đồng phát triển**

- ***Về hạ tầng cơ sở kỹ thuật:*** Đường sá, cầu cống được xây dựng, lưu thông được cải tiến và mạng lưới thông tin hữu hiệu được thiết lập.

- ***Đời sống người dân được cải thiện:*** Thông qua những nỗ lực, cố gắng, người dân thiết thời trong cộng đồng có khả năng trả tiền học phí cho con cái, chi phí y tế, đồng thời mở mang kiến thức về xã hội hiện đang sống.

- ***Sự tham gia:*** Người dân được quyền tham gia vào những quyết định có ảnh hưởng đến đời sống của họ. Điều này được xem như yếu tố chủ yếu trong xác định PTCĐ.

- **Sáng kiến khởi sự của người dân:** Những sáng kiến nhằm tự cải thiện cuộc sống của người dân trong cộng đồng được công nhận và phát huy

Cuối cùng, một cộng đồng phát triển đúng nghĩa nếu nghèo đói và thất nghiệp giảm đi, nhân quyền và công bằng xã hội được củng cố. Vì thế, để phát triển một cộng đồng người thiệt thòi thì phải tạo ra sự **thay đổi** trong:

- 1) Phương cách làm ăn, kinh tế,
- 2) Nâng cao cơ sở hạ tầng,
- 3) Đặc biệt chú trọng tạo điều kiện thuận lợi trong việc lấy quyết định chung về phân phối tài nguyên trong cộng đồng.

Nói cách khác, tạo **thêm cơ hội** để người dân nghèo tiếp cận tài nguyên và tham gia quản lý dự án phát triển có liên quan đến đời sống của họ.

3.2. Định nghĩa phát triển cộng đồng

Khái niệm phát triển cộng đồng được chính phủ Anh sử dụng đầu tiên, 1940

“Phát triển cộng đồng là một chiến lược phát triển nhằm vận động sức dân trong các cộng đồng nông thôn cũng như đô thị để phối hợp cùng những nỗ lực của nhà nước để cải thiện hạ tầng cơ sở và tăng khả năng tự lực của cộng đồng”

Theo Murray G. Ross, 1955

“Phát triển cộng đồng là một diễn tiến qua đó cộng đồng nhận rõ nhu cầu hoặc mục tiêu phát triển của cộng đồng; biết sắp xếp ưu tiên các nhu cầu vì mục tiêu này; phát huy sự tự tin và ý muốn thực hiện chúng; biết tìm đến tài nguyên bên trong và ngoài cộng đồng để đáp ứng chúng, thông qua đó sẽ phát huy những thái độ và kỹ năng hợp tác trong cộng đồng”

Định nghĩa chính thức của Liên Hiệp Quốc, 1956

“Phát triển cộng đồng là những tiến trình qua đó nỗ lực của dân chúng kết hợp với nỗ lực của chính quyền để cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá của các cộng đồng và giúp các cộng đồng này hội nhập và đồng thời đóng góp vào đời sống quốc gia”

Định nghĩa này nhấn mạnh hai yếu tố:

- Sự tham gia của người dân với sự tự lực tối đa, và
- Sự hỗ trợ về kỹ thuật và dịch vụ của nhà nước để khuyến khích sáng kiến, sự tự giúp, những cố gắng của người dân.

Theo Th.S Nguyễn Thị Oanh, 1995

“Phát triển cộng đồng là một tiến trình làm chuyển biến cộng đồng nghèo, thiếu tự tin thành cộng đồng tự lực thông qua việc giáo dục gây nhận thức về tình hình, vấn đề hiện tại của họ, phát huy các khả năng và tài nguyên sẵn có, tổ chức các hoạt động tự giúp, bồi dưỡng và củng cố tổ chức, và tiến tới tự lực, phát triển”.

3.3. Các giá trị của phát triển cộng đồng

- **An sinh của người dân:** mọi người đều có quyền được phát triển, có công ăn việc làm, đảm bảo cuộc sống đầy đủ nhân phẩm, có giá trị, được tôn trọng và được bảo vệ.
- **Công bằng xã hội:** mọi người đều có quyền, có cơ hội như nhau để thỏa mãn nhu cầu cơ bản và giữ gìn giá trị và nhân phẩm của mình. Công bằng xã hội đòi hỏi sự phân bổ lại tài nguyên và quyền lấy quyết định trong xã hội.
- **Tinh thần cộng đồng và trách nhiệm xã hội:** chúng ta tin rằng con người với tư cách là một thành tố của cộng đồng và xã hội không chỉ quan tâm đến cá nhân mình mà còn có trách nhiệm với đồng loại, và cùng nhau giải quyết những nhu cầu, vấn đề chung.

3.4. Mục đích của phát triển cộng đồng

Ba mục đích chính của phát triển cộng đồng

- 1) Năng lực của người dân được củng cố, tăng cường.
- 2) Cộng đồng tiến tới tự lực, tự cường do chính sự tham gia tích cực của người dân vào các hành động tập thể trong tiến trình thay đổi và chuyển hoá cộng đồng.
- 3) An sinh và hạnh phúc của người dân.

Cụ thể là:

- Cải thiện cân bằng các điều kiện vật chất, tinh thần

- củng cố các thiết chế để tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển biến xã hội
- Bảo đảm sự tham gia tối đa về mọi mặt của người dân vào tiến trình phát triển
- Đẩy mạnh công bằng xã hội bằng cách tạo điều kiện cho nhóm thiệt thòi nhất nêu lên nguyện vọng của mình và tham gia tích cực vào hoạt động phát triển

3.5. Nội dung của phát triển cộng đồng

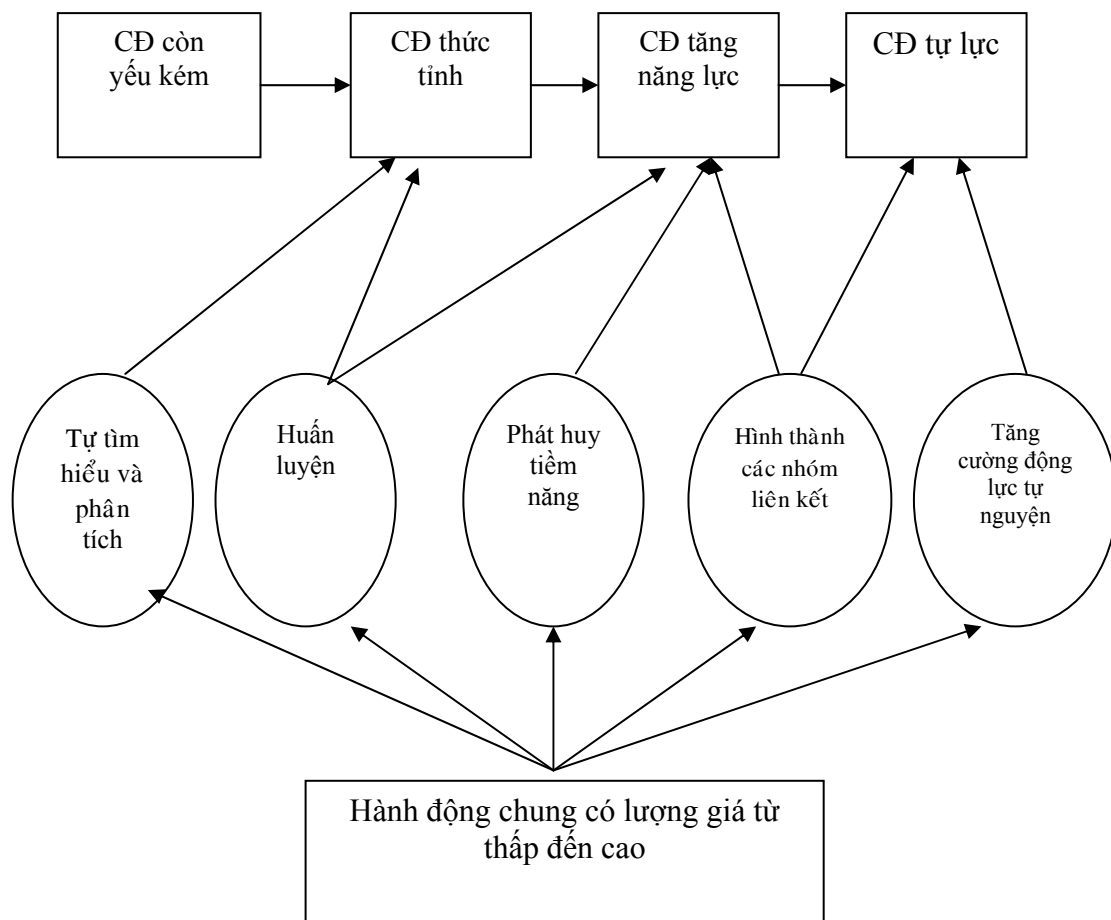
Nội dung phát triển cộng đồng gồm ba lĩnh vực liên quan nhau là:

- ***Quản lý tài nguyên cộng đồng:*** gồm quản lý môi trường cộng đồng, xử lý các thảm họa do thiên tai; phát triển các cơ sở kinh doanh sản xuất
- ***Giáo dục cộng đồng:*** giúp trang bị kiến thức, sự hiểu biết và kỹ năng làm việc, lao động cho người dân. Bao gồm: a/ gây nhận thức hoặc thức tỉnh cho chính quyền địa phương và cộng đồng về tình trạng hiện tại của cộng đồng; b/ hình thành giá trị cộng đồng, giúp thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi tiêu cực, đề cao giá trị tích cực, khơi dậy truyền thống cần cù, hiếu học, tương thân, tương trợ; và c/ phát triển kỹ năng làm việc chung
- ***Tổ chức cộng đồng:*** bao gồm: a/ củng cố các tổ chức có sẵn như các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội tại cộng đồng; b/ thành lập nhóm nhỏ, nhóm mới hoặc các câu lạc bộ; c/ tổ chức các ngành nghề như các tổ sản xuất, câu lạc bộ nghề nghiệp trong cộng đồng.

Mở rộng, liên kết với các nhóm khác, tiến đến thành lập hiệp hội, hợp tác xã...

Ba lãnh vực trong nội dung phát triển cộng đồng được dùng như điểm xuất phát trong một dự án. Các dự án phát triển cộng đồng được tiến hành tùy theo lĩnh vực chuyên môn của các tổ chức phát triển và nhu cầu của cộng đồng. Có những tổ chức phát triển chỉ chuyên thực hiện dự án quản lý tài nguyên thí dụ “Dự án nước sạch nông thôn”, “Dự án phòng chống lụt bão, thiên tai”; hoặc chuyên thực hiện giáo dục cộng đồng như “Dự án chống bạo hành phụ nữ” hoặc “Dự án giáo dục môi trường”. Tuy nhiên, cũng có tổ chức phát triển kết hợp hai nội dung như thực hiện giáo dục cộng đồng hoặc tổ chức cộng đồng thông qua các chương trình quản lý tài nguyên rừng, biển, nông nghiệp, hoặc sức khỏe cộng đồng như “Dự án xóa mù chữ và bảo vệ môi trường Nam Cát Tiên” tại Ấp 5, xã Thanh Sơn, Huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

3.6. Tiến trình PTCĐ



Hình 1. Mô hình Phát triển Cộng đồng

Tiến trình phát triển cộng đồng đi từ cộng đồng yếu kém đến cộng đồng tự lực qua các bước sau:

Thức tỉnh cộng đồng

Trước tiên cộng đồng cần được giúp để tự tìm hiểu và phân tích nhằm biết rõ về những vấn đề của cộng đồng, những nguyên nhân và hậu quả do các vấn đề gây ra. Bên cạnh đó, người dân cũng tự nhận diện ra được những tài nguyên, tiềm năng và những khó khăn, thuận lợi từ cộng đồng để họ có cơ sở giải quyết vấn đề. Điều quan trọng là cộng đồng cần nhận ra sự hợp tác của chính mình là yếu tố quyết định trong việc thay đổi tình trạng yếu kém hiện tại

Tăng năng lực cộng đồng

Cộng đồng nhận ra được những gì mình có mà chưa sử dụng như đất đai, cơ sở, nhân tài, kinh nghiệm,... và những nguồn hỗ trợ từ bên ngoài như kiến thức, chuyên môn, tín dụng,... Để sử dụng và quản lý được những nguồn lực này thì cộng đồng cần được hỗ trợ tăng khả năng, kiến thức và kỹ năng để cùng hành động, bằng các hình thức học tập, huấn luyện chính thức và không chính thức như trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm; tham quan học tập mô hình.

Cộng đồng tự lực

Cộng đồng có khả năng tự quản lý các hoạt động, dự án phát triển, các vấn đề trong cộng đồng, bằng cách khai thác và sử dụng hợp lý và hiệu quả các tài nguyên bên trong và ngoài cộng đồng. Đảm bảo cân bằng sinh thái, nguồn tài nguyên để không ảnh hưởng đến việc đáp ứng cho nhu cầu của thế hệ tương lai

4. CÁC NGUYÊN TẮC HÀNH ĐỘNG TRONG PTCĐ

Để thực hiện PTCĐ thì cần tuân thủ 10 nguyên tắc hành động như sau:

- 1) ***Bắt đầu từ nhu cầu, tài nguyên và khả năng của người dân.*** Cần chú ý đôi khi nhu cầu của người dân rất khác với nhu cầu của nhà tài trợ, hoặc của chính quyền địa phương chẳng hạn cộng đồng đang cần nước sạch, nhưng dự án chỉ xây dựng các trụ sở hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng. Đồng thời nên vận dụng những gì có sẵn trong cộng đồng thí dụ các vật liệu như gỗ, tranh, tre, và tay nghề của người dân trong cộng đồng để dựng một lớp học, đào giếng..
- 2) ***Đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm bức xúc hiện tại của họ.*** Cộng đồng nghèo có nhiều vấn đề cần cải thiện, nhưng phải chọn vấn đề ưu tiên để giải quyết và đáp ứng trước, không nên làm nhiều việc cùng một lúc.
- 3) ***Tin tưởng vào dân, vào khả năng thay đổi và phát triển của họ.*** Người dân dù nghèo hoặc khó khăn nhưng họ đều có óc sáng tạo và tính gắn bó, mong muốn thay đổi cuộc sống cộng đồng tốt hơn. Thí dụ, một phụ nữ lớn tuổi, không biết chữ, đi bán vé số nhưng nếu được hướng dẫn thì bà có thể trở thành một nhóm trưởng quản lý tốt một nhóm tiết kiệm-tín dụng.
- 4) ***Khuyến khích người dân cùng thảo luận, lấy quyết định chung, hành động chung để họ đồng hóa mình với những chương trình hành động.*** Điều này nhằm xây dựng, củng cố năng lực cộng đồng, đồng thời giúp cộng đồng làm chủ những hoạt động của mình ngay từ đầu tiến trình giải quyết vấn đề.
- 5) ***Bắt đầu từ những hoạt động nhỏ để dẫn đến các thành công nhỏ.*** Thí dụ thực hiện tráng một con hẻm khoảng vài chục mét, thành lập

những nhóm tiết kiệm với số thành viên khoảng 5-7 người/nhóm, phát vay tín dụng với số vốn vừa phải khoảng vài trăm ngàn cho một thành viên. Với những hoạt động nhỏ, người dân được tập dần cách điều hành và quản lý các hoạt động để đạt được thành công.

- 6) ***Vận động thành lập nhóm nhỏ để thực hiện dự án, không chỉ để giải quyết được một vấn đề cụ thể, mà còn để củng cố, làm vững mạnh tổ chức tự nguyện của người dân.*** Để phát huy hành động chung trong cộng đồng, tất cả các hoạt động nên thông qua hình thức nhóm nhỏ, khoảng 7-10 thành viên/một nhóm. Thí dụ Ban đại diện cộng đồng, nhóm phụ nữ có con dưới 5 tuổi, nhóm thiếu niên bảo vệ môi trường, nhóm tiểu thương,..
- 7) ***Cung cấp nhiều cơ hội để người dân tương trợ lẫn nhau và phát sinh các hoạt động chung, qua đó các thành viên vừa đạt được cảm xúc tự hoàn thành nhiệm vụ vừa góp phần cải thiện an sinh cho nhóm. Cả hai điều này đều quan trọng như nhau.*** Thí dụ phân công những người có tay nghề sẽ hướng dẫn những người học nghề trong một nhóm, hoặc tổ chức các buổi họp để người dân cùng bàn cách giúp đỡ những người già neo đơn, hoặc phụ nữ đơn thân trong cộng đồng
- 8) ***Quy trình “Hành động – Suy ngẫm rút kinh nghiệm – Hành động mới” cần áp dụng để tiến đến những chương trình hành động chung lớn hơn, trình độ quản lý cao hơn.*** Bất kỳ hoạt động nào cũng nên áp dụng quy trình này, cho dù là tổ chức một buổi sinh hoạt dã ngoại cho trẻ em, hay ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất, hoặc làm một công trình như xây một cầu khỉ, và thực hiện một dự án tổng hợp...

- 9) ***Nếu điều hành có hiệu quả, giải quyết mâu thuẫn theo nhóm là dịp để tổ chức nhóm trưởng thành.*** Không tránh né những mâu thuẫn vì điều này rất thường xảy ra với tổ chức nhóm nhiều người. Việc cùng nhau giải quyết thành công những vấn đề xảy ra trong nhóm sẽ giúp các thành viên nhóm hiểu nhau hơn, và nhóm sẽ có những bài học quý báu, đồng thời tăng kỹ năng quản lý, tổ chức.
- 10) ***Thiết lập mối liên kết với các tổ chức khác để có thêm hỗ trợ và hợp tác với nhau.*** Phương pháp này được gọi là “tạo mạng lưới” (networking), thí dụ liên kết giữa những nhóm trong cộng đồng như nhóm giáo dục xoá mù chữ; nhóm truyền thông môi trường; nhóm chăn nuôi, trồng trọt; nhóm thể thao, văn nghệ. Hoặc liên kết với các nhóm khác ngoài cộng đồng như các nhóm tiết kiệm-tín dụng của cộng đồng X sẽ liên kết với cộng đồng Y để tạo thành các cụm hoặc trung tâm;..Việc liên kết này sẽ tạo thêm hiệu quả, sức mạnh vì các nhóm có thể trao đổi, sử dụng nguồn lực của nhau. Đồng thời tăng thêm tiếng nói cho các cộng đồng, nếu có vấn đề cần đề xuất, ngay cả chính sách.

Tài liệu tham khảo:

- Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam, *Tài liệu tập huấn Công tác Xã hội*, 1997
- Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển Cộng đồng*, ĐH Mở BC TP.HCM, 2000
- Pat Ellis, *Hãy đưa cộng đồng vào cuộc*, NXB Trẻ TP. HCM, 2000
- CACERP, *Tài liệu phát cho học viên PTCD*

4. Những khái niệm cơ bản trong bài và cách học từng phần của bài

Khái niệm cơ bản trong bài

- **Phát triển:** Phát triển là sự thay đổi theo chiều hướng tốt hơn, chất lượng hơn.
- **Cộng đồng:** Trong đời sống xã hội, khái niệm cộng đồng được sử dụng một cách tương đối rộng rãi, để chỉ nhiều đối tượng có những đặc điểm tương đối khác nhau về quy mô, đặc tính xã hội. Có thể phân biệt cộng đồng địa lý và cộng đồng chức năng.
- **Phát triển cộng đồng:** PTCD là một tiến trình làm chuyển biến cộng đồng nghèo, thiếu tự tin thành cộng đồng tự lực thông qua việc giáo dục gây nhận thức về tình hình, vấn đề hiện tại của họ, phát huy các khả năng và tài nguyên sẵn có, tổ chức các hoạt động chung tự giúp, bồi dưỡng và củng cố tổ chức, và tiến tới tự lực, phát triển.

Cách học từng phần

- Lịch sử PTCD: Sinh viên đọc và ghi nhận những điểm mốc chính
- Các khái niệm: Sinh viên đọc giáo trình và tham khảo thêm tài liệu về phát triển
- Các đặc điểm của cộng đồng nghèo, kém phát triển: Nếu có điều kiện học theo nhóm, sẽ chia hai nhóm, một nhóm vẽ hình cộng đồng kém phát triển, nhóm khác vẽ hình cộng đồng phát triển, sau đó so sánh, tìm ra những đặc điểm của từng cộng đồng.

- Nguyên tắc hành động phát triển cộng đồng: Sinh viên liên hệ những hoạt động đang diễn ra tại địa phương nơi đang sống hoặc hoạt động của cơ quan đang công tác, tìm ra những nguyên tắc nào được và chưa được ứng dụng. Rút ra nhận định.

5. Một số điểm cần lưu ý khi học:

Sinh viên cần hiểu phát triển cộng đồng là một *phương pháp công tác xã hội*, hiện đang ứng dụng tại nhiều nước đang phát triển. PTCĐ là chiến lược áp dụng cho đối tượng là nhóm bị thiệt thòi, nhằm tăng quyền lực cộng đồng.

Việc liên hệ và chia sẻ kinh nghiệm trong thực tế công tác hoặc cuộc sống tại địa phương nơi ở là một điều rất cần thiết để xây dựng bài học, đặc biệt là các nguyên tắc hành động trong phát triển cộng đồng.

6. Tóm lược những vấn đề cần ghi nhớ

- Phát triển cộng đồng bắt nguồn từ những năm 1940, được Liên Hiệp Quốc công nhận và khuyến khích các quốc gia sử dụng phương thức này trong tiến trình phát triển đất nước
- Phát triển cộng đồng gắn với chiến lược “phát triển có sự tham gia”, “phát triển lấy người dân làm trọng tâm” nên rất gần gũi với các chương trình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam, nhằm giúp người dân và cộng đồng *tăng năng lực*, tự thay đổi cuộc sống.

- Phát triển cộng đồng là một *tiến trình* thay đổi cộng đồng từ yếu kém đến tự lực
- 10 nguyên tắc hành động trong phát triển cộng đồng nhằm tôn trọng tối đa sự tham gia của người dân và phát huy tiềm năng, khả năng của cộng đồng

7. Câu hỏi

Câu 1. Mục đích của phát triển cộng đồng

Câu 2. Giá trị của phát triển cộng đồng?

Câu 3. Cộng đồng kém phát triển có những đặc điểm gì? Liên hệ địa phương nơi bạn đang sống hoặc công tác, so sánh và rút ra nhận định xem cộng đồng đó phát triển chưa.

Câu 4. Vẽ hình tiến trình PTCD và giải thích

Câu 5. Vì sao phải tuân thủ những nguyên tắc hành động trong PTCD?

8. Trả lời câu hỏi của bài 1

Câu 1: Mục đích của phát triển cộng đồng

- Ba mục đích chính: i/ tăng năng lực cho người dân; ii/ sự tham gia của người dân vào tiến trình cải thiện cộng đồng; iii/ an sinh cho cộng đồng

- Cụ thể hoá mục tiêu là: Cải thiện cân bằng về vật chất và tinh thần; củng cố các thiết chế để tạo điều kiện cho chuyển biến xã hội; Bảo đảm sự tham gia tối đa của người dân vào tiến trình phát triển; và Đẩy mạnh công bằng xã hội

Câu 2: Giá trị của phát triển cộng đồng: i/ An sinh của người dân; ii/ Công bằng xã hội; iii/ Tinh thần cộng đồng và trách nhiệm xã hội

Câu 3: - Các đặc điểm của một cộng đồng nghèo: i/ Kinh tế nghèo nàn; ii/ Cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội thiếu; iii/ Đời sống tinh thần không được đáp ứng; iv/ Người dân không được quyền tham gia lấy quyết định; v/ Người dân thiếu cơ hội tiếp cận với các nguồn tài nguyên

- Liên hệ thực tế

Câu 4: Vẽ mô hình tiến trình phát triển cộng đồng từ cộng đồng yếu kém đến tự lực

Câu 5: - Nêu 10 nguyên tắc hành động PTCD

- Giải thích việc áp dụng nguyên tắc nhằm mục đích tạo sự tham gia tối đa cho người dân

BÀI 2

TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

1. Giới thiệu khái quát bài 2

Bài 2 sẽ giới thiệu cho sinh viên về tiến trình tổ chức cộng đồng, trong tiến trình này cộng đồng sẽ thay đổi dần từ tình trạng yếu kém đến tự lực, tự cường. Sinh viên sẽ được tìm hiểu từng bước của tiến trình 9 bước tổ chức cộng đồng. Từ bước 1 đến bước 4 là việc tiếp cận cộng đồng, bắt đầu bằng việc lựa chọn cộng đồng, đến tìm hiểu, bồi dưỡng cán bộ nòng cốt và việc phân tích tình hình cộng đồng. Bước 5 đến bước 9 sẽ chuyên sâu vào công tác tổ chức cộng đồng, từ lúc hình thành Ban Phát triển đến những hoạt động thành lập, củng cố nhóm, liên kết nhóm và chuyển giao khi cộng đồng tự lực. Hoạt động của nhóm đóng vai trò chính yếu trong tổ chức cộng đồng.

Trong thực tế sinh viên có thể sẽ tiếp cận với nhiều hoạt động cộng đồng hoặc dự án phát triển cộng đồng không theo đủ tiến trình 9 bước, hoặc không theo thứ tự như lý thuyết trong bài này đã nêu. Do vậy, việc giới thiệu tất cả 9 bước theo lối tiếp cận cổ điển để sinh viên có cái nhìn tổng quát và hiểu về tiến trình tổ chức cộng đồng.

2. Mục tiêu học viên cần đạt được sau khi học xong bài 2

Sinh viên hiểu và nắm vững các bước cụ thể của việc tổ chức cộng đồng hay thực hiện một dự án PTCD, từ đó biết linh hoạt ứng dụng theo các đặc điểm tình hình của mỗi cộng đồng.

3. Hướng dẫn học nội dung cơ bản và các tài liệu tham khảo cho bài

Nội dung cơ bản:

- 1) Khái niệm và mục tiêu của tiến trình tổ chức cộng đồng
- 2) 9 bước trong tiến trình tổ chức cộng đồng
 - 1- Chọn cộng đồng
 - 2- Hội nhập cộng đồng
 - 3- Thành lập và tập huấn nhóm nòng cốt
 - 4- Tìm hiểu và phân tích cộng đồng
 - 5- Chính thức thành lập Ban Điều hành, lập kế hoạch các hoạt động phát triển
 - 6- củng cố tổ chức, phát huy vai trò các nhóm
 - 7- Liên kết bên trong và bên ngoài cộng đồng
 - 8- Lượng giá các hoạt động phát triển
 - 9- Chuyển giao- cộng đồng tự lực

NỘI DUNG BÀI 2

TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Phát triển cộng đồng là một tiến trình để đưa cộng đồng từ yếu kém đến tự lực, trong đó tiến trình hành động gồm những hoạt động chủ đạo như tổ chức cộng đồng, xây dựng và quản lý những dự án cộng đồng, và công tác liên kết các nguồn lực sẵn có để hỗ trợ cho sự phát triển của cộng đồng.

1. TỔNG QUÁT

1.1. Khái niệm tổ chức cộng đồng

Là một tiến trình giải quyết vấn đề qua đó cộng đồng được tăng sức mạnh bởi các kiến thức, kỹ năng, phát hiện nhu cầu và các vấn đề, lựa chọn ưu tiên, huy động tài nguyên và cùng giải quyết vấn đề. Tổ chức cộng đồng là một kỹ thuật với mục đích cuối cùng là sự tham gia chủ động với tư cách tập thể của người dân vào phát triển. Nó nhằm tăng sức mạnh cho cộng đồng để tự quyết định về sự phát triển của mình và sự định hình của tương lai mình (REDO-Trường Công tác Xã hội và Phát triển Cộng đồng – Đại học Philippines)

1.2. Mục tiêu của tổ chức cộng đồng

- Phát triển kỹ năng và khả năng tổ chức của người dân, giúp cộng đồng biết cách lập kế hoạch xã hội
- Nối kết các đầu tư kinh tế xã hội vào những nhóm cộng đồng nghèo cơ sở
- Ủng hộ cho sự liên kết rộng rãi các tổ chức trong việc giải quyết các vấn đề cộng đồng
- Tạo sự quan tâm về công bằng xã hội trong tiến trình lập kế hoạch xã hội

1.3. Tiến trình tổ chức cộng đồng

Là một tiến trình bao gồm từ việc lựa chọn và tìm hiểu cộng đồng, bồi dưỡng cán bộ nòng cốt đến việc xây dựng và phát triển các tổ chức hợp tác trong cộng đồng. Tiến trình này được cụ thể hoá qua các công việc sau

- Lựa chọn cộng đồng
- Hội nhập cộng đồng, nhận diện những người tích cực, có khả năng trong cộng đồng
- Xây dựng và tập huấn, bồi dưỡng nhóm lãnh đạo nòng cốt
- Thực hiện việc tìm hiểu, phân tích tình hình cộng đồng
- Lên kế hoạch hành động và thực hiện các kế hoạch hành động
- Vận động nhóm và củng cố tổ chức nhóm
- Rút kinh nghiệm, lượng giá các hoạt động và sự phát triển của tổ chức/nhóm

- Mở rộng các mối liên kết với các nhóm khác trong và ngoài cộng đồng
- Chuyển giao

Các bước hành động trên không phải hoàn toàn tách biệt nhau, không chỉ làm xong công việc này mới đến công việc khác mà tùy trường hợp, hai hay ba hành động có thể tiến hành cùng lúc. Thí dụ khi vào cộng đồng, tác viên có thể vừa hội nhập, vừa nghiên cứu, nhen nhóm các nhóm hành động...

Trình tự của các công việc trên cũng có thể được thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh. Thí dụ: có thể sau khi lựa chọn cộng đồng, việc tập huấn được thực hiện ngay để sau đó nhóm này có thể cùng với tác viên hoặc chính họ tự tìm hiểu và phân tích về tình hình cộng đồng của họ, đồng thời cùng tác viên lên kế hoạch hành động và tổ chức các nhóm hành động.

2. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH CÔNG TÁC TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

2.1. Bước 1 . Chọn cộng đồng

Việc lựa chọn cộng đồng được bắt đầu từ phạm vi rộng và hẹp dần đến khi phù hợp với tiêu chuẩn và khả năng đáp ứng của cơ quan phát triển. Thông thường công việc này được bắt đầu từ việc lựa chọn khu vực (thí dụ khu vực đồng bằng hay miền núi, khu vực nông thôn hay thành thị...), đến việc lựa chọn tỉnh, thành và quận, huyện. Ở bước này, tác viên cộng đồng, hay còn gọi là tác viên, có thể căn cứ trên các nguồn thông tin

đại chúng, từ số liệu thống kê công khai của các địa phương hoặc qua sự giới thiệu hay tham khảo ý kiến của đồng nghiệp hoặc các cơ quan xã hội có kinh nghiệm liên quan đến các địa phương này.

Từ một cộng đồng rộng cấp quận huyện, đến việc lựa chọn cộng đồng cấp xã phường và ấp hay khu phố, tổ dân phố thì công việc phức tạp hơn vì cần nhiều thông tin hơn, mà thông tin chính thức (qua báo cáo thống kê) ở các cấp này thường là ít, thiếu, hạn chế hoặc chỉ những thông tin chung chung. Do vậy, tác viên phải trực tiếp phỏng vấn các lãnh đạo và dân địa phương, kết hợp với quan sát đời sống, sinh hoạt của người dân ở các khu vực nghèo để có những thông tin chính xác hơn.

2.1.1. Một vài tiêu chí tham khảo để chọn địa bàn

Cộng đồng

- Đa số là người nghèo và nhu cầu bức xúc của họ phù hợp với lĩnh vực hoạt động, khả năng đáp ứng của cơ quan tài trợ và chiến lược phát triển của địa phương.
- Cộng đồng không bất ổn nghiêm trọng về an ninh, chính trị cản trở dự án.
- Quy mô cộng đồng không quá lớn, thường thì một thôn hoặc một khu phố là lý tưởng.
- Có tài nguyên và tiềm năng phát triển. Thí dụ có đất đai, nguồn nước; có kinh nghiệm sản xuất, nuôi trồng; có lực lượng lao động trẻ.

Chính quyền

- Lãnh đạo địa phương tương đối cởi mở, hiểu và chấp nhận phương pháp PTCĐ.
- Có năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển
- Nhiệt tình tham gia, có trách nhiệm và quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc của dân
- Nội bộ đoàn kết

2.1.2. Một số điểm lưu ý trong bước 1

- Các bước công việc trên áp dụng cho trường hợp tác viên cộng đồng là người từ bên ngoài đến làm việc tại một cộng đồng. Việc lựa chọn cộng đồng sẽ đơn giản hơn khi tác viên là cán bộ hay là người đang sống tại địa phương (chẳng hạn tác viên cộng đồng là cán bộ hay tình nguyện viên của các chi hội Chữ Thập Đỏ cơ sở), hoặc cơ quan phát triển hay tác viên được chính quyền hay một ban ngành, đoàn thể địa phương mời đến giúp địa phương làm công tác PTCĐ.
- Thống nhất với chính quyền địa phương các cấp về một số tiêu chuẩn của cộng đồng để chọn địa bàn.

2.2. Bước 2. Hội nhập cộng đồng, nhận diện những người có khả năng và tích cực

Khi địa bàn đã được chọn, việc đầu tiên của bước hội nhập cộng đồng là tác viên hoặc vài tác viên trở lại thăm viếng các cán bộ lãnh đạo địa phương để thông báo công khai mục đích, nhiệm vụ của mình trong cộng đồng. Thường thì chính quyền địa phương giới thiệu một số cán bộ trực tiếp cộng tác với tác viên hoặc đóng vai trò hướng dẫn, giới thiệu tác viên với cộng đồng.

Trong một vài tháng đầu, với tác phong “tam cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm với dân), tác viên thường xuyên xuống cộng đồng, “lân la”, tìm hiểu, trao đổi với người dân, với lãnh đạo hay những người có uy tín trong cộng đồng.

Một cách hay nhất để có thể có được mối quan hệ tốt với người dân và hiểu sâu hơn về cộng đồng là tham dự những sinh hoạt, công việc của cộng đồng, chẳng hạn tham gia các hoạt động kinh tế như lưới cá, làm ruộng, chăn nuôi, đan, thêu, hoặc làm việc nhà khi ở cùng gia đình người dân. Tóm lại có nhiều cách để sống gần gũi với người dân và hòa nhập với lối sống của họ, nhưng người tác viên cộng đồng cần luôn giữ phẩm chất, đạo đức của mình. Điều này có nghĩa là sống chung với họ và chia sẻ những kinh nghiệm sống như họ. Kết quả cần đạt là tạo được mối quan hệ tin cậy, hiểu biết giữa tác viên và cộng đồng.

Thời gian hội nhập cộng đồng khoảng từ 4-6 tháng là lý tưởng để giúp tác viên có thể nghe, thấy, hiểu tâm tư, nhu cầu, vấn đề khó khăn, tiềm năng của người dân cũng như để hiểu chính những khó khăn, hạn

chế của bản thân trong công tác vận động quần chúng. Tác viên có đủ thông tin để đánh giá tình hình xã hội của cộng đồng, và những yếu tố khả thi của một chương trình/dự án tương lai. Qua thu thập những thông tin ban đầu, tác viên phát hiện ra những tiềm năng, nhất là tiềm năng về con người để chuẩn bị cho bước hình thành nhóm nòng cốt.

2.3. Bước 3. Xây dựng và bồi dưỡng/ Tập huấn nhóm lãnh đạo nòng cốt

Sau quá trình hội nhập cộng đồng, tác viên đã phát hiện ra những nhân tố tích cực trong cộng đồng. Qua sự bàn bạc với cán bộ địa phương cùng cộng tác với tác viên, nhóm nòng cốt được lựa chọn và thành hình. Nhóm này gồm người thật sự đại diện cho dân, có ý thức tiến bộ trong cộng đồng, có thể bao gồm những cán bộ chính quyền, ban ngành, đoàn thể địa phương như tổ trưởng dân phố, tổ trưởng phụ nữ; những lãnh đạo tôn giáo nhiệt tình, có uy tín; người dân hay lãnh đạo nhóm phi chính thức trong cộng đồng chẳng hạn những người hay tổ chức cho cộng đồng đi tham quan, đi chùa, v.v..

2.3.1. Vài tiêu chuẩn để nhận diện người nòng cốt

- Thuộc gia đình có thu nhập thấp hoặc vừa trong cộng đồng
- Có uy tín và có ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng
- Suy nghĩ có ý thức đối với môi trường chung quanh
- Đáp ứng được với những thay đổi mới

- Có kỹ năng truyền thông, giao tiếp tốt, có khả năng phát biểu
- Mạnh dạn nói thay cho người dân trong cộng đồng
- Vì lợi ích của người nghèo trong cộng đồng
- Có điều kiện thời gian để tham gia các hoạt động đại diện cộng đồng

Việc lựa chọn người nòng cốt, người lãnh đạo cộng đồng cũng không nên quá cầu toàn, họ chỉ cần mang tính tiên phong trong một số hoạt động nhằm đạt lợi ích cộng đồng. Thí dụ người thường gợi ý và vận động mọi người giữ vệ sinh hoặc an ninh trong khu xóm, hoặc cung cấp thông tin về việc làm cho một số người thất nghiệp, hoặc hay đứng ra giảng hoà những mâu thuẫn trong cộng đồng, v. v...

2.3.2. Bồi dưỡng nhóm nòng cốt

Sau khi nhóm nòng cốt được hình thành (lý tưởng là khoảng 10 người), việc lên kế hoạch và tổ chức tập huấn được bàn bạc để thực hiện. Chương trình tập huấn căn bản và phương pháp PTCĐ lồng ghép một số kỹ năng như năng động nhóm, truyền thông, lãnh đạo v.v... Đây là những nội dung cần thiết để có thể triển khai các chương trình theo đúng phương pháp PTCĐ.

Hướng dẫn viên của khóa tập huấn là nhóm tác viên và có thể có thêm vài đồng nghiệp có nhiều kinh nghiệm tập huấn được mời hỗ trợ. Tập huấn nên được tổ chức liên tục từ 4 buổi đến một tuần lễ. Kinh phí tổ chức tốt nhất nên do địa phương chịu trách nhiệm, nếu địa phương khó khăn các bên cùng bàn bạc chịu trách nhiệm. Trong tập huấn nên vận

dụng tối đa những loại hình sinh động của phương pháp “Giáo dục chủ động” và các minh họa cho lý thuyết PTCĐ cần được gắn với tình hình thực tế của địa phương.

Cuối khóa tập huấn, nên giúp nhóm nòng cốt thực hành chuẩn bị cho việc tự tìm hiểu và phân tích tình hình cộng đồng. Nếu thuận lợi có thể bầu tạm thời một Ban Phát triển hay Tổ phát triển cộng đồng gồm 3-5 người (tốt nhất là nên có sự tham gia của một vài thường dân có uy tín, chẳng hạn tổ trưởng dân phố). Số người còn lại trong nhóm nòng cốt sẽ là những người cùng Ban Phát triển tiến hành bước tìm hiểu cộng đồng, và các chương trình hành động sau đó.

Việc bồi dưỡng nhóm nòng cốt sẽ được tiếp tục trong suốt các hoạt động sau này. Thí dụ: Dự án Xóa mù và Bảo vệ Môi trường Nam Cát Tiên tại Ấp 5, Xã Thanh Sơn, Huyện Định Quán. Bước đầu tổ chức tập huấn kiến thức cơ bản về công tác xã hội và PTCĐ cho 25 tham dự viên, gồm giáo viên, thanh niên nòng cốt, ban ngành đoàn thể ấp, người dân tích cực, lãnh đạo phi chính thức trong cộng đồng. Hướng dẫn viên là 2 tác viên thuộc Trung tâm Công tác Xã hội kết hợp với cán bộ từ Viện Sinh Học Nhiệt đới. Lớp tập huấn cũng huấn luyện cho tham dự viên cách thực hiện khảo sát theo phương pháp cùng tham gia (PRA)

2.4. Bước 4 . Tìm hiểu và phân tích cộng đồng

Tác viên cần tìm hiểu và phân tích cộng đồng một cách tường tận. Qua đó, tác viên hiểu biết về những đặc điểm nổi bật của tình hình và làm thế nào để mang lại những thay đổi. Việc tìm hiểu và phân tích cộng đồng cũng sẽ làm cơ sở cho việc đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch và thực hiện dự án cũng như cho các đợt lượng giá.

Giai đoạn tìm hiểu cộng đồng cũng tạo sự thức tỉnh và hiểu biết của người dân theo khả năng của họ, họ có cơ hội nhìn lại hoàn cảnh của mình. Giai đoạn này bắt đầu cho một sự tham gia, vì không ai hiểu rõ hơn người dân về cộng đồng của họ. Người dân cũng dần nhận diện được trách nhiệm để giải quyết vấn đề của cộng đồng.

Việc tìm hiểu và phân tích về cộng đồng cần được tổ chức theo phương thức có sự tham gia của Ban Phát triển và tất cả thành viên của nhóm nòng cốt. Những kỹ thuật khảo sát đã được tập huấn sơ bộ trong lớp học (bước 3), nhóm tác viên cũng sẽ tiếp tục làm nhiệm vụ tư vấn thêm về chuyên môn kỹ thuật nghiên cứu và phân tích.

Phương pháp thu thập thông tin được phối hợp từ nhiều cách:

- Thu thập số liệu từ các báo cáo, hồ sơ, bài báo có sẵn của các cơ quan chức năng; quan sát những sinh hoạt cộng đồng
- La cà, trò chuyện thân mật với người dân trong cộng đồng
- Khảo sát dựa vào một bản câu hỏi soạn sẵn
- Phỏng vấn lãnh đạo địa phương và phỏng vấn sâu những người am hiểu vấn đề tại cộng đồng

- Thảo luận nhóm nhỏ người dân trong cộng đồng. Đây là dịp để người dân cùng ngồi lại với sự hỗ trợ của tác viên, để hệ thống hoá và tổng hợp vấn đề.
- Các phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA)

Thông tin cần tìm hiểu gồm:

2.4.1. Tổng quan về cộng đồng

- Địa lý: vị trí, đất đai, tài nguyên thiên nhiên
- Dân số: Tốc độ tăng dân số. Thông tin thu thập theo giới tính: tổng số dân, độ tuổi, tháp tuổi. Các lứa tuổi đáng quan tâm như trẻ em, người già, thanh niên, tuổi lao động
- Kinh tế: Cơ cấu ngành nghề (công-nông-thương mại-dịch vụ), khoa học kỹ thuật phục vụ kinh tế. Tiềm năng phát triển..
- Thông tin về chính trị, an ninh trật tự của cộng đồng
- Văn hoá, xã hội, y tế: Trình độ dân trí, vấn đề mù chữ, bỏ học, lớp phổ cập, cơ sở trường học, bệnh viện, đời sống giáo viên; sức khỏe, môi trường; phong tục tập quán, tín ngưỡng,...
- Các tổ chức có sẵn và các chương trình, mục đích hành động của họ, số lượng hội viên, cách tiếp cận

Những thông tin tổng quan về cộng đồng thể hiện bề nổi của cộng đồng.

2.4.2. Nhu cầu và các vấn đề của cộng đồng

Đó là những nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh, việc làm, thu nhập, ... hoặc những vấn đề nổi cộm trong cộng đồng như trẻ em thiếu chăm sóc, bị lạm dụng; gia đình tan vỡ; thanh niên thiếu định hướng cho tương lai; thanh thiếu niên thiếu kỹ năng sống; cộng đồng bất đồng về tín ngưỡng; an ninh khu phố, tệ nạn xã hội v.. v..

Những thông tin này được ghi nhận và thu thập qua trao đổi với người dân tại cộng đồng.

2.4.3. Tiềm năng và lực cản/ hạn chế của cộng đồng

Tiềm năng cộng đồng: là khả năng, năng lực, tài nguyên có nhưng còn tiềm ẩn, bị bỏ quên hay bị gạt ra ngoài nên không được sử dụng đúng mức để giúp cộng đồng phát triển.

Đó là đất đai, mặt bằng, tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn, cơ xưởng, trình độ văn hoá, tay nghề, khả năng tổ chức, kinh nghiệm, sức khỏe, tuổi trẻ hay các tổ chức phi hình thức có mục đích tích cực. Đó cũng là sức mạnh tinh thần như nền văn hóa, ước vọng, tấm lòng, sự nhiệt tình, tinh thần hợp tác, mối quan hệ hàng xóm, ý chí vươn lên... của một cộng đồng

Và, tiềm năng quan trọng nhất là CON NGƯỜI: người có uy tín, có chuyên môn, những lãnh tụ tự nhiên, các nhóm phi chính thức... với những ý kiến tốt, sáng tạo, được người khác tín nhiệm, người biết lắng nghe và được nghe.

Hạn chế của cộng đồng: Tiềm năng của cộng đồng đôi khi không được phát hiện hoặc tài nguyên bị phung phí do những cản ngại, đặc biệt là về tổ chức quản lý, bao gồm: i/ trình độ hạn chế của các nhà quản lý; ii/ việc tổ chức, sắp xếp chưa đúng người vào cương vị quản lý; iii/ người dân chưa được hỗ trợ để hình thành các tổ chức tự nguyện.

2.4.4. Các mối quan hệ trong cộng đồng

Đây là vấn đề then chốt trong cộng đồng, chính tính chất của các mối quan hệ trong cộng đồng sẽ làm cho cộng đồng mạnh hay yếu, do sự đoàn kết tinh thần hợp tác tạo sức mạnh cho hành động chung. Tuy vậy, vấn đề này không thể phát hiện được qua các cuộc điều tra mang tính chính quy hoặc chính thức như các bản hỏi.

Tìm hiểu mối quan hệ trong cộng đồng sẽ phát hiện hai cơ chế tồn tại song song:

i/ *Cơ chế chính thức* như tổ chức chính quyền, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức hợp pháp hay có danh xưng chính thức như các câu lạc bộ.

ii/ *Cơ chế phi chính thức* (phi hình thức) như các nhóm bạn, nhóm chơi thể thao, giải trí, các đội công tác xã hội tình nguyện, các nhóm nhậu, những người chơi hụi, đánh đề, các băng trộm cướp, v.v.. Đôi khi cơ chế phi chính thức này tác động rất mạnh mẽ tới người dân trong cộng đồng.

2.4.5. Nhận thức, kỳ vọng của người dân và lãnh đạo địa phương về các vấn đề của cũng cần được tìm hiểu.

2.4.6. Việc ghi chép những kinh nghiệm, cảm xúc, ấn tượng, những suy nghĩ của người đi thu thập thông tin là điều khá quan trọng là. Những ghi chép này rất bổ ích cho việc đánh giá phân tích tình hình cộng đồng.

Điều quan trọng trong bước này là tác viên cùng với nhóm khảo sát tổng hợp và phân tích thông tin. Yêu cầu cần đạt ở bước này là cộng đồng nhận ra những vấn đề, nhu cầu, tiềm năng của họ, và sắp xếp ưu tiên các vấn đề cần giải quyết.

Hiện nay, PTCĐ còn dựa vào lối tiếp cận là “Phát triển cộng đồng dựa trên tài sản / nguồn lực tại chỗ” (Asset-Based Community Development-ABCD) vì thế việc tìm hiểu cộng đồng sẽ nhắm vào tiềm năng, sức mạnh, hay là tài sản hữu hình và vô hình của người dân (chẳng hạn mối quan hệ xã hội) hơn là chỉ nhìn vào vấn đề hoặc khó khăn của họ.

2.5. Bước 5 . Chính thức hình thành ban đại diện cộng đồng và lập kế hoạch các chương trình phát triển

2.5.1. Hình thành Ban Phát triển

Ban Phát triển hay Ban Đại diện cộng đồng là một cơ chế điều hành quản lý có sự tham gia của đại diện người dân. Thông qua cơ chế này người dân có cơ hội tốt để giúp tăng nhận thức và năng lực. Ban Phát triển cùng nhóm nòng cốt sẽ cùng cộng đồng thực hiện những chương trình hành động cụ thể để giải quyết vấn đề của cộng đồng. Ban tự xây dựng các quy định, điều lệ hoạt động chính thức.

Ban Phát triển sẽ có nhiều tên gọi khác nhau tùy theo từng địa phương hoặc dự án. Thí dụ:

Dự án	Tên gọi các Ban Phát triển
Dự án PTCĐ tại Ấp Xuân Thới Đông, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. HCM	Ban Phát triển Ấp
Dự án PTCĐ Phường Bình Trưng Đông Quận 2, TP.HCM	Ban Công tác Xã hội phường
Dự án nâng cấp Đô thị TP. HCM	Ban Đại diện CĐ(từng khu vực tái định cư)
Dự án Hỗ trợ tái định cư tại TP. Đà Nẵng	Ban Công tác PTCĐ phường

Chọn lựa các đại diện cộng đồng

Tiến trình chọn lựa các thành viên của nhóm đại diện cộng đồng luôn phải cởi mở và công khai, kêu gọi sự tham gia của toàn cộng đồng

ngay từ lúc khởi đầu. Tiến trình này bao gồm cả việc tổ chức các cuộc họp cộng đồng, bảo đảm rằng tất cả cộng đồng (những người trong khu vực dự án) đều được mời họp.

Tiến hành họp cộng đồng (tác viên phối hợp với chính quyền địa phương)

- Nêu lên mục tiêu của buổi họp
- Giải thích quan điểm và yêu cầu về thành lập Ban đại diện cộng đồng
- Thảo luận về số lượng và chất lượng/tiêu chuẩn của các thành viên tham gia Ban Phát triển
- Bầu Ban Phát triển theo số lượng thống nhất phù hợp với yêu cầu và hoạt động của cộng đồng

Tiêu chuẩn chọn thành viên Ban Phát triển phải quan tâm các yêu cầu sau đây:

- Là những người nòng cốt tại cộng đồng (tiêu chuẩn đã được xác định trong Bước 3)
- Hiểu biết đầy đủ về các quan tâm của cộng đồng
- Quan tâm đến những hoạt động của dự án hỗ trợ cộng đồng
- Có thời gian thích hợp để đảm đương vai trò
- Sẵn sàng làm việc theo nhóm
- Biết cách nêu đề xuất một cách hợp lý
- Có tỉ lệ nam/nữ thích hợp

Vì sao cần có Ban Phát triển?

- Ban Phát triển là cơ chế, là phương tiện hữu hiệu để huy động sự tham gia của cộng đồng
- Ban Phát triển là một nhóm nhỏ đại diện người dân, do đó các buổi họp sẽ hiệu quả hơn khi cần nghe ý kiến phản hồi hay đề nghị của cộng đồng với chính quyền địa phương hoặc với tổ chức đối tác (nhà tài trợ)
- Về mặt thời gian, dễ dàng triệu tập họp 5-10 người đại diện cộng đồng hơn là các buổi họp cả cộng đồng.
- Ngoài ra, với những người cùng làm việc thường xuyên thì những nhà lập kế hoạch hoặc Ban Quản lý dự án không phải giải thích nhiều với họ những việc đã bàn từ những lần họp trước.

Trách nhiệm Ban Phát triển

- Đại diện cho toàn cộng đồng, không chỉ cho riêng một khu phố/xóm, ấp
- Chịu trách nhiệm về các thông tin phản hồi và các kiến nghị từ cộng đồng
- Tại các buổi họp, phải xem xét vấn đề một cách toàn diện cho toàn bộ khu vực dự án, không chỉ cục bộ nơi mình đang sống
- Lập ra quy chế hoạt động chính thức
- Thảo luận về dự án và phản hồi ý kiến lại với các nhà lập kế hoạch về bản đề xuất dự án, chẳng hạn nguồn nước sử dụng tại khu vực; địa điểm được sử dụng để làm các công trình công cộng; các dịch vụ xã hội tại cộng đồng; kiểm soát và sử dụng các nguồn tài nguyên của cộng đồng

Trách nhiệm của chính quyền địa phương (Ủy ban Nhân dân)

- Tạo điều kiện tổ chức các cuộc họp cộng đồng để chọn các đại diện của họ
- Chấp thuận danh sách các thành viên đã được bầu ra trong buổi họp cộng đồng. Việc chấp thuận thể hiện bằng một Quyết định hoặc một văn bản tương đương.
- Tạo điều kiện cần thiết cho mọi hoạt động của các thành viên nhóm đại diện cộng đồng
- Hỗ trợ việc thông tin đến cộng đồng qua lãnh đạo tổ dân phố, ấp, hoặc khu phố
- Khuyến khích việc trao đổi thông tin giữa các thành viên Ban Phát triển và Ủy ban Nhân dân, có thể mời Ban Phát triển cùng họp giao ban định kỳ với Ủy ban.

2.5.2. Lập kế hoạch hành động cộng đồng

Nên bắt đầu bằng một chương trình nhỏ liên quan đến một lĩnh vực, vừa với điều kiện về tài nguyên và nhân sự của cộng đồng và nhắm vào việc đáp ứng những nhu cầu thiết thực nhất của người dân (thí dụ như Tín dụng tiết kiệm, tập huấn kỹ năng sản xuất, kinh doanh, cải thiện một con hẻm nội bộ hoặc xoá một cầu khỉ). Khi chương trình ban đầu này đã đi vào nề nếp, tác viên bàn bạc với Ban Phát triển để lên kế hoạch lồng ghép thêm các chương trình liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, chẳng hạn sức khỏe, giáo dục, vui chơi giải trí...

Lập kế hoạch hành động cộng đồng (Community Action Planning-CAP) cho từng hoạt động cụ thể: cải thiện vệ sinh môi trường; truyền thông nâng cao nhận thức về môi trường và các vấn đề xã hội; tín dụng; xóa tình trạng trẻ suy dinh dưỡng; tập huấn nâng cao kỹ năng kinh doanh nhỏ cho các hộ buôn bán nhỏ; xoá mù chữ; v.v

Để lập kế hoạch, cần quan tâm đến các khía cạnh sau

- Nhiệm vụ gì? cái gì cần làm trước? cái gì cần làm kế tiếp? (What?). Điều quan trọng là phải lồng ghép việc duy trì hoạt động
- Ai sẽ thực hiện từng công việc? (Who?) Do cộng đồng? Tổ chức phát triển / Tổ chức tài trợ? Hoặc chính quyền địa phương?
- Nhiệm vụ sẽ thực hiện như thế nào? (How?) Công cụ, phương tiện cần thiết? Điều kiện gì: Thời gian, kinh phí, con người..
- Khi nào thực hiện? Khi nào kết thúc? (When?) vào buổi sáng/chiều? Vào cuối tuần hay định kỳ hàng tháng?..

2.6. Bước 6 . Vận động, phát huy tiềm năng nhóm – củng cố tổ chức

2.6.1. Bản chất của các tổ chức cộng đồng

Các tổ chức cộng đồng là nhóm người dân cùng làm việc với nhau, thường hiện diện dưới hình thức các tổ, nhóm, hội, câu lạc bộ. v.. v..

Các tổ chức/nhóm trong cộng đồng là một bộ phận tập hợp những năng khiếu, tài năng, và kỹ năng của mỗi thành viên cộng đồng.

Tổ chức cộng đồng nhằm:

- Tăng năng lực cá nhân
- Xây dựng những cộng đồng vững mạnh
- Tạo ra những công dân tích cực
- Hình thành cách làm việc dân chủ

Với mục đích xây dựng cộng đồng, người dân kết hợp với nhau để đạt được mục tiêu chung. Họ thường thể hiện sức mạnh trên 3 mặt:

- Quyết định trên vấn đề chung
- Chia sẻ trong việc hình thành kế hoạch cộng đồng để giải quyết vấn đề, và
- Tiến hành hành động để thực hiện kế hoạch và giải quyết vấn đề

2.6.2. Một số nhóm/tổ chức cộng đồng

Thành lập các nhóm hành động khác nhau theo lĩnh vực chuyên môn để phát huy tối đa sự tham gia của người dân vào các chương trình hành động của cộng đồng. Nhóm nòng cốt ban đầu là nhân lực chủ yếu của các nhóm hành động này. Một số hình thức nhóm trong cộng đồng:

- Nhóm phụ huynh: phụ huynh có con suy dinh dưỡng, có con học học kém, hoặc có con cùng tham gia đội năng khiếu,..
- Nhóm hàng xóm, dân cư
- Nhóm văn hoá, giáo dục, y tế, tôn giáo/tín ngưỡng
- Nhóm người lớn tuổi: Câu lạc bộ hưu trí, cờ tướng, dưỡng sinh, nhóm người già neo đơn

- Nhóm thanh niên, thiếu niên
- Nhóm quản lý dân cư: Ban quản lý khu, lô chung cư
- Nhóm học sinh, sinh viên, công nhân (nhập cư hoặc tại địa phương)
- Nhóm thợ xây dựng, buôn bán, kinh doanh nhỏ, tín dụng-tiết kiệm, chăn nuôi
- Hội Cựu chiến binh, Người cao tuổi, Hội Phụ huynh ở trường học trong cộng đồng,..
- Câu lạc bộ thể thao, văn nghệ: cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, khiêu vũ...

2.6.3. Tiềm năng nhóm

Ngoài chức năng chuyên biệt của từng nhóm, nhóm còn có tiềm năng thực hiện hoặc nhận lãnh những trách nhiệm khác khi cần thiết

Thí dụ: Hội Cựu Chiến binh có thể truyền thông cho việc phòng chống tệ nạn ma túy; nhóm kinh doanh nhỏ có thể vận động quyên góp tài chánh cho một hoạt động lễ hội tại cộng đồng; nhóm sinh viên, thanh niên có thể truyền thông về an toàn giao thông cho khu xóm..

Như vậy, trong những cộng đồng nơi mà những tài sản (assets) hoặc nguồn lực cộng đồng được huy động tối đa thì các nhóm trong cộng đồng có thể nhận lãnh nhiều chức năng khác nhau.

2.6.4. Nhiệm vụ của tác viên trong hỗ trợ củng cố các tổ chức cộng đồng

- Tác viên cộng đồng sẽ thường xuyên củng cố tổ chức các nhóm và phát huy những sáng kiến, kinh nghiệm của địa phương thông qua việc hỗ trợ Ban Phát triển cũng như các nhóm thụ hưởng về quản lý dự án và giải quyết mâu thuẫn trong các hoạt động của họ.
- Thường xuyên tăng năng lực cho nhóm thông qua huấn luyện đào tạo, tham quan, chia sẻ kinh nghiệm, tự đánh giá hoạt động hoặc rút kinh nghiệm thường kỳ, phát hiện nhu cầu trong cộng đồng và đề xuất hướng giải quyết.
- Thông qua bồi dưỡng tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tính sáng tạo, và dân chủ trong tổ chức nhóm. Tránh ý nghĩ rằng họ sẽ không thể làm tốt nếu không có tác viên.
- Để người dân rút ra bài học làm thế nào để nhận diện và giải quyết vấn đề.
- Khuyến khích các nhóm đề ra những hoạt động mà họ có thể cùng làm với nhau để đạt mục đích chung.
- Chú trọng tiến trình ra quyết định của nhóm (ai là người đưa ra quyết định cuối cùng: nhóm hay lãnh đạo nhóm, hay người bên ngoài cộng đồng)
- Tác viên cũng cần chú ý những đặc điểm khác nhau giữa cộng đồng nông thôn, thành thị; những cộng đồng nghèo, nơi mà người dân thường mặc cảm, thiếu tự tin, ngại tham gia các hoạt động tập thể. Trong các buổi họp, họ thường là người ngồi nghe, đồng ý với lãnh đạo, hoặc “Đại biểu” trong các cuộc họp làng xã, khu xóm thường là

các chủ hộ, người lớn tuổi trong gia đình, đôi khi thiếu vắng phụ nữ hoặc những người trẻ tuổi.

2.7. Bước 7. Rút kinh nghiệm – Lượng giá các chương trình hành động và sự phát triển của các nhóm.

Rút kinh nghiệm công tác tổ chức, lãnh đạo nhóm và việc thực hiện các hoạt động dự án là việc làm thường xuyên thông qua các buổi họp định kỳ hàng tuần, tháng hoặc quý. Ngoài ra, trong các dự án phát triển, việc rút kinh nghiệm được bao gồm trong các cuộc đánh giá hoặc lượng giá, thực hiện giữa kỳ hoặc cuối kỳ của một dự án.

Lượng giá là hoạt động xem xét có hệ thống và khoa học, là công việc rất cần thiết mà nhiều chương trình phát triển ít quan tâm hoặc nếu có quan tâm cũng chưa phát huy hết tác dụng của công việc này. Tác viên cộng đồng cần hỗ trợ cho Ban Phát Triển cộng đồng, các nhóm hành động trong cộng đồng, và người thụ hưởng trực tiếp, gián tiếp thường xuyên lượng giá các chương trình hành động một cách khoa học và nghiêm túc, nhìn lại tiến trình hoạt động, cách thay đổi, các mục tiêu đạt được, các ảnh hưởng, mặt mạnh yếu của tổ chức nhóm.

Phương pháp đánh giá có sự tham gia (PRA) của cộng đồng là một phương pháp rất hữu hiệu. Ngoài ra hình thức lượng giá có sự tham gia là cơ hội để người dân cùng làm việc chung và cũng là dịp giúp nhóm nhận ra sự phát triển hay yếu kém mình về nhiều mặt trong tổ chức, phân công trong nhóm, truyền thông, bầu không khí, sự tương tác, mối quan hệ trong nhóm. Sự lượng giá các mặt này giúp cho nhóm lớn mạnh, có kinh

nghiệm hơn trong giải quyết những tình huống, trở lực xảy ra trong cũng như ngoài nhóm, tăng cường động lực tự nguyện trong nhóm, và nhóm cũng chính là nhân tố thúc đẩy động lực tự nguyện trong cộng đồng.

Tóm lại, quy trình “Hành động – Suy ngẫm rút kinh nghiệm – Hành động mới” là tiến trình học hỏi hữu ích nhất đối với cộng đồng và cả với tác viên.

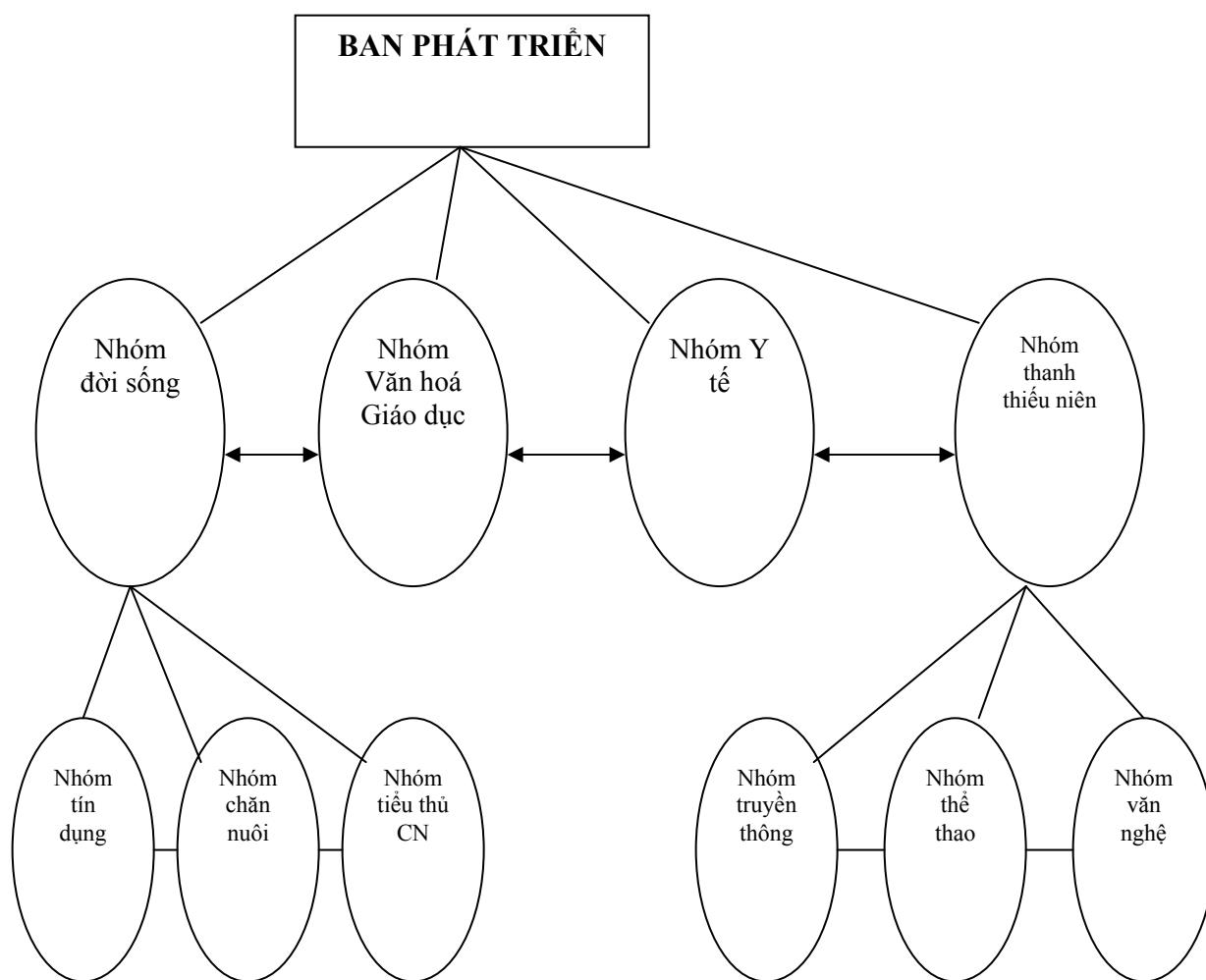
2.8. Bước 8 . Liên kết các nhóm hành động

2.8.1. Liên kết các nhóm hành động

Đây là hoạt động “tạo mạng lưới” (net working) nhằm tăng thêm sức mạnh cho người dân, cho cộng đồng. Như đã kể phần 2.6.2, những nhóm trong cộng đồng được thành lập có mục tiêu, kế hoạch hoạt động riêng, được xem như những nhóm hành động. Hoạt động của những nhóm hành động trong cộng đồng dù độc lập về mặt sở thích, nguyện vọng, ngành nghề nhưng cùng đặt dưới sự phối hợp của Ban Phát triển và cần có cơ hội ngồi chung lại để chia sẻ kinh nghiệm hoặc phối hợp hoạt động.

Ngoài hình thức liên kết hành động bên trong cộng đồng, việc liên kết với các nhóm khác cùng lĩnh vực hoạt động ở ngoài cộng đồng là cần thiết vì ngoài việc giúp cho các nhóm có thêm cơ hội học tập kinh nghiệm lẫn nhau (tăng năng lực) các nhóm còn mở rộng sự hợp tác, hỗ trợ nhau, giúp cho hoạt động phát triển ngày càng rộng dần và tiến đến việc có thể có những thiết chế lớn hơn đáp ứng cho nhu cầu phát triển

trên diện rộng (tăng sức mạnh). Thí dụ liên kết giữa nhóm tín dụng –tiết kiệm (TD-TK) của phường 5 quận 11, với các nhóm TD-TK ở các phường khác trong quận 1, quận 2 TP. HCM



Hình 1. Mối liên kết giữa các nhóm hành động trong cộng đồng

2.8.2. Những cản ngại trong việc phối hợp, hợp tác giữa các thành phần

Nhà tài trợ

- Chưa hiểu rõ cơ cấu tổ chức và cách làm việc của địa phương
- Bất đồng quan điểm về giá trị
- Quá nguyên tắc, áp đặt, chủ quan
- Muốn giám sát chặt chẽ hoạt động dự án

Chủ dự án (là đơn vị đối tác của nhà tài trợ, nhận tài trợ để triển khai dự án PTCD)

- Cách làm việc không rõ ràng, dứt khoát
- Thiếu mô tả trách nhiệm các bên, thiếu chế độ chính sách cụ thể
- Lo sợ mất chủ quyền, an ninh
- Thay đổi hoặc vi phạm nhiều điều khoản đã ký kết
- Nặng về tình hơn nguyên tắc, bảo thủ

Ban ngành đoàn thể (tại địa phương nơi dự án PTCD được thực hiện)

- Mô tả nhiệm vụ, trách nhiệm không rõ ràng giữa các bên
- Lợi ích không được thoả mãn
- Mâu thuẫn về phương pháp, đôi khi do chưa hiểu rõ
- Tinh thần trách nhiệm chưa cao
- Thiếu sự chỉ đạo của chính quyền địa phương
- Bệnh thành tích

Nhóm thực hiện dự án

- Kế hoạch không rõ ràng, thay đổi tùy tiện
- Thiếu quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người tham gia
- Lo sợ bị mất ảnh hưởng với cộng đồng, đối tượng thụ hưởng
- Thiếu kỹ năng làm việc tập thể

Các nhóm trong cộng đồng

- Thiếu kỹ năng làm việc tập thể, năng lực quản lý quy mô lớn, khoa học
- Thiếu cơ chế điều hành chung có hiệu quả
- Chưa nhận ra được sự cần thiết trong hợp tác dẫn đến chưa tin tưởng sự hợp tác, tư tưởng e ngại “cha chung không ai khóc”
- Tính cục bộ địa phương
- Sợ mất quyền lợi, quyền lực
- Bề lõng, cầu an
- Cách làm nóng vội

2.8.3. Những việc cần thiết để tạo sự phối hợp, liên kết

- Mỗi người phải hiểu vấn đề một cách toàn diện. Có thể thông qua các buổi giao ban, chia sẻ kinh nghiệm giúp mọi người hiểu nhau hơn
- Mỗi người cần có ý thức đóng góp để giải quyết vấn đề. Đặt quyền lợi cộng đồng trên hết
- Khi làm việc trong tinh thần hợp tác nhóm, mỗi người cần nhận ra vấn đề của người khác, quan tâm đến quyền lợi của các bên để đóng góp tối đa

- Tôn trọng văn hoá, tính cách của đối tác
- Cần tin tưởng rằng các nhóm biết quan tâm, giúp đỡ nhau làm tốt thường sẽ hoạt động hữu hiệu hơn những nhóm không quan tâm tới nhau

2.9. Bước 9 . Giai đoạn chuyển giao

Cùng với sự phát triển năng lực, sức mạnh, động lực tự nguyện và tinh thần tự lực của cộng đồng, người tác viên rút dần sự tham gia, hỗ trợ, tư vấn của mình cho cộng đồng để đi đến những cộng đồng mới. Trường hợp tác viên là người sống trong cộng đồng thì cũng rút dần sự tham gia, nhưng đóng vai trò tư vấn khi cộng đồng cần.

Thông thường dự án PTCĐ có thời hạn, từ 3-5 năm hoặc hơn, tùy theo nhà tài trợ và loại hình hỗ trợ cộng đồng. Trước thời hạn kết thúc dự án, tác viên sẽ chuẩn bị cho việc chuyển giao trách nhiệm cho cộng đồng, để khi tác viên rút lui, cộng đồng có thể tự tổ chức hoạt động của họ và phát hiện nhu cầu, tự giải quyết. Tác viên chỉ cố vấn khi cần thiết.

2.9.1. Công tác chuyển giao

- Chuẩn bị công tác bàn giao thật kỹ và tiến hành bàn giao đầy đủ, rõ ràng, cụ thể. Có sự hiện diện của các bên đối tác, có cam kết của cộng đồng để tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động.
- Biên bản bàn giao sẽ được lập thành các bản để mỗi bên đối tác và cộng đồng lưu giữ.

- Tác viên sẽ thỉnh thoảng đến thăm cộng đồng, đặc biệt là vào các dịp đánh giá, lượng giá chương trình, hoạt động.
- Tác viên có thể giới thiệu cho những cộng đồng (mới) khác đến để học tập, chia sẻ kinh nghiệm. Việc này sẽ củng cố thêm niềm tin, sức mạnh cho cộng đồng trong việc duy trì, phát triển hoạt động của mình.

2.9.2. Chuyển giao tại một cộng đồng

Đây là trường hợp chuyển giao tại một phường khi dự án kết thúc:

Trong suốt thời gian tiến hành dự án 3 năm, nhất là năm cuối cùng của dự án PTCĐ tại phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. HCM, các buổi tập huấn đều tập trung vào nội dung tăng năng lực quản lý dự án, quản lý hoạt động cho Ban Công tác Xã hội phường, cho nhóm trưởng các nhóm và một số hộ dân tích cực. Việc này nhằm chuẩn bị cho việc chuyển giao khi kết thúc dự án. Đến thời điểm kết thúc dự án năm 2001, Ban Công tác Xã hội phường đã đủ vững mạnh để sẵn sàng tiếp nhận các hoạt động tại cộng đồng.

Công tác chuẩn bị bàn giao bao gồm nhiều việc: Tác viên và đại diện của Ban Công tác Xã hội phường rà soát lại những đề xuất cải thiện hạ tầng cơ sở chưa thực hiện được, gặp gỡ tất cả các nhóm tín dụng sửa nhà, tín dụng buôn bán nhỏ.. để xem lại sổ sách kế toán của các nhóm, và củng cố nhân sự của Ban Công tác Xã hội phường v.v..

Đến ngày bàn giao, tất cả các thành phần có mặt gồm đại diện tổ chức tài trợ, chủ dự án, Ban Công tác Xã hội phường trong đó có một vài người dân tích cực và tổ trưởng dân phố. Một biên bản được lập ra, ghi rõ các hoạt động còn lại sẽ tiến hành trong tương lai, số tiền vốn tín dụng còn đang lưu hành trong các nhóm, tiền vốn đã thu hồi. Một số vốn đã được chuyển giao cho Ban Công tác Xã hội phường để duy trì tiếp tục hoạt động tại cộng đồng.

Đến nay, hàng năm tác viên đều được mời đến phường để dự buổi lượng giá hoạt động (tổng kết năm) của cộng đồng, các hoạt động được duy trì, nhất là hoạt động tín dụng, đã tiếp tục giúp cho nhiều hộ dân cải thiện thu nhập, cải thiện đời sống gia đình và Hội Phụ nữ phường đã phát triển thêm nhiều hội viên qua hoạt động này.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 2000
- Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang, *Phát triển cộng đồng, lý thuyết và vận dụng*, NXB Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 2000
- Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam, Tài liệu tập huấn Công tác Xã hội, 1997
- Stanley Gajanayake, Jaya Gajanayake, *Nâng cao năng lực cộng đồng*, NXB Trẻ, 1997

- John P. Kretzmann, John L. McKnight, *Building communities from the inside out- A path toward finding and mobilizing a community's assets*, Institute for Policy Research, Northwestern University, 1993
- Trung tâm Nghiên cứu-Tư vấn CTXH và PTCĐ, *Phát triển cộng đồng*, tài liệu tập huấn, 2005
- Nguyễn Thị Hải, *Phát triển và Tổ chức cộng đồng*, Tài liệu huấn luyện khoá cơ bản dành cho cán bộ đào tạo

4. Những khái niệm cơ bản trong bài và cách học từng phần của bài

Những khái niệm cơ bản

- Hội nhập cộng đồng: Tiến trình thâm nhập với người dân, làm quen với các phong tục, tập quán cách sống của người dân tại một địa bàn
- Phân tích cộng đồng: Tìm những điểm mạnh, những hạn chế, lực cản của cộng đồng
- Ban Phát triển: Còn được gọi với nhiều tên khác nhau như Ban Đại diện cộng đồng, Ban Điều hành cộng đồng, Ban Công tác Xã hội,.. là một nhóm người ở tại cộng đồng được người dân cử làm đại diện cho họ
- Nhóm: Một tập hợp người dân tại cộng đồng có cùng nhu cầu, chức năng
- Lượng giá: Tiến trình xem xét mục tiêu đạt được như thế nào

Cách học từng phần

Sinh viên đọc và tham khảo tài liệu theo cá nhân hoặc nhóm nếu có điều kiện.

Tại lớp ôn tập, sinh viên sẽ tham gia một vài trò chơi giáo dục và thảo luận nhóm về các bước của tiến trình phát triển cộng đồng. Sinh viên cũng sẽ chia sẻ và thảo luận về những kinh nghiệm thực tế về các hoạt động xã hội tại các địa phương. Giáo viên bổ sung, đúc kết bằng lý thuyết.

Sinh viên cần liên hệ lại mô hình tiến trình phát triển cộng đồng (hình 1 của bài 1) để hiểu thêm về tầm quan trọng của các bước này.

5. Một số điểm cần lưu ý khi học

Sinh viên cần nắm về toàn bộ các bước của tiến trình phát triển cộng đồng, tuy nhiên lưu ý rằng không phải cộng đồng nào cũng phải được tổ chức tuần tự theo các bước, hoặc các bước hoàn toàn tách bạch nhau. Trình tự các bước công việc được tiến hành cho phù hợp với từng cộng đồng.

Từ bước 5 đến bước 9 của tiến trình tổ chức cộng đồng sẽ tập trung vào việc hình thành các nhóm hoạt động tại cộng đồng. Đây là cơ chế cho sự tham gia của cộng đồng để đưa cộng đồng tiến tới tự lực, vì vậy sinh viên cần nắm các đặc điểm khác nhau của từng nhóm chức năng, chẳng hạn Ban Phát triển, hoặc các nhóm hoạt động và sự liên kết các nhóm trong và ngoài cộng đồng.

Các bước có thể tiến hành song song hoặc hoán vị, chẳng hạn bước 7 lượng giá và bước 8 liên kết các nhóm, có thể thay đổi trước hoặc sau. Từng bước có những yêu cầu cụ thể, tuy nhiên, hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng sẽ được diễn ra đan xen trong các bước.

6. Tóm lược những vấn đề cần ghi nhớ

- Tiến trình phát triển cộng đồng trải qua các giai đoạn từ cộng đồng yếu kém đến cộng đồng thức tỉnh, cộng đồng tăng năng lực và tự lực.
- Tiến trình này bao gồm 9 bước bao gồm từ việc lựa chọn và tìm hiểu cộng đồng, bồi dưỡng cán bộ nòng cốt đến việc xây dựng và phát triển các tổ chức hợp tác trong cộng đồng.
- Các bước trong tiến trình này có thể thay đổi tùy theo đặc thù từng cộng đồng.
- Bước 5 đến bước 9 bao gồm việc hình thành Ban Phát triển và các nhóm hoạt động tại cộng đồng. Các nhóm sẽ dần tăng năng lực từ việc lập kế hoạch hành động cộng đồng đến sự liên kết các nhóm để tạo sức mạnh, đưa cộng đồng đến tự lực.
- Các bước trong tiến trình này có thể thay đổi nhanh chậm tùy theo đặc thù từng cộng đồng, lượng giá là hoạt động cần thiết và cũng là nguyên tắc trong hành động cộng đồng.
- Bước cuối cùng là chuyển giao cho cộng đồng, việc này được chuẩn bị và tiến hành khi cộng đồng đã đủ sức tự lực, tác viên sẽ chuyển giao trách nhiệm cho cộng đồng.

7. Câu hỏi

Câu 1. Nêu khái niệm, mục đích tổ chức cộng đồng

Câu 2. Cách thức chọn cộng đồng để triển khai một dự án

Câu 3. Các tiêu chuẩn để chọn người nòng cốt trong cộng đồng là gì?

Câu 4. Nêu những thông tin cần tìm hiểu trong cộng đồng

Câu 5. Phát huy tiềm năng nhóm và củng cố tổ chức nhóm bằng cách nào?

Câu 6. Liên kết hành động, những cản ngại và hướng khắc phục

Câu 7. Khi nào và vì sao chuyển giao cho cộng đồng?

Thảo luận nhóm: Việc thành lập Ban Phát triển/Ban Đại diện cộng đồng và lập kế hoạch hành động cộng đồng

8. Trả lời câu hỏi, hướng dẫn giải quyết tình huống và đáp án bài tập của bài

Câu 1: Khái niệm tổ chức cộng đồng là tiến trình tổ chức người dân trong cộng đồng thành những nhóm hoạt động, giúp họ phát triển kỹ năng để tự giải quyết vấn đề.

Câu 2: Chọn cộng đồng

- Dựa trên thông tin thu thập từ nhiều nguồn, đi từ phạm vi rộng đến hẹp và phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ quan phát triển. Cần sự phối hợp với chính quyền địa phương trong việc lựa chọn cộng đồng.
- Tiêu chí chọn căn cứ vào cộng đồng và chính quyền địa phương, cần xây dựng tiêu chí riêng cho từng địa bàn khác nhau. Nên chọn quy mô cộng đồng là một ấp hay khu phố.

Câu 3: Một số tiêu chuẩn để lựa chọn nhóm nông cốt

- Gồm những người thật sự đại diện cho dân, có ý thức tiến bộ (có thể bao gồm cán bộ chính quyền, ban ngành đoàn thể địa phương, người dân hay lãnh đạo nhóm phi chính thức trong cộng đồng, lãnh đạo tôn giáo nhiệt tình, có uy tín)
- Một số tiêu chuẩn nhận diện người nông cốt: Thu nhập, uy tín, ý thức môi trường xung quanh, đáp ứng với đổi mới, kỹ năng giao tiếp, mạnh dạn vì lợi ích cộng đồng.

Câu 4: Những thông tin cần tìm hiểu trong cộng đồng: i/Tổng quan cộng đồng; ii/Nhu cầu và vấn đề của cộng đồng; iii/ Tiềm năng, hạn chế của cộng đồng; iv/Các mối quan hệ trong cộng đồng.

Câu 5. Phát huy tiềm năng nhóm, củng cố tổ chức nhóm

- Xác định mục đích tổ chức nhóm và chức năng của nhóm.
- Nhóm và tác viên cùng thảo luận để nhận diện ra tiềm năng của nhóm khi thực hiện những việc khác ngoài chức năng của nhóm.
- Nhiệm vụ của tác viên trong việc phát huy tiềm năng nhóm: phát huy sáng kiến, kinh nghiệm địa phương; huấn luyện kỹ năng cho

nhóm; chú trọng tiến trình bàn bạc và quyết định giải quyết vấn đề của nhóm.

Câu 6. Những cản ngại và hướng khắc phục trong liên kết hành động

- Nêu một số nhóm hành động trong cộng đồng.
- Việc liên kết các nhóm trong và ngoài cộng đồng rất cần thiết để tăng sức mạnh.
- Những cản ngại từ phía nhà tài trợ, chủ dự án, ban ngành đoàn thể, nhóm thực hiện và các nhóm trong cộng đồng.
- Hướng giải quyết: mỗi người cần tự khắc phục và nắm vững tinh thần rằng sự hợp tác, liên kết sẽ hữu hiệu hơn làm việc riêng lẻ.

Câu 7. Khi nào và vì sao chuyển giao cho cộng đồng?

- Khi cộng đồng đủ vững mạnh, tác viên rút dần sự hỗ trợ.
- Công tác chuyển giao sẽ được thực hiện bởi các bên liên quan, tác viên sẽ chỉ là người cố vấn cộng đồng khi cần.

Hướng dẫn thảo luận nhóm: Lớp chia làm 3 nhóm

Nhóm 1: Thảo luận về tiêu chuẩn của Ban Đại diện cộng đồng và tiến trình một buổi họp cộng đồng để chọn ban đại diện.

Nhóm 2: Thảo luận trách nhiệm của Ban Đại diện cộng đồng và của chính quyền địa phương

Nhóm 3: Thực hành lập kế hoạch hành động cộng đồng dựa trên các câu hỏi: Nhiệm vụ gì? Ai thực hiện? Thực hiện như thế nào? Khi nào thực hiện?

Tất cả các nhóm sẽ chọn và dựa trên một địa điểm cụ thể hoặc địa phương mình đang sống để thảo luận.

BÀI 3

TÁC VIÊN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1. Giới thiệu khái quát bài 3

Qua bài này sinh viên sẽ nhận diện được hình ảnh của nhân viên xã hội làm việc với cộng đồng. Họ thường được gọi là tác viên cộng đồng, hoặc tác viên. Trong quá trình cùng cộng đồng thực hiện tiến trình PTCĐ, tác viên thực hiện nhiều nhiệm vụ, khái quát thành các vai trò chuyên môn như lập kế hoạch, huấn luyện, nghiên cứu; vai trò tạo thuận lợi như xúc tác, giải quyết mâu thuẫn; và vai trò biện hộ.

Sinh viên cũng có dịp tìm hiểu những phẩm chất cần có của một tác viên, những kỹ năng làm việc với cộng đồng.

2. Mục tiêu học viên cần đạt được sau khi học xong bài 3

Sinh viên cần nắm vững các vai trò, một số đặc điểm về tính cách của người tác viên cộng đồng, và rèn luyện một số kỹ năng chuyên nghiệp để có thể hoà nhập với mọi tầng lớp trong cộng đồng, hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của mình.

3. Hướng dẫn học nội dung cơ bản và các tài liệu tham khảo cho bài 3

Nội dung cơ bản:

- Các vai trò của tác viên cộng đồng

- Vai trò chuyên môn: Người nghiên cứu, lập kế hoạch, người huấn luyện
- Vai trò tạo thuận lợi: xúc tác, giải quyết mâu thuẫn
- Vai trò biện hộ

- Những phẩm chất, đạo đức, năng lực cần thiết của tác viên khi làm việc với cộng đồng. Điều quan trọng tác viên phải luôn nhớ là “làm cùng”, “làm với”, không “làm thay”, hoặc “làm cho” cộng đồng.

NỘI DUNG BÀI 3

Nhân viên xã hội làm việc với cộng đồng để thực hiện một dự án phát triển có nhiều tên gọi khác nhau: Tác viên đổi mới (the change agent), nhà tổ chức cộng đồng (community organizer), tác viên cộng đồng, tác viên phát triển (development worker), nhân viên phát triển nông thôn, nhân viên cộng đồng (community worker), hoặc tác viên phát triển cộng đồng (community development worker). Một cán bộ khuyến nông (extension worker) hoặc cán bộ lâm nghiệp của nhà nước cũng chính là một tác viên phát triển, nếu họ làm việc với người dân theo phương thức phát triển cộng đồng.

1. VAI TRÒ CỦA TÁC VIÊN CỘNG ĐỒNG

Tác viên cộng đồng hay tác viên đóng vai trò là người tổ chức, lập kế hoạch, người xúc tác cho quá trình hợp tác, người bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng của người dân về điều kiện sống và quyền an sinh và phát triển, đồng thời cũng là cầu nối giữa nhóm người nghèo, thiệt thòi với những nguồn lực sẵn có.

Tác viên còn tạo ra những chuyển biến quan trọng như làm thay đổi thái độ hành vi của cá nhân, tạo ra những biến đổi trong các mối quan hệ trong các nhóm và tổ chức của cộng đồng.

1.1. Người xúc tác: nhiệm vụ đầu tiên của tác viên là tập hợp quần chúng vào các nhóm để chia sẻ với họ những thông tin cuộc sống mới,

là người tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi để người dân tăng dần khả năng bàn bạc, chọn lựa, lấy quyết định và cùng hành động để giải quyết những vấn đề của họ, là người tạo bầu không khí thân tình cởi mở và đối thoại, khuyến khích sự tham gia của người dân vào tiến trình trưởng thành và phát triển của họ và cộng đồng.

Điều quan trọng là tác viên phải giấu mình để người dân đóng vai trò nổi, chủ động

1.2. Người biện hộ: Tác viên với tư cách là người đại diện cho tiếng nói của nhóm/ cộng đồng đề đạt đến cơ quan công tác, các cấp thẩm quyền những vấn đề bức xúc của các nhóm và kêu gọi người khác hưởng ứng nhằm tạo ra một chuyển biến về nhận thức. Tác viên cũng sẽ hỗ trợ tích cực hơn và bênh vực quyền lợi chính đáng cho các đối tượng thiệt thòi, đồng thời giúp mọi người hiểu đúng hoàn cảnh thực trạng của người dân. Thí dụ, biện hộ cho việc chăm sóc bảo vệ trẻ em bị lạm dụng lao động.

1.3. Người nghiên cứu: Tác viên là người cùng với những người nòng cốt trong cộng đồng thu thập, tìm hiểu, và phân tích các thế mạnh, thế yếu, vấn đề, tiềm năng sẵn có trong cộng đồng. Tác viên giúp cộng đồng chuyển những phân tích đó thành những chương trình hành động cụ thể. Thí dụ: khảo sát việc chăm sóc trẻ mồ côi, chăm sóc người nhiễm HIV tại cộng đồng.

1.4. Người huấn luyện: Nhiệm vụ trước tiên là bồi dưỡng các nhóm trong cộng đồng hiểu biết về mục đích, chiến lược phát triển của dự án / chương trình hành động. Bên cạnh đó là bồi dưỡng kỹ năng làm việc chung trong nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý. Đặc biệt chú ý đến bồi dưỡng những giá trị, thái độ hợp tác và tôn

trọng sự tham gia, sự tự quyết của người dân. Với tinh thần cởi mở, học hỏi và phát huy những kinh nghiệm tốt của cộng đồng, tác viên sẽ là người huấn luyện song hành với cộng đồng chứ không phải là thầy giáo của cộng đồng. Việc huấn luyện thường theo phương pháp giáo dục chủ động, giáo dục cho người lớn.

1.5. Người lập kế hoạch: Tác viên sẽ tham mưu, phối trí để cộng đồng xây dựng chương trình phát triển cộng đồng, giúp người dân xây dựng kế hoạch các chương trình hành động bằng việc cùng họ bàn bạc, và sắp đặt một cách có hệ thống, có tính toán, có chỉ báo để đo lường được những mục đích mong muốn. Trao đổi lẫn nhau sẽ học hỏi được các tiến trình hoạch định và thi hành những quyết định do chính cộng đồng đề ra.

Trong thực tế, tác viên sẽ cảm thấy khó tránh khỏi việc “cho ý kiến”. Do vậy, là tác viên thì bạn hãy cẩn thận khi được hỏi ý kiến bởi vì cách trả lời và câu trả lời của bạn dễ đẩy bạn vào vai trò chủ động, “làm thay”, “làm cho” chứ không phải “làm với” cộng đồng. Theo từng bước phát triển của cộng đồng, tác viên sẽ giảm dần thế chủ động của mình trong các vai trò trên để rút lui dần ra khỏi cộng đồng.

2. CÁC ĐIỀU CHỈ DẪN DÀNH CHO TÁC VIÊN CỘNG ĐỒNG

2.1. Làm việc với người nghèo/thiệt thòi, chứ không làm cho họ: hãy giúp họ thấu hiểu, phân tích, hoạch định, thực hiện, đừng làm thay. Họ có quyền phản bác ý kiến tác viên, họ có quyền sai; sự phát

triển sẽ xuất phát từ **sự tự hiểu biết** về chính nhu cầu và quyền lợi của họ.

2.2. Phát triển là một tiến trình **thức tỉnh**, ý thức về chính hoàn cảnh của mình/ cộng đồng. Người dân có nhiều kinh nghiệm sống quý giá. Hãy **lắng nghe** họ.

2.3. Hãy để người dân có cơ hội lớn lên, trưởng thành: Trưởng thành là kết quả của một kinh nghiệm được lựa chọn, quyết định cái phải làm, phát triển phải bắt đầu từ tiềm năng/nội lực từ đó tiến lên và tăng trưởng. Thật vậy chương trình kinh tế xã hội nhỏ không chỉ mang lại thành tích tăng thu nhập mà cả niềm tin và sự tự trọng của cá nhân và cả cộng đồng.

2.4. Tạo sự **liên đới trách nhiệm** giữa người dân: phát triển sẽ xảy ra khi cùng hành động với người khác trong tinh thần đoàn kết, vì thế, chia sẻ, chăm sóc cho nhau và cùng tiến về xã hội mới, trong đó tính nhân bản của chúng ta được đảm bảo đầy đủ.

2.5. **Xây dựng và củng cố những tổ chức hợp tác trong cộng đồng: tổ chức có mạnh thì tiếng nói của người nghèo/thiệt thời mới có cơ hội thương lượng, đối thoại với những thành phần xã hội có thế lực khác trong cộng đồng.**

3. PHẨM CHẤT CẦN CÓ CỦA TÁC VIÊN CỘNG ĐỒNG

- **Năng lực:** Tác viên cộng đồng phải qua huấn luyện, có đủ năng lực chuyên môn để thực hiện tốt vai trò của mình, để tự tin và tạo niềm tin nơi dân. Tác viên cần có một số kỹ năng như: Kỹ năng

giao tiếp, lắng nghe; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng viết báo cáo, sử dụng vi tính

- **Hòa đồng: Phong cách sống, làm việc phù hợp với người dân, biết lắng nghe và đồng cảm với người dân.**
- **Trung thực:** Tác viên cộng đồng phải trung thực với dân và trong sáng với chính mình.
- **Kiên trì, nhẫn nại:** Rèn luyện để tránh nóng vội, thiếu kiên nhẫn, ngã lòng, hay làm thay, áp đặt, thúc ép người dân...
- **Khiêm tốn:** Không khoe khoang, dám nhận những hạn chế của mình và sẵn sàng lắng nghe, học tập những cái hay của dân.
- **Khách quan, vô tư** trong nhận diện, phân tích, đánh giá tình hình, con người. Khách quan là điều quan trọng trong việc giải quyết mâu thuẫn trong cộng đồng và làm tốt vai trò xúc tác, liên kết các nhóm.
- **Đạo đức:** Tác viên cộng đồng phải có cuộc sống đạo đức phù hợp với các giá trị, mẫu mực của xã hội.

Ngoài ra, tác viên cần lạc quan về cuộc sống và tin tưởng nơi con người; có sự hiểu biết về chính mình; dễ dàng chấp nhận người khác và thích nghi tốt

4. MỐI QUAN HỆ CỦA TÁC VIÊN VỚI CỘNG ĐỒNG

Tác viên cộng đồng thường làm việc với nhóm đồng nghiệp, là những tác viên cộng đồng trên cùng địa bàn.

Mục đích cuối cùng của dự án là phục vụ cộng đồng, tức là cải thiện cuộc sống cộng đồng. Vì thế, mối quan hệ của nhóm tác viên hay thành viên nhóm dự án phải dựa vào tôn trọng và tin cậy lẫn nhau. Nếu không có điều này, thì dự án có thể không đạt được mục đích.

Trong một số trường hợp, tác viên là người được tuyển chọn từ cộng đồng, nhưng dù vậy thì họ cũng phải nhận thức về nhu cầu của sự làm việc trong tinh thần hoà hợp. Thông thường với một vài nỗ lực và hiểu biết, nhóm dự án và cộng đồng sẽ tìm hiểu để làm việc cùng nhau.

Một số phương pháp hữu ích cho mối quan hệ giữa nhóm dự án với cộng đồng:

- Có kế hoạch thăm viếng những lãnh đạo và đại diện cộng đồng
- Hành vi lịch sự, nhã nhặn trong tiếp xúc người dân cộng đồng
- Làm việc chậm rãi và kiên nhẫn trong cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu cộng đồng
- Hợp thường xuyên với nhóm (Thí dụ nhóm các bà mẹ, nhóm thanh thiếu niên, v. v..) để thảo luận những vấn đề của họ và khuyến khích những mối quan tâm của họ

Một số yếu tố sau có thể phá huỷ lòng tin và tôn trọng của cộng đồng đối với tác viên:

- Khiếm nhã, thô lỗ hoặc cộc lốc
- Thiếu quan tâm đến văn hoá và giá trị của cộng đồng
- Yêu cầu có kết quả nhanh cho dự án mà không tính đến ưu tiên của cộng đồng. Thí dụ: cộng đồng muốn có một lớp học cho trẻ lao động sớm, nhưng tác viên thúc đẩy cho việc mở một phòng khám

kế hoạch hoá gia đình vì việc này dễ dàng hơn và kinh phí dự án sẵn có cho việc này.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 2000
- Nguyễn thị Oanh, *Nhập môn công tác xã hội*, ĐH Mở Bán công TP HCM,
- Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang, *Phát triển cộng đồng, lý thuyết và vận dụng*, NXB Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 2000
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Tài liệu tập huấn về Phát triển cộng đồng*
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Sách bỏ túi dành cho nhân viên xã hội*, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 1999
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Khoa học giao tiếp*, Khoa PNH, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 1999
- Stanley Gajanayake, *Nâng cao năng lực cộng đồng*. Tài liệu tập huấn về triển khai và thực hiện một dự án cho cộng đồng, 1996, lưu hành nội bộ

4. Những khái niệm cơ bản trong bài và cách học từng phần của bài

Khái niệm cơ bản trong bài

- Tác viên cộng đồng: Là nhân viên xã hội làm việc với cộng đồng giúp cộng đồng thực hiện những hoạt động phát triển. Tác viên còn là cầu nối giữa nhóm người nghèo, thiệt thòi với những nguồn lực sẵn có.
- Vai trò: việc đảm nhiệm những chức năng, nhiệm vụ trong một bối cảnh cụ thể.
- Phẩm chất của nhân viên xã hội: Những đặc tính, đạo đức, năng lực của người làm công tác xã hội chuyên nghiệp.

Cách học từng phần

Sinh viên đọc trước tài liệu cho các nội dung

- Phẩm chất của nhân viên xã hội: đọc thêm tài liệu Nhập môn công tác xã hội
- Vai trò của tác viên cộng đồng: đọc tài liệu Phát triển cộng đồng, Tài liệu tập huấn Chữ Thập Đỏ,..
- Các kỹ năng cần thiết: đọc tài liệu về Khoa học giao tiếp.

Tại lớp, sinh viên sẽ được động não, và thảo luận nhóm về những phẩm chất cần có của tác viên, chia sẻ những hiểu biết trong thực tế, có

liên hệ bản thân. Bên cạnh đó, nội dung về các kỹ năng cần có của tác viên sẽ được giới thiệu bằng hình thức trò chơi, sắm vai, thảo luận cả lớp.

5. Một số điểm cần lưu ý khi học

- Sinh viên liên hệ cuộc sống thực tế để biết được những phẩm chất nào mình đã có, và phẩm chất nào cần quan tâm để trao dồi thêm khi làm việc với cộng đồng.
- Sinh viên không cần thuộc lòng nhưng cần hiểu rõ các vai trò của tác viên. Những vai trò nào dễ hoặc khó thực hành, đặc biệt vai trò xúc tác, tạo thuận lợi.

6. Tóm lược những vấn đề cần ghi nhớ

- Sinh viên cần nhớ những phẩm chất cơ bản của nhân viên phát triển, trong đó tính trung thực là đức tính cần rèn luyện thường xuyên.
- Về vai trò của tác viên thì tạo thuận lợi và xúc tác là vai trò đặc trưng của một tác viên cộng đồng, nhằm tạo điều kiện cho sự tham gia của người dân, và tác viên sẽ thành công khi cộng đồng không cần tới vai trò này nữa.
- Những kỹ năng của tác viên cộng đồng cũng là những kỹ năng của một nhân viên xã hội nói chung. Kỹ năng phải cần thực hành và rèn luyện thường xuyên

7. Câu hỏi

Câu 1. Tác viên phải thể hiện phẩm chất như thế nào để có thể đáp ứng được công tác chuyên môn?

Câu 2. Liệt kê và mô tả ngắn gọn các vai trò của tác viên cộng đồng

Câu 3. Theo bạn, trong công tác cộng đồng, vai trò nào mà tác viên cần quan tâm nhiều hơn hết? Vì sao?

Câu 4. Tác viên cộng đồng cần rèn luyện những kỹ năng nào để có thể giúp thành công trong công tác chuyên môn

Câu 5. Theo bạn, để thành công trong công tác phát triển cộng đồng, bạn cần phải như thế nào?

8. Hướng dẫn trả lời câu hỏi

Câu 1. Tác viên phải thể hiện phẩm chất như thế nào để có thể đáp ứng được công tác chuyên môn?

Ngoài năng lực chuyên môn là điều không thể thiếu được thì những phẩm chất cần có đối với một tác viên phát triển là tính hoà đồng, trung thực, kiên trì, nhẫn nại, khiêm tốn, khách quan vô tư và đạo đức phù hợp với giá trị, chuẩn mực của xã hội

Câu 2. Những vai trò của tác viên cộng đồng là

- Người tạo thuận lợi: Không “làm giùm”, “làm thay”. Không mang thái độ “người trên” đi giúp người khác. Phải tạo bầu khí, điều kiện để người dân tự tổ chức
- Người giáo dục, huấn luyện: Cần biết phát hiện nhu cầu đào tạo của người dân. Tổ chức các huấn luyện, giáo dục phù hợp với từng loại đối tượng khác nhau bằng cách áp dụng nhiều phương pháp giáo dục. Mục đích của giáo dục, huấn luyện là người dân có thể đi đến việc tự quyết định.
- Người nghiên cứu: Cần có kỹ năng thu thập, phân tích các dữ kiện về cộng đồng. Điều quan trọng là tạo điều kiện cho người dân cùng tham gia ngay từ lúc đầu nghiên cứu.
- Người lập kế hoạch: Giúp cộng đồng lập kế hoạch hành động cộng đồng xuất phát từ nhu cầu của chính họ. Kế hoạch phải cụ thể, khả thi
- Người xúc tác: Mặc dù là vai trò không thể thiếu được, nhưng tác viên cộng đồng phải ý thức để là người thật sự “chìm”. Có như vậy cộng đồng mới đóng vai nổi, chủ động.

Câu 3. Theo bạn, trong công tác cộng đồng, vai trò nào mà tác viên cần quan tâm nhiều hơn hết? Vì sao?

(câu này sinh viên tự trả lời và lý giải cho nhận định của mình, vì vai trò nào của tác viên cũng quan trọng)

Câu 4. Tác viên cộng đồng cần rèn luyện những kỹ năng nào để có thể giúp thành công trong công tác chuyên môn

Những kỹ năng cần thiết trong công tác với cộng đồng là kỹ năng lắng nghe, giao tiếp, giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng viết báo cáo, và một kỹ năng phụ trợ là kỹ năng sử dụng vi tính

Câu 5. Theo bạn, để thành công trong công tác phát triển cộng đồng, tác viên cộng đồng cần phải như thế nào?

- Tác viên phải thay đổi chính con người của mình: lạc quan về cuộc sống và tin tưởng nơi con người; hiểu biết về chính mình; dễ dàng chấp nhận người khác và thích nghi tốt.
- Tác viên phải hiểu vai trò của mình: vai trò chuyên môn (nghiên cứu, huấn luyện, tổ chức, lập kế hoạch..); vai trò tạo thuận lợi (xúc tác, giải quyết mâu thuẫn..); vai trò biện hộ; vai trò lập kế hoạch
- Tác viên phải trang bị các kỹ năng cần thiết: Kỹ năng giao tiếp; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng viết báo cáo, sử dụng vi tính

BÀI 4

SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Giới thiệu khái quát bài 4

Bài này sẽ giới thiệu cho sinh viên về sự tham gia của cộng đồng như là nền tảng của PTCD. Sự tham gia của cộng đồng được biểu hiện qua việc chia sẻ trách nhiệm và quyền quyết định của người dân. Thông qua hình thức các bậc thang tham gia, sinh viên sẽ hiểu được các cấp độ khác nhau của sự tham gia, căn cứ mức độ dự phần vào việc ra quyết định của người dân. Tham gia của cộng đồng theo phương thức từ dưới lên (bottom-up), là một tiến trình mà tiến trình này chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố thuận lợi và cản ngại từ phía người dân cũng như từ yếu tố văn hoá, xã hội, yếu tố tổ chức, hoặc từ nhà tài trợ.

2. Mục tiêu học viên cần đạt được sau khi học xong bài 4

Sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của sự tham gia của người dân trong phát triển cộng đồng, có thể phân tích được các mức độ tham gia cộng đồng. Sinh viên cũng liên hệ được những hoạt động xã hội thực tế để so sánh với lý thuyết về sự tham gia của người dân, chẳng hạn việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở các địa phương hoặc chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”

3. Hướng dẫn học nội dung cơ bản và các tài liệu tham khảo cho bài 4

Nội dung cơ bản

Bài 4 chủ yếu giới thiệu về sự tham gia của cộng đồng như một phương thức từ dưới lên. Các mức độ tham gia thể hiện trong việc ra quyết định của cộng đồng. Sự tham gia của cộng đồng gặp nhiều khó khăn do cách quen áp đặt từ trên xuống của các cấp và một số yếu tố khác bao gồm yếu tố văn hoá xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh đó có nhiều yếu tố thuận lợi thúc đẩy sự tham gia chẳng hạn như việc ban hành Quy chế dân chủ cơ sở.

NỘI DUNG BÀI 4

1. Ý NGHĨA CỦA THAM GIA

Tham gia là những sự việc khác nhau đối với những người khác nhau. Một vài định nghĩa về tham gia như sau

- Tham gia được xác định như một đóng góp tự nguyện của người dân vào một hoặc nhiều chương trình công cộng nhằm phát triển quốc gia, nhưng người dân không được mong đợi là sẽ góp phần vào hình thành chương trình hoặc phê phán nội dung các chương trình (Ủy ban Kinh tế Châu Mỹ La tinh, 1973)
- Tham gia bao gồm sự can dự của người dân trong tiến trình ra quyết định, trong thực hiện chương trình, chia sẻ quyền lợi của các chương trình phát triển cũng như trong đánh giá những chương trình này (Cohen và Uphoff, 1977)
- Sự tham gia của người dân chủ yếu là tạo mối quan hệ với kinh tế và chính trị trong diện rộng xã hội; nó không chỉ là sự can dự trong những hoạt động dự án, mà hơn nữa là tiến trình trong đó người dân nông thôn có khả năng tự tổ chức, thông qua tổ chức của riêng họ, họ có khả năng xác định nhu cầu của mình, chia sẻ thiết kế, thực hiện và lượng giá hành động cùng tham gia (FAO, 1982)
- Sự tham gia của cộng đồng là một tiến trình chủ động qua đó người thụ hưởng hay nhóm thân chủ ảnh hưởng định hướng và sự thực hiện một dự án phát triển với quan điểm nâng cao chất lượng cuộc sống về

thu nhập, tăng trưởng cá nhân, tự tin hoặc những giá trị khác mà họ mong ước (Paul, 1987)

2. CÁC KIỂU THAM GIA

2.1. Tham gia thụ động: Người dân được báo về những gì sẽ hoặc đã xảy ra, do cơ quan hoặc người quản lý dự án đơn phương thông báo mà không cần có sự lắng nghe đáp ứng, phản hồi của người dân. Thông tin chỉ được chia sẻ bởi những chuyên gia bên ngoài.

2.2. Tham gia bằng cách cung cấp thông tin: người dân tham gia qua việc trả lời những câu hỏi do những nhà nghiên cứu đưa ra trong bản hỏi nghiên cứu, hoặc những hoạt động tương tự. Người dân không có cơ hội có ý kiến hoặc kiểm chứng tính chính xác của thông tin vì họ không được chia sẻ kết quả nghiên cứu.

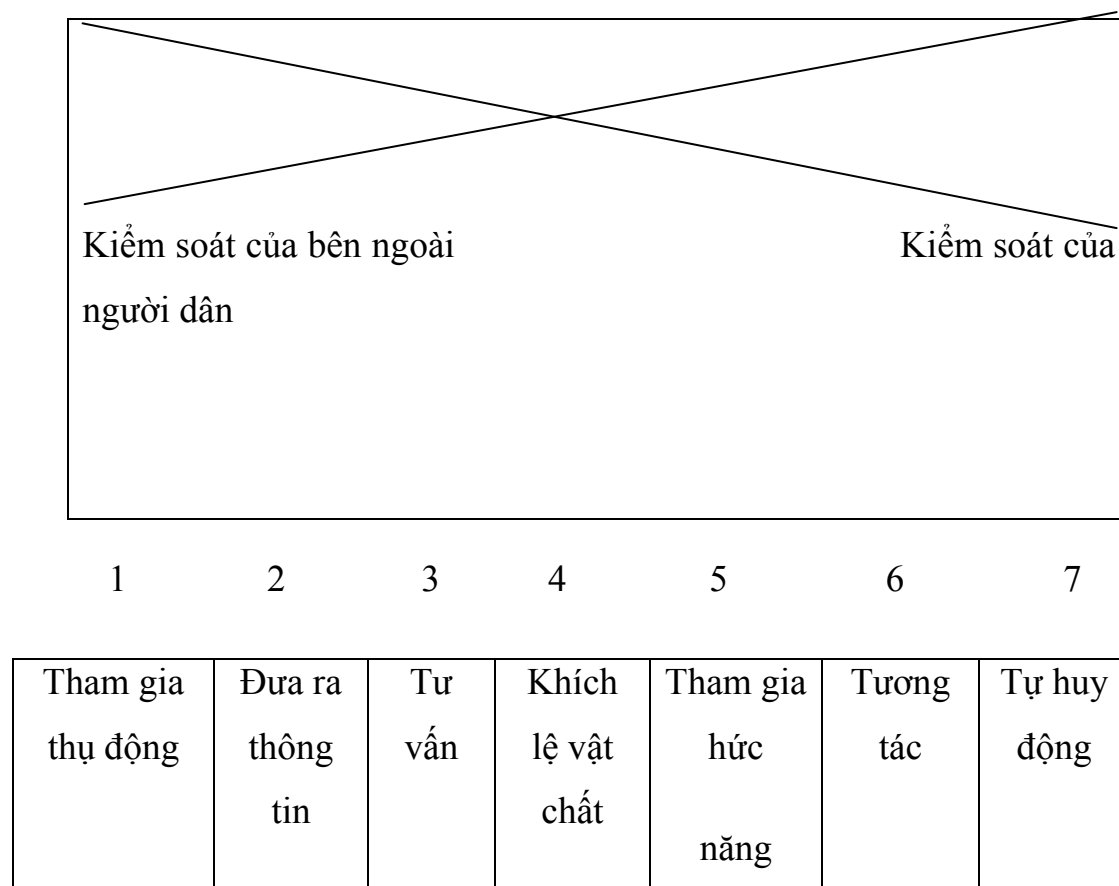
2.3. Tham gia qua tư vấn: Người dân tham gia qua các buổi họp tư vấn, và người bên ngoài lắng nghe quan điểm của họ. Những chuyên gia từ bên ngoài xác định vấn đề và giải pháp cho cộng đồng, và có thể bổ sung bằng phản ánh của người dân. Tuy vậy, trong tiến trình tư vấn người dân không được chia sẻ bất kỳ việc ra quyết định nào, và những chuyên gia cũng không bắt buộc phải nghe toàn bộ quan điểm, ý kiến của người dân.

2.4. Tham gia vì những khích lệ vật chất: người dân tham gia bằng cách đóng góp tài nguyên, thí dụ sức lao động, ngược lại họ nhận được thực phẩm, tiền, và những khuyến khích vật chất khác. Nhiều nghiên cứu tại nông trại thuộc loại tham gia này, bởi vì nông dân làm việc trên nông trại nhưng không được can dự vào những thử nghiệm của tiến trình nghiên cứu. Việc tham gia này rất phổ biến, và thường thì người dân không thể kéo dài hoạt động khi những nguồn khuyến khích này kết thúc.

2.5. Tham gia chức năng: Người dân tham gia bằng cách tổ chức nhóm nhằm đạt đến những mục tiêu dự định của dự án phát triển. Việc tham gia của họ thường không xảy ra ở giai đoạn đầu của chu trình dự án hoặc kế hoạch, mà thường là sau khi đã có những quyết định quan trọng về kế hoạch. Những nhóm (thể chế) này có khuynh hướng phụ thuộc vào những người/tổ chức hoặc tác nhân bên ngoài, nhưng cũng có thể trở nên độc lập.

2.6. Tham gia tương tác: Người dân tham gia bằng việc cùng phân tích, phát triển kế hoạch hành động, và thiết lập các cơ cấu mới hoặc tăng cường những cơ cấu/thể chế đang có tại địa phương. Sự tham gia được xem như một quyền, không phải là phương tiện đạt được mục đích dự án.

2.7. Tự huy động: Người dân tham gia bằng cách tự thiết kế những hoạt động/dự án/sáng kiến độc lập với những tổ chức bên ngoài để thay đổi, để phát triển cộng đồng của họ. Họ chỉ liên hệ với những tổ chức bên ngoài để nhận ý kiến cố vấn về kỹ thuật và những tài nguyên từ bên ngoài mà họ cần, nhưng họ vẫn giữ sự kiểm soát việc sử dụng tài nguyên. Sự tự huy động và hành động tập thể có thể có (ít) hoặc có thể không gặp khó khăn ngay cả khi việc phân phối tài nguyên và quyền lực không công bằng từ bên ngoài.



Hình 2. Phân bố sự kiểm soát theo tính chất các kiểu tham gia

3. SỰ THAM GIA LÀ PHƯƠNG TIỆN HOẶC MỤC ĐÍCH

So sánh giữa tham gia là phương tiện và tham gia là mục đích

Tham gia là phương tiện	Tham gia là mục đích
Hàm ý rằng tham gia để đạt được một mục đích hoặc mục tiêu dự định trước	Tham gia nhằm nỗ lực tăng năng lực người dân để việc tham gia của họ vào việc phát triển được mang đầy ý nghĩa
Một cố gắng để sử dụng nguồn tài nguyên hiện có để đạt được mục tiêu của chương trình/dự án	Cố gắng để đảm bảo vai trò ngày càng tăng của người dân trong những sáng kiến phát triển
Nhấn mạnh việc đạt được mục tiêu hơn là trên chính hành động tham gia	Tập trung vào việc cải thiện khả năng của người dân để họ tham gia hơn là chỉ nhằm đạt được mục tiêu dự định của dự án
Thường là trong các chương trình của Nhà Nước, nơi mà mối quan tâm chính là huy động cộng đồng trong cải thiện tính hiệu quả của hệ thống phân phát	Các tổ chức phi chính phủ đồng thuận/chấp nhận quan điểm này nhiều hơn cơ quan Nhà nước
Sự tham gia mang tính ngắn hạn	Tham gia là đích đến, do vậy là tiến trình dài hạn
Tham gia như là phương tiện, do vậy xem như là dạng tham gia thụ động	Tham gia là mục đích, vì thế tích cực và năng động hơn

4. THUẬN LỢI CỦA SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

4.1. Tham gia mang lại lợi ích gì?

Tham gia trong phát triển ngày nay được thấy hầu hết trên toàn thế giới, không phải là nhất thời mà do bởi tính hiệu quả của tham gia trong những dự án phát triển. Tham gia có những thuận lợi cơ bản như sau:

Hiệu quả: Khi người dân tham gia tức là nhận trách nhiệm trong nhiều hoạt động khác nhau thì đảm bảo rằng họ sẽ sử dụng nguồn tài nguyên sẵn có. Ngoài ra, khi người dân và các cơ quan khác làm việc cùng nhau để nhằm đạt được mục tiêu chung thì sẽ mang lại lợi ích hơn cho dự án.

Tuy nhiên, việc người dân nhận lãnh trách nhiệm cũng có thể làm cho Nhà nước và các cơ quan khác chuyển gánh nặng sang họ, và cung cấp cho họ ít tài nguyên hơn

Hiệu lực: Thiếu sự tham gia của người dân là một trong những nguyên nhân chính làm cho các dự án thất bại, kém hiệu quả. Sự tham gia của người dân có thể làm dự án hiệu quả hơn bằng cách trao cho họ quyền quyết định về mục tiêu và chiến lược, và bằng sự tham gia trong thực hiện, sẽ đảm bảo việc sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả.

Tự lực: Với sự can dự của người dân địa phương, ngoài việc phá bỏ tư tưởng phụ thuộc còn giúp họ tăng cường nhận thức, tự tin, và kiểm soát tiến trình phát triển. Thật ra, sự can dự của họ vào việc ra quyết định, thực hiện và giám sát sẽ giúp phát triển nguồn nhân lực địa phương.

Bao quát: Những can thiệp phát triển nhằm nâng đỡ thành phần yếu kém trong xã hội. Tuy nhiên, hầu hết dự án phát triển chỉ thành công một phần vì lợi ích thường dồn vào những người không nghèo, thành phần quý tộc và quyền lực. Sự tham gia của người dân có thể đảm bảo lợi ích đến đúng nhóm mục tiêu (target group). Hơn nữa, sự điều hành hiệu quả có thể đảm bảo rằng nguồn lực sẽ đến những thành phần yếu kém trong xã hội.

Bền vững: Kinh nghiệm cho thấy rằng những dự án được hỗ trợ từ bên ngoài (do cơ quan Nhà nước hoặc cơ quan tài trợ) thường bị thất bại khi cơ quan tài trợ ngưng sự giúp đỡ. Sự tham gia của người dân được xem là tiên quyết cho những hoạt động được tiếp tục. Sự can dự của người dân và việc sử dụng nguồn lực địa phương tạo ra một ý thức sở hữu, điều này rất quan trọng cho sự bền vững ngay cả sau khi ngưng cấp kinh phí.

4.2. Yếu tố để thúc đẩy sự tham gia

- Tuân thủ các nguyên tắc hành động phát triển cộng đồng
- Có kỹ năng về các phương pháp, công cụ tạo thuận lợi cho sự tham gia
- Tôn trọng văn hóa và giá trị cộng đồng
- Tác viên cộng đồng và cán bộ địa phương phải thật sự gần gũi, lắng nghe dân
- Công khai hoá các hoạt động liên quan đến dân để họ biết một cách thực sự và đầy đủ
- Nâng cao năng lực, bao gồm kiến thức và kỹ năng để người dân có thể tham gia vào các hoạt động

- Những thiết chế và cơ chế để qua đó người dân có thể phản hồi ý kiến trực tiếp hoặc qua người đại diện của mình.
- Ngoài ra, việc gắn cấp cơ sở vào tiến trình ra quyết định và lập kế hoạch, kết hợp với tư vấn ý kiến của UBND và các đoàn thể đang hỗ trợ cho tiến trình dân chủ hoá đã và đang thực hiện tại Việt Nam.

Nghị định 29/1998/NĐ-CP, tháng 5, 1998, Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã. Chương III, Điều 6 và Chương IV, Điều 9.

Chương III. Những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

Điều 6. Nhân dân ở xã, thôn, làng, ấp, bản và quyết định trực tiếp những công việc chủ yếu sau:

- 1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng (điện, đường, trường học, trạm xá, nghĩa trang, các công trình văn hoá, thể thao...)*
- 2. Lập thu, chi các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật*
- 3. xây dựng hương ước, quy ước làng văn hoá, nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội*
- 4. Các công việc trong nội bộ cộng đồng dân cư thôn, làng, ấp, bản phù hợp với pháp luật của Nhà nước*
- 5. Thành lập ban giám sát công trình xây dựng do dân đóng góp*
- 6. Tổ chức bảo vệ sản xuất, kinh doanh*

Chương IV. Những việc dân bàn, tham gia ý kiến, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân quyết định

Điều 9. Những việc chủ yếu đưa ra dân bàn hoặc tham gia ý kiến trước khi Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân quyết định (hoặc trình các cấp có thẩm quyền quyết định) gồm có:

- 1. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội dài hạn, hàng năm của xã, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất và phương án phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm cho người lao động*
- 2. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai ở địa phương và việc quản lý sử dụng có hiệu quả quỹ đất công ở địa phương*
- 3. Dự thảo quy hoạch khu dân cư và đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới. Kế hoạch và dự án huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do xã quản lý*
- 4. Dự thảo đề án phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính xã, đề án chia, tách, thành lập thôn, làng, ấp, bản.*
- 5. Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình quốc gia về y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường*
- 6. Chủ trương, phương án đền bù giải phóng mặt bằng*
- 7. Giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng Nhân dân xã*
- 8. Những việc khác Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân thấy cần thiết*

5. NHỮNG CẢN TRỞ CỦA SỰ THAM GIA

5.1. Những tranh cãi về sự tham gia

- Sự tham gia có thể dẫn đến việc khởi đầu chậm trễ và tiến trình chậm ở giai đoạn đầu, điều này sẽ ảnh hưởng việc đạt được mục tiêu vật chất cũng như tài chính
- Sự tham gia đòi hỏi yếu tố vật chất cũng như nhân sự để hỗ trợ tiến trình tham gia, chúng ta phải đi theo đường lối được quyết định bởi người dân địa phương và cộng đồng. Do vậy, tham gia có thể là một phương pháp tốn kém
- Sự tham gia là một tiến trình, khi khởi đầu thì phải theo tiến trình, vì thế có thể không đi theo hướng đã mong đợi. Ngoài ra, sự tham gia là một tiến trình tăng năng lực, người dân địa phương và cộng đồng được tăng năng lực để quyết định. Điều này có nghĩa là nhà tài trợ, Nhà nước và những tổ chức khác phải từ bỏ quyền lực và kiểm soát, và việc này không dễ dàng.
- Khi người dân hoặc cộng đồng tham gia thì nhiều mong đợi được đưa ra ngày càng tăng. Tuy nhiên, đôi khi sự tham gia đã mang đến kết quả không như mong đợi

5.2. Các yếu tố cản trở

- Cản trở do cấu trúc từ những yếu tố do hệ thống trung ương và phương thức “từ trên xuống” (top-down) trong những chương trình/dự án phát triển của Nhà nước đã ít định hướng cho sự tham gia của người dân

- Cản trở do cơ cấu quản lý:
 - Việc quản lý theo định hướng kiểm soát thường theo những hướng dẫn, qui định và chấp nhận những kế hoạch định sẵn. Do vậy, người dân địa phương ít được quyết định và kiểm soát nguồn lực của họ. Điều này ảnh hưởng tới quyền làm chủ và trách nhiệm của người dân
 - Các tổ chức phối hợp chưa chặt chẽ, nhiều hoạt động trùng lặp
 - PTCĐ là một phương thức mới, chưa được cộng nhận rộng rãi và chính thức, do vậy, nhiều chính quyền địa phương e ngại trong việc hợp tác, nhất là những hình thức huy động cộng đồng.
 - Thiếu cán bộ địa phương hiểu biết về phương thức tham gia.
- Cản trở do xã hội và văn hoá
 - Ý thức/tư tưởng phụ thuộc: Các cấp cơ sở và người dân quen với cách làm từ trên xuống, quen chấp hành mệnh lệnh, tự ti, thiếu tự tin về trình độ, năng lực của mình
 - “Văn hoá im lặng”: e dè, thiếu mạnh dạn, không dám ý kiến, ngại hoạt động tập thể
 - Sự thống trị của thành phần quý tộc
 - Bất bình đẳng giới, chế độ gia trưởng, phụ quyền. Địa vị thấp kém của phụ nữ và một bộ phận người dân thiệt thòi, điều này đã làm cho họ an phận và bằng lòng với tình trạng của họ, không dám có ý kiến về bất kỳ việc gì dù ảnh hưởng không tốt tới bản thân hoặc cộng đồng
 - Ngại rủi ro, không dám nhận trách nhiệm
 - Lối sống thực dụng, thờ ơ việc chung

- Nhiều tổ chức làm công tác phát triển cộng đồng nhưng không chú ý yếu tố văn hoá, xã hội, gây nên sự ỷ lại, trông chờ từ phía người dân
- Từ phía người dân
 - Quen cách làm từ trên xuống, chấp hành mệnh lệnh, dựa dẫm, phụ thuộc
 - Sợ trù dập, e dè trước tập thể, thiếu tự tin, ngại nhận trách nhiệm
 - Thiếu kiến thức và kỹ năng làm việc chung
 - Chưa ý thức quyền làm chủ
 - Lối sống thực dụng, đên nhà ai nấy rặng
 - Cộng đồng nhiều thành phần tôn giáo, sắc tộc, chia rẽ
 - Địa bàn dân cư rải rác, sống cách xa nhau
- Từ phía tổ chức, tác viên
 - Tổ chức hội họp nhiều nhưng không hiệu quả do thiếu kế hoạch chuẩn bị
 - Cán bộ, tác viên chưa hiểu cách làm phát triển có sự tham gia, còn “làm thay”
 - Quen cách làm áp đặt, từ trên xuống
 - Tính gia trưởng, mệnh lệnh, thiếu dân chủ
 - Nóng vội, sợ mất nhiều thời gian
 - Chưa hiểu hết nhu cầu, nguyện vọng của người dân
 - Thiếu tin tưởng khả năng tham gia của người dân
 - Thiếu tổ chức các hình thức nhóm nhỏ tạo cơ hội cho người dân tham gia

- Thiếu tôn trọng, không am tường giá trị, phong tục tập quán của cộng đồng

(Sinh viên đọc thêm bài “Vi là phải hành” trong Phần Phụ lục)

Thuận lợi và cản trở của yếu tố văn hoá đến sự tham gia

Ảnh hưởng tích cực	Ảnh hưởng tiêu cực
1. Tinh thần yêu nước, yêu quê hương là nền tảng cho tinh thần CD	
2. Tinh thần hiếu học thúc đẩy nhu cầu tiến bộ, áp dụng kỹ thuật mới.	
3. Tinh thần “lá lành đùm lá rách” giúp người dân dễ ngồi lại.	Có lúc vì tinh thần “tập thể” cá nhân không dám có ý kiến, quyết định riêng.
4. Tôn ti trật tự dẫn đến kỷ luật cao trong tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Kính lão đắc thọ làm giới hạn tính năng động, sáng tạo của lớp trẻ, hạn chế lãnh đạo trẻ. - Trọng nam khinh nữ hạn chế sự phát triển của phụ nữ, dễ dẫn đến tính gia trưởng, độc đoán trong lãnh đạo nhóm. - Hạn chế sáng tạo, chống cái mới
5. Cần cù, chịu thương chịu khó	An phận thủ thường
6. Đặc điểm sản xuất nhỏ tạo tính chất chiu, tiết kiệm.	Bảo thủ, cục bộ, địa phương là cản trở lớn cho tinh thần hợp tác.

7. Phụ nữ VN rất yêu thương chồng con	Phụ nữ thường gánh vác toàn bộ công việc nội trợ, hy sinh thời giờ tự học tập và hoạt động xã hội.
---------------------------------------	--

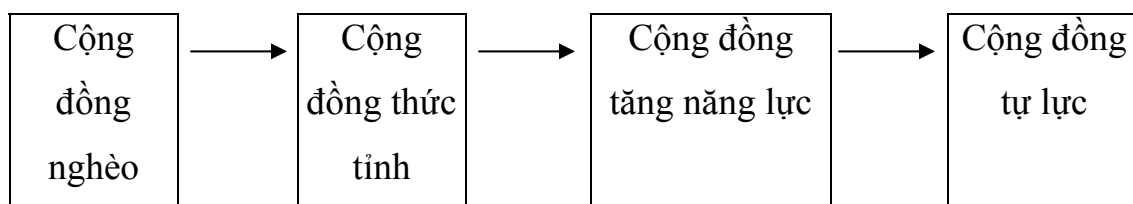
6. MỨC ĐỘ THAM GIA

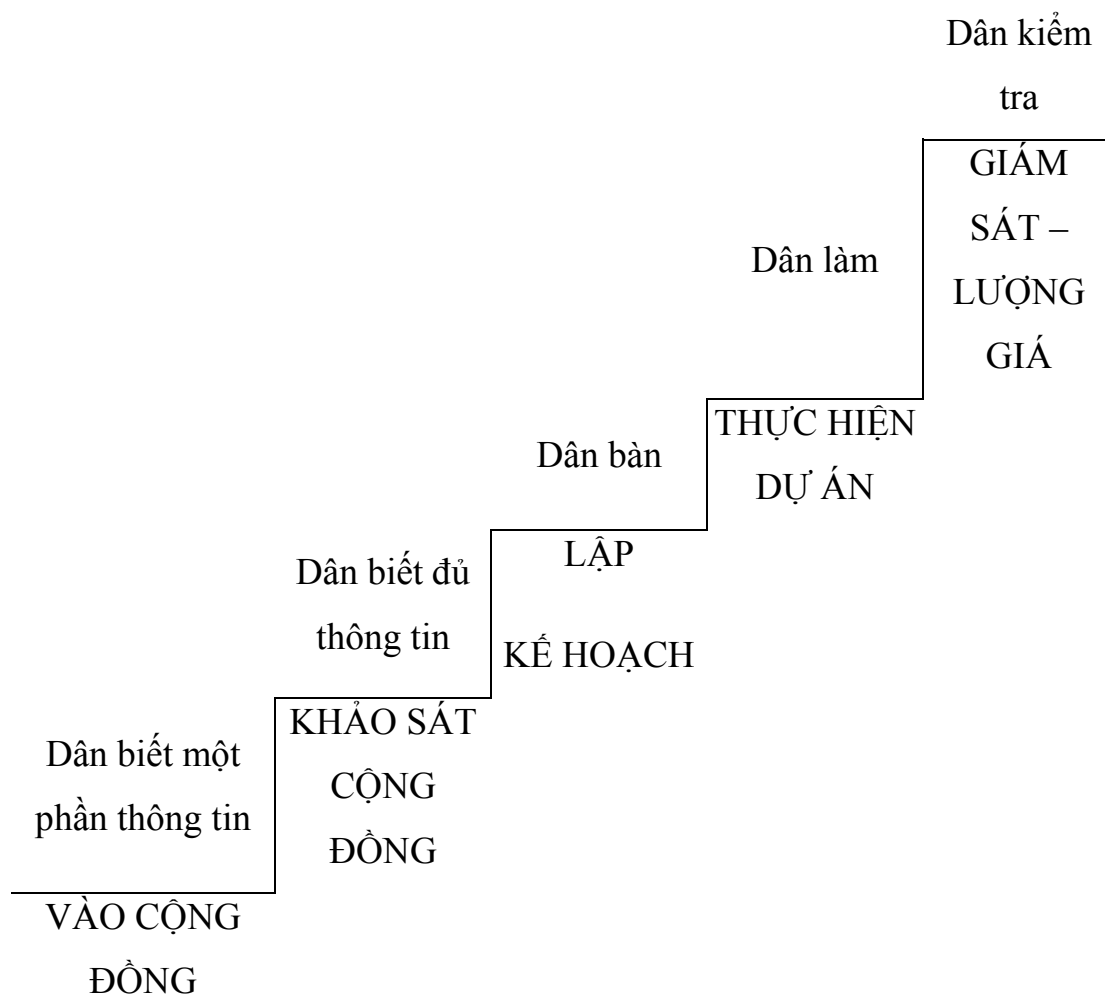
Bậc thang tham gia

Tham gia thật sự ↑	9	Người dân tự quyết định, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện Cán bộ chỉ tham gia khi người dân yêu cầu sự giúp đỡ
	8	Người dân chủ động khi quyết định với sự giúp đỡ của cán bộ
	7	Cán bộ và người dân cùng quyết định trên cơ sở bình đẳng
Trước khi tham gia ↑	6	Cán bộ tham khảo ý kiến của người dân và cân nhắc ý kiến của người dân và sau đó quyết định có tính đến tất cả mọi ý kiến
	5	Cán bộ quyết định làm gì, sau đó người dân được phép quyết định một số khía cạnh nhỏ
	4	Cán bộ quyết định làm gì, người dân làm theo (cán bộ đạo diễn)
	3	Cán bộ quyết định làm điều gì và hỏi người dân đồng ý (phải đồng ý, không có cách khác)

	2	Cán bộ quyết định tất cả, người dân được thông báo là làm gì và được biết các lý do và lời giải thích
Không có sự tham gia ↑	1	Cán bộ quyết định tất cả, người dân hoàn toàn không biết gì ngoài những điều cần làm
	0	Người dân không được giúp đỡ hoặc cân nhắc tới, bị quên lãng

Sự tham gia của cộng đồng trong tiến trình phát triển với phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm theo các bước “dân biết, bàn, làm và kiểm tra”





Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, ĐH Mở BC TP. HCM, 2002
- Somesh Kumar, *Methods for Community participation – A complete guide for participation*, Vistaar Publication, New Delhi, 2002
- *Quy định pháp luật về dân chủ cấp cơ sở*, NXB Chính trị quốc gia, 2003

- Trung tâm Nghiên cứu - Tư vấn CTXH và PTCD, *Phát triển cộng đồng*, Tài liệu tập huấn, 2005

4. Những khái niệm cơ bản trong bài và cách học từng phần của bài

Khái niệm cơ bản:

- Tham gia cộng đồng: Một quá trình người dân cùng tham gia các hoạt động có mục đích chăm sóc cộng đồng dưới nhiều hình thức khác nhau
- Bậc thang của sự tham gia: các mức độ khác nhau của sự tham gia từ thấp đến cao căn cứ theo sự chủ động và quyền ra quyết định của cộng đồng
- Ra quyết định: Tiến trình đóng góp ý kiến và kết luận một vấn đề
- Quyền quyết định của cộng đồng: sự tham gia của cộng đồng ở mức độ cao, trong đó người dân chịu trách nhiệm về những hoạt động liên quan đến cuộc sống của họ.

Cách học từng phần của bài:

- Sinh viên đọc tài liệu, đọc bài đọc thêm “*Vi là phải hành*” trong phần phụ lục

- Những cản ngại và sự tham gia: Động não, liệt kê trước một số cản ngại, thuận lợi trong sự tham gia, sau đó thảo luận nhóm và đọc tài liệu tìm hiểu thêm
- Phân quy chế dân chủ cơ sở: đọc tài liệu quy chế dân chủ cơ sở, liên hệ việc thực hiện quy chế này tại địa bàn nơi đang sống
- Các bậc thang của sự tham gia: Sinh viên sẽ liên hệ thực tế về các bậc thang của sự tham gia, xem trong các hoạt động mình đang dự phần thì sự tham gia của cộng đồng ở mức độ nào
- Thảo luận nhóm, phân tích các hình thức tham gia của người dân và các cấp chính quyền cũng như của các tổ chức, đoàn thể tại địa bàn sinh sống.

Tại lớp giảng viên sẽ gợi ý để trao đổi và đúc kết theo lý thuyết.

5. Một số điểm cần lưu ý khi học

- Có nhiều tài liệu nói về sự tham gia của cộng đồng, mỗi tài liệu sẽ phân tích và phân loại sự tham gia khác nhau. Tuy nhiên, cần lưu ý sự tham gia của cộng đồng thể hiện qua việc người dân cùng chủ động quyết định.
- Có thể trao đổi chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm về các hình thức tham gia và các mức độ tham gia.
- Sinh viên cố gắng liên hệ thực tế, đặc biệt việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại địa phương, để nhận định về mức độ tham gia của người dân theo phương thức “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”

6. Tóm lược những vấn đề cần ghi nhớ

- Tham gia của cộng đồng là một phương thức từ dưới lên
- Những hình thức tham gia và mức độ tham gia của người dân
- Những khó khăn, thuận lợi trong sự tham gia của cộng đồng. Chú ý Quy chế dân chủ cơ sở như là một yếu tố thuận lợi cho sự tham gia
- Trong tiến trình PTCD đưa cộng đồng từ yếu kém đến tự lực, sự tham gia của cộng đồng là quan trọng nhất và thể hiện cao nhất là người dân có quyền quyết định và kiểm tra mọi việc liên quan đến cộng đồng.

7. Câu hỏi

Câu 1. Nêu khái niệm: Sự tham gia của cộng đồng; các thành phần liên quan

Câu 2. Các kiểu tham gia

Câu 3. Giải thích các mức độ của sự tham gia dựa vào các nấc thang của sự tham gia

Câu 4. Những cản ngại, thuận lợi trong tham gia cộng đồng

Thảo luận nhóm

Hãy phân tích những ảnh hưởng của văn hóa, xã hội Việt Nam trong công tác vận động sự tham gia của cộng đồng.

8. Hướng dẫn trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm

Câu 1. Các khái niệm

- Sự tham gia của cộng đồng: Toàn cộng đồng trở nên liên quan một cách tích cực trong việc ra quyết định và quản lý
- Các thành phần liên quan: các thành phần liên quan là tất cả những người, những tổ chức có lợi ích liên quan đến một hoạt động cụ thể. Các thành phần liên quan còn bao gồm những nhà ra quyết định cũng như những người bị ảnh hưởng bởi một quyết định. Cộng đồng là một trong các thành phần có liên quan. Các thành phần liên quan sẽ khác nhau, tùy vào từng vấn đề cụ thể (tư vấn cộng đồng)

Câu 2. Các kiểu tham gia:

- 1) Tham gia thụ động; 2) Tham gia qua việc cung cấp thông tin;
- 3) Tham gia qua tư vấn; 4) Tham gia bằng những khích lệ vật chất;
- 5) Tham gia chức năng; 6) Tham gia tương tác; và 7) Tự huy động

Câu 3. Các bậc thang của sự tham gia:

Gồm 9 bậc thang từ thấp đến cao trong 3 mức độ tham gia: Không có sự tham gia, Bắt đầu tham gia và Tham gia thật sự.

Sự tham gia được xem xét qua các mức độ quyết định của người dân.

Câu 4. Những thuận lợi và cản ngại của sự tham gia

Thuận lợi:

- Tham gia mang lại lợi ích: Hiệu quả, hiệu lực, tự lực, bao quát, bền vững
- Yếu tố thúc đẩy sự tham gia. Cơ sở sự tham gia là Quy chế dân chủ cơ sở và những thiết chế, cơ chế

Cản ngại

- Những tranh cãi về sự tham gia
- Yếu tố cản trở . Nhấn mạnh yếu tố cơ chế quản lý và yếu tố văn hoá xã hội

Thảo luận nhóm

- Căn cứ vào đặc điểm văn hoá, xã hội của khu vực đang sinh sống, phân tích các ảnh hưởng đến sự tham gia
- Đọc bài “Vi là phải hành” để phân tích ảnh hưởng của cơ chế đến sự tham gia của người dân

BÀI 5

PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT NHANH CÓ SỰ THAM GIA

1. Giới thiệu khái quát bài 5

Bài 5 giới thiệu cho sinh viên một phương pháp khảo sát có sự tham gia của người dân, tiếng Anh là Participatory Rapid Appraisal –PRA. Hiện nay, nhiều nơi người dân đã quen với tên gọi tắt là PRA. Sinh viên lưu ý trong tài liệu này cũng sử dụng từ PRA để gọi tắt cho phương pháp. Trong PRA, một số thành viên của cộng đồng, bao gồm Ban Đại diện cộng đồng, cùng tham gia trong nhóm nghiên cứu để thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm thông tin và ý tưởng để định hướng cho các hành động tương lai của họ tại cộng đồng. Kết quả của các cuộc nghiên cứu được chính cộng đồng thụ hưởng.

Vì là phương pháp cùng tham gia, hơn nữa cũng nhằm tăng năng lực cho cộng đồng nên PRA có những nguyên tắc nhất định, trong đó nhấn mạnh đến việc quan tâm, tin tưởng người dân và trao quyền cho họ. Nhà nghiên cứu bên ngoài và tác viên phải lắng nghe và tôn trọng những kinh nghiệm bản địa. PRA ứng dụng nhiều phương pháp và kỹ thuật, được khái quát lại trong 3 lĩnh vực là phương pháp theo không gian, theo thời gian và theo mối quan hệ. PRA được các tổ chức xã hội quốc tế và trong nước sử dụng trong các dự án phát triển xã hội tại các cộng đồng nghèo, trong hoạt động khảo sát cũng như đánh giá, lượng giá.

2. Mục tiêu học viên cần đạt được sau khi học xong bài 5

Nắm nội dung cơ bản của phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia, nhận thức mục tiêu chính của phương pháp là nhằm tăng sự tham gia của người dân trong hoạt động cộng đồng. Sinh viên nắm bắt được một vài công cụ phổ biến của phương pháp và có ý thức thay đổi thái độ, hành vi khi ứng dụng PRA trong các hoạt động thực tế.

3. Nội dung cơ bản và các tài liệu tham khảo cho bài 5

Nội dung cơ bản

- Những phương pháp PRA được phân loại thành phương pháp liên quan không gian, phương pháp liên quan thời gian và phương pháp liên quan mối quan hệ
- Nguyên tắc trong PRA không cố định mà thay đổi, tiến hoá theo thời gian, theo từng điều kiện tự nhiên, xã hội và con người tại cộng đồng. Quá trình thu thập thông tin nhanh và liên tục, vì vậy nghiên cứu viên từ bên ngoài phải linh hoạt ứng dụng các công cụ khác nhau. Phải lắng nghe, và quan tâm đến đối tượng đặc biệt như người thiệt thòi, phụ nữ.
- Đặc điểm của PRA là những phương pháp, kỹ thuật ứng dụng chủ yếu tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ tốt và dân chủ, thay đổi thái độ người dân.
- PRA được ứng dụng trong nghiên cứu nghèo; giám sát và lượng giá; giáo dục xoá mù chữ.

NỘI DUNG BÀI 5

1. XUẤT PHÁT CỦA PRA

PRA là phương pháp nhằm tạo điều kiện cho người dân địa phương chia sẻ, nâng cao và phân tích hiểu biết của họ về cuộc sống và những điều kiện để lập kế hoạch, hành động, giám sát và lượng giá. PRA bắt nguồn từ 5 nguồn chính yếu:

- Nghiên cứu hành động có sự tham gia (Participatory Action Research), xuất phát từ 1970 ở Châu Mỹ La tinh
- Phân tích hệ thống sinh thái nông nghiệp (Agro Ecosystem Analysis), cuối thập niên 1970, tại Đại học Chiang Mai, Thái Lan
- Nhân học ứng dụng (Applied Anthropology), giữa thập niên 1980
- Nghiên cứu hệ thống nông trại (Farming System Research), thập niên 1980
- Khảo sát nhanh nông thôn (Rapid Rural Appraisal- RRA)

Tất cả 5 lối tiếp cận này đều nhằm vào lĩnh vực nông nghiệp, và xem nông dân như là những nhà nghiên cứu bản địa.

2. PRA LÀ GÌ?

- PRA là quá trình liên tục, là phương pháp khuyến khích, lôi cuốn người dân nông thôn cùng tham gia chia sẻ, thảo luận và phân tích kiến thức của họ về đời sống và điều kiện thực tế để họ lập kế hoạch hành động và thực hiện.
- PRA là một cách làm việc mới, khắc phục được cách làm việc cũ đồng thời cách làm này không những được dùng trong quá trình thu thập, xử lý thông tin mà được thực hiện xuyên suốt dự án hay chương trình.
- PRA giúp cho tác viên cộng đồng hay cán bộ dự án:
 - Học hỏi từ người dân, cùng làm việc với dân.
 - Giúp người dân địa phương tự phân tích, lập kế hoạch và thực hiện.

3. MỤC ĐÍCH

Căn cứ vào hai vai trò và chức năng của PRA là **công cụ quản lý** và **tiến trình trong một hệ thống**, PRA nhằm vào các mục đích:

- Là **công cụ quản lý** thì PRA nhằm phát huy khả năng cho người dân nâng cao hiệu suất và hiệu quả. Qua tiến trình tương tác người dân được nâng cao kiến thức và hiểu biết về những vấn đề liên quan và ảnh hưởng đến cuộc sống của chính họ. Nhờ đó họ được nâng cao sự kiểm soát trên tiến trình phát triển của dự án.

- **Là tiến trình trong một hệ thống** thì PRA cho phép những người thụ hưởng liên tục đánh giá tiến độ của chính họ và tự lượng giá định kỳ để học tập những thất bại trong quá khứ. (PRA được ứng dụng trong quy trình Hành động-Suy ngẫm-Hành động mới)

4. NGUYÊN TẮC CỦA PRA

Khi sử dụng PRA thì vai trò của tác viên cộng đồng và những nhà nghiên cứu từ bên ngoài là thúc đẩy và tạo điều kiện nâng cao năng lực cho người dân địa phương trong thu thập thông tin, phân tích vấn đề, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch. Vì vậy cần hiểu rõ và thấm nhuần các nguyên tắc sau đây:

- 1) Học hỏi trực tiếp từ người dân địa phương về kiến thức, kinh nghiệm, điều kiện sống và lao động của họ, vì PRA hoàn toàn khác với phương pháp bản hỏi đã được soạn sẵn
- 2) Điều nhấn mạnh trong PRA là sử dụng những phương pháp một cách linh hoạt và sáng tạo cũng như tạo cơ hội tham gia cho việc nghiên cứu nhanh và tiến bộ không ngừng. Nói cách khác, trong PRA, tiến trình nghiên cứu thích ứng, thay cho phương pháp truyền thống có thiết kế /kế hoạch sẵn
- 3) Loại bỏ thành kiến bằng sự lắng nghe chứ không giảng dạy, bằng sự thăm dò thay cho sự bắt cần, vội vã. Phát hiện chi tiết, quan tâm đến người nghèo, người bị thiệt thòi, phụ nữ. Tìm hiểu, học hỏi những quan tâm và ưu tiên của họ

- 4) Sử dụng tối ưu các kỹ thuật và công cụ, tức là phải cân nhắc giữa số lượng, sự hợp lý, sự chính xác và thời gian.
- 5) Sử dụng phép kiểm tra chéo các thông tin.
- 6) Tính đa dạng trong PRA yêu cầu không chỉ dừng ở mức bình quân mà phải nỗ lực tập trung vào những biến đổi, nắm bắt được tính phức tạp và đa dạng.
- 7) “Trao quyền” là một nguyên tắc quan trọng của PRA. Vai trò của tác viên là hướng dẫn, luôn khuyến khích và để cho dân tự làm, tạo điều kiện cho người dân tự kiểm soát, tự điều tra, đánh giá, phân tích, trình bày và học hỏi. Từ đó họ tự đưa ra kết quả và là chủ sở hữu của các kết quả.
- 8) Hãy luôn tự vấn mình, nghĩa là tác viên cộng đồng hãy luôn tự kiểm tra mình và tự phê bình về thái độ, phong cách, cách ứng xử khi cùng làm việc với người dân.
- 9) Mỗi tác viên cộng đồng phải tự chịu chịu trách nhiệm với chính công việc của mình làm, không đổ lỗi cho người khác. Đồng thời tác viên phải ứng biến và sáng tạo. Luôn nhớ châm ngôn “sử dụng sự phán xét tốt nhất của bạn ở bất kỳ mọi lúc”
- 10) Cùng chia sẻ, tức là tạo cơ hội cùng làm việc, cùng chung sống, chia sẻ suy nghĩ, tình cảm, tâm tư giữa người dân với nhau, giữa người dân với tác viên cộng đồng.

5. ỨNG DỤNG PRA

- Nhiều ứng dụng PRA đã diễn ra hơn 10 năm qua và vẫn tiếp diễn. Theo Chambers (1997) PRA được ứng dụng trong 3 lĩnh vực: điều tra, nghiên cứu, và tập huấn.
- PRA được sử dụng như là một tiến trình tăng năng lực trong khảo sát, phân tích, lập kế hoạch, hành động, giám sát và lượng giá.
- PRA được sử dụng nhiều trong quản lý tài nguyên thiên nhiên; nông nghiệp; con người, nghèo đói và sinh kế; sức khỏe và dinh dưỡng; và đô thị.
- Ngoài ra, PRA cũng được ứng dụng trong những lĩnh vực như giáo dục người lớn, giáo dục cấp một; quản lý khẩn cấp và thiên tai; giới; sức khỏe tình dục và sinh sản.

Tóm lại PRA cần dùng cho nhiều lãnh vực có cùng điểm xuất phát từ người dân, lấy dân làm gốc, lấy cộng đồng làm cơ sở.

Thí dụ: Năm 2003 các tổ chức tài trợ gồm nhiều tổ chức quốc tế (Ngân hàng phát triển Châu Á-ADB; Cơ quan phát triển Australia – AusAID; Bộ Phát triển Anh – DFID; Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Đức – GTZ; Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản – JICA; Quỹ Cứu trợ Nhi đồng Anh- SCF/UK; Chương trình Phát triển Liên Hiệp quốc-UNDP; và Ngân hàng Thế giới – WB) đã cùng phối hợp để nghiên cứu tình trạng nghèo tại Việt Nam bằng phương pháp Đánh giá Nghèo có sự tham gia (Participatory Poverty Assessment-PPA)

Lúc nào thực hiện PRA?

Vì là một quá trình liên tục cho nên PRA được sử dụng ở mọi giai đoạn, trước, trong và sau khi một hoạt động được tiến hành. Khi chúng ta mong muốn học tập, khi chúng ta nghĩ rằng một vài hoạt động nào đó cần phải làm, khi có một nhu cầu nào đó cần phải tiến hành phân tích.

6. ĐIỀU CĂN BẢN CỦA PRA: THAY ĐỔI THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI

6.1. PRA không phải là một tập hợp những công cụ

Nhiều người lầm tưởng rằng PRA chỉ là một bộ những công cụ. Thật ra, PRA là một tập hợp những phương pháp, lối tiếp cận, niềm tin và thái độ. Vì vậy, chỉ sử dụng những phương pháp của PRA thì chưa đủ, mà phải kết hợp chặt chẽ những nguyên tắc căn bản của PRA.

6.2. Con người là hàng đầu

Có nhiều tranh cãi giữa sự quan trọng của những phương pháp so với những thái độ trong PRA. Trong thời kỳ đầu, phương pháp được xem là quan trọng hơn, trong khi ngày nay, yếu tố con người ngày càng được xem là chính yếu. Điều này có nghĩa là những công cụ không quan trọng hơn con người sử dụng chúng.

6.3. Thái độ đúng trong PRA

Những người thực hành PRA đã xác định những thái độ và hành vi cần thiết trong PRA:

- Có ý thức tự vấn mình về thái độ, thành kiến và những điều thiếu sót của bản thân
- Cam kết với người nghèo, người yếu kém và người dễ bị tổn thương
- Tôn trọng người khác
- Không ngắt lời, không giảng giải mà phải là người lắng nghe tích cực
- Không giấu giếm mà dám nhận những lỗi mắc phải
- “Trao gậy”, hay trao quyền, nghĩa là tăng năng lực cho người khác bằng cách tin vào khả năng của họ
- Linh hoạt gợi mở, dành chỗ cho những ưu tiên của người nghèo

6.4. Huấn luyện thái độ và hành vi

Thông thường trong tập huấn thì phương pháp được chú trọng hơn là hành vi, vì việc chuyển giao kỹ năng về phương pháp thì dễ dàng hơn là mang lại sự thay đổi thái độ.

Khi sử dụng những phương pháp PRA, tác viên hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sau đây gọi là tác viên hướng dẫn, sẽ “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” tại địa bàn và chứng kiến người dân địa phương sử dụng những phương pháp, kỹ thuật của PRA. Điều này sẽ giúp tác viên hướng dẫn nhận ra khả năng của người dân trong việc tự phát hiện và phân tích thực tế phức tạp của họ. Sau đó, tác viên hướng dẫn sẽ phản hồi lại và tạo

điều kiện cho cộng đồng tiếp tục tham gia phát hiện ra nhiều điều trong cộng đồng mình. Thái độ phản hồi của tác viên hướng dẫn rất quan trọng, qua đó cộng đồng sẽ học hỏi và thay đổi thái độ hành vi của mình trong sự tham gia.

Sự thay đổi thái độ và hành vi chiếm nhiều thời gian, và thực tế thì học phương pháp dễ dàng hơn việc tiếp thu những thái độ theo yêu cầu, mà những *thái độ này lại là điều kiện tiên quyết tối cần của bất kỳ tiến trình tham gia* nào. Vì vậy, cần nhiều nỗ lực từ bản thân tác viên hướng dẫn cũng như sự hỗ trợ từ đồng nghiệp và tổ chức.

7. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP PRA

Những phương pháp PRA được phát triển và ứng biến do tác viên hướng dẫn tại địa bàn. Những phương pháp này được phân loại theo không gian, thời gian, và mối liên hệ.

7.1. Phương pháp theo không gian: bao gồm vẽ bản đồ, xây dựng sa bàn, vẽ sơ đồ CD, bản đồ xã hội, bản đồ nguồn lực, bản đồ đi lại, bản đồ dịch vụ và cơ hội, và sơ đồ mặt cắt hay khảo sát tuyến (đi xuyên ngang cộng đồng). Điều quan trọng là cần tập trung vào việc *con người nhận thức và liên quan* như thế nào tới không gian hơn là không gian đơn thuần.

7.2. Phương pháp theo thời gian: được sử dụng phổ biến để mô tả sự tập hợp những sự kiện do người dân tại cộng đồng nhận thức được. Những phương pháp phổ biến là: dòng thời gian; sơ đồ mặt cắt lịch sử cộng đồng; biểu đồ mùa vụ; lịch thời gian hàng ngày, bảng phả hệ..

7.3. Phương pháp theo mối liên hệ: Những phương pháp phổ biến bao gồm biểu đồ nhân-quả hay biểu đồ hình cây; biểu đồ tác động; mạng lưới; bản đồ tiến độ; phương pháp phân hạng hệ; biểu đồ Venn; phương pháp xếp hạng cặp đồng đẳng; xếp hạng/cho điểm ma trận; phân tích lực lượng của địa bàn; biểu đồ hình bánh;..v..Những phương pháp này được sử dụng rộng rãi để nghiên cứu mối quan hệ giữa các sự việc khác nhau hoặc khía cạnh khác nhau của cùng sự việc.

8. CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PRA

8.1. Yêu cầu khi thực hiện PRA

☐ PRA phải được xem như một quá trình học hỏi được xây dựng dựa trên kiến thức và năng lực vốn có của người dân về xác định vấn đề, ra quyết định, huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện... để cùng phát triển cộng đồng của chính họ.

☐ PRA phải được xem như một quá trình thu hút sự tham gia của người dân và kỹ năng thúc thúc đẩy và tạo điều kiện của tác viên cộng đồng.

□ PRA phải được xem như một quá trình tạo điều kiện cho người dân tham gia tự nguyện, sáng tạo vào mọi quá trình xác định vấn đề, xác định mục tiêu, ra quyết định, thực hiện, giám sát và đánh giá, tập trung vào phát triển cộng đồng một cách bền vững thông qua sự nỗ lực của chính cộng đồng.

□ PRA phải được xem như một quá trình luôn đề cao thái độ học hỏi, chia sẻ, trao đổi và thúc đẩy của tác viên cộng đồng.

8.2. Những ưu điểm của PRA

- Các kỹ thuật ứng dụng có thể thích ứng cho nhiều tình huống khác nhau. Chính đối tượng thụ hưởng dự án quyết định cách thức lượng giá các hoạt động, điều này sẽ tạo cho họ ý thức về quyền sở hữu dự án cũng như gia tăng khả năng ứng phó khó khăn.
- Nhà nghiên cứu chuyên môn không áp đặt lên việc trả lời của các hộ dân. Người dân cảm thấy thoải mái nói chuyện tự nhiên với tác viên hướng dẫn lượng giá, và chính người dân là chuyên gia lượng giá, còn tác viên hướng dẫn chỉ đóng vai trò xúc tác và tạo thuận lợi cho sự tham gia tích cực.
- PRA làm nổi bật những dữ kiện về chất cũng như về lượng.
- PRA làm thay đổi thái độ và phương pháp luận về đánh giá và phát triển cộng đồng trước đây. PRA tạo một quá trình cùng nhau học hỏi của cả hai phía: người dân và tác viên cộng đồng. Thông qua PRA, mỗi thành viên trong cộng đồng và tác viên cộng đồng đều được thử thách để cùng phát triển.

- PRA giúp mỗi nhóm trong cộng đồng đề ra các giải pháp phù hợp với chính khả năng và tài nguyên của họ để họ có thể thực hiện và đạt được lợi ích.
- Thông qua PRA, mỗi thành viên trong cộng đồng nhận thấy tiếng nói của mình được lắng nghe, được ghi nhận để cùng thúc đẩy sự đóng góp chung.
- Những người nghèo, người bị thiệt thòi ít được học hành trong cộng đồng cũng tích cực tham gia vào việc lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá – tạo ra sự công bằng, dân chủ trong việc tham gia lấy quyết định và phát triển cộng đồng.

9. MỘT SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN TRƯỚC KHI SỬ DỤNG CÔNG CỤ PRA

9.1. Thu thập tài liệu có sẵn:

- Nguồn cung cấp: Cơ quan chính quyền, các tổ chức, đoàn thể, cơ quan liên quan.
- Cách thu thập: Liệt kê các thông tin cần thu thập, hệ thống hóa nội dung, địa điểm thu thập, các cơ quan cung cấp thông tin, tiến hành thu thập bằng ghi chép, sao chụp, kiểm tra tính thực tiễn của thông tin thông qua kiểm tra chéo và quan sát trực tiếp.

9.2. Tạo lập mối quan hệ:

- Gặp lãnh đạo địa phương để trình bày và hợp tác trong công việc.
- Gặp gỡ và làm việc với những người dân cởi mở và không e dè với người ngoài cộng đồng.
- Giải thích rõ cho người dân biết lý do và công việc mà nhóm thực hiện PRA sẽ cùng làm việc với họ.
- Hãy chứng tỏ sự chân thành của mình.
- Thống nhất chương trình hành động, chọn địa điểm và thời gian thích hợp và thuận tiện để người dân có thể cùng làm việc với đoàn nghiên cứu.

10. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN MỘT SỐ KỸ THUẬT

Kỹ thuật 1: Vẽ hình, biểu tượng về cộng đồng (nếu là khảo sát nhu cầu) hoặc biểu tượng của dự án mà người dân đã tham gia (nếu lượng giá dự án)

Mục tiêu

Kỹ thuật này thường được gọi là kỹ thuật làm quen

- Giúp cho chúng ta hình dung được cảm nghĩ ban đầu, cách nhìn tổng quát của người dân về cộng đồng hoặc về dự án mà họ đã gắn bó.
- Tạo bầu không khí thân thiện giữa tác viên và người dân, giữa người dân với nhau.

Thực hiện

Kỹ thuật này dựa trên hình vẽ: ai cũng có thể vẽ dù là người bần cùng nhất hoặc thất học. Hình vẽ đóng vai trò điểm tựa để giúp con người bộc lộ được những điều mình muốn nói.

Các bước thực hiện:

- Thành lập nhóm người dân từ 5 -7 người (cùng giới tính thì tốt hơn vì nếu có nam lẫn nữ thì nữ thường lệ thuộc vào ý kiến của nam)
- Phát cho mỗi người một tờ giấy trắng A4, một cây bút mực.
- Giải thích thật rõ mục đích, ý nghĩa của công việc.
- Khuyến khích người dân vẽ theo suy nghĩ của họ về cộng đồng mà họ đang sống, hoặc dự án họ đã tham gia. Có thể ban đầu họ nói không biết vẽ, nhưng nếu chúng ta biết kiên nhẫn khích lệ họ thì sẽ có những bức hình rất thực, sinh động và đẹp.
- Những bức hình sẽ được dán lên vách trong phòng họp và lần lượt mỗi tác giả bức hình sẽ giải thích ý nghĩa của biểu tượng và những chi tiết liên quan đến cuộc sống cộng đồng của họ hoặc liên quan đến dự án trong thời gian qua.

Kỹ thuật 2: Vẽ sơ đồ cộng đồng

Mục tiêu

- Là một kỹ thuật quan trọng, nếu là khảo sát cộng đồng thì nhằm đánh giá, phân tích tình hình chung của cộng đồng (những vấn đề khó khăn, nhu cầu của người dân, tài nguyên, hạ tầng cơ sở..), nếu

là lượng giá thì nhằm phân tích các hoạt động của dự án trên địa bàn, nơi phát triển tốt hoạt động, nơi làm chưa tốt, lý do, tìm yếu tố tác động.

- Người dân được hướng dẫn để họ thảo luận, phân tích trên cơ sở đó đề ra các giải pháp trong tương lai hay những chấn chỉnh cần thiết cho các hoạt động của dự án trong giai đoạn sau hoặc cho dự án tương tự.

Thực hiện:

- Thành lập nhóm người dân cả nam và nữ từ 5 đến 7 người, là những người am hiểu về địa bàn, sẵn sàng chia sẻ hiểu biết của họ
- Chọn địa điểm thích hợp
- Chuẩn bị vật liệu để vẽ (giấy khổ lớn, bút lông màu, băng keo dán)
- Thống nhất các ký hiệu, chú ý tìm ký hiệu đơn giản, dễ hiểu
- Tác viên giải thích rõ mục đích ý nghĩa và tiến hành theo các bước như sau
 - Đề nghị nhóm phác họa sơ đồ lên mặt đất (nếu không có giấy khổ lớn). Trước tiên phác họa các nét chính thí dụ con đường, hẻm, sông, núi, ruộng, cầu...
 - Hỏi người dân giải thích ý nghĩa của những gì họ vẽ và tạo điều kiện để thúc đẩy họ tham gia trao đổi, tranh luận trong quá trình vẽ sơ đồ.
 - Thảo luận: khó khăn, cơ hội, thuận lợi, giải pháp.
 - Thời gian cần thiết: 60 phút.
 - Vai trò của tác viên: hỏi, khuyến khích, tạo thuận lợi để nhóm tự trao đổi. Tác viên ghi chép lại những điều người dân trao đổi

Kỹ thuật 3: Phân loại, cho điểm, xếp hạng.

Mục tiêu

- Phân loại, cho điểm xếp hạng là một kỹ thuật trong PRA để người dân đánh giá, xác định mức độ cần thiết, sự ưa thích và ưu tiên của chính họ trong hoạt động phát triển cộng đồng hoặc mức độ hiệu quả của từng hoạt động của dự án trong thời gian qua mà họ đã tham gia hay biết đến.
- Bảng kết quả phân loại, xếp hạng và cho điểm, người dân có thể làm căn cứ để xây dựng các hoạt động phù hợp với điều kiện và mong muốn của chính họ hoặc để rút ra những khía cạnh thành công, thất bại, những bài học kinh nghiệm cho dự án.

Thực hiện

- Liệt kê các vấn đề cần xếp hạng, cho điểm.
- Người dân bàn bạc và đưa ra các đơn vị đo lường. Thí dụ cho điểm từ thấp đến cao nhất, từ 1 đến 5 hoặc ngược lại.

Bảng mẫu: cho điểm, xếp hạng các hoạt động như sửa chữa đường sá, trường học,...

Có 7 thành viên tham gia cho điểm: Họ có tên là A, B, ...G.

Tên thành viên tham gia	A	B	C	D	Đ	E	G	Tổng điểm	Xếp hạng
Các hoạt động cần cải thiện									
Sửa chữa đường sá	4	5	5	3	4	2	4	27	I
Sửa chữa trường học	4	3	4	2	3	3	4	23	IV
Giáo dục ý thức môi trường	1	1	1	2	1	2	2	10	VI
Tín dụng	1	2	1	3	2	1	1	11	V
Đào tạo nghề	2	4	4	3	5	4	4	26	II
Dinh dưỡng cho trẻ	3	3	4	3	3	4	5	25	III

Qua bảng trên cho thấy cộng đồng mong muốn trước nhất là cải thiện đường sá đi lại cũng như đào tạo nghề, tiếp đến là sửa chữa trường học,...

Một số nguyên tắc trong việc thực thi kỹ thuật này:

- Đảm bảo tính thực tế của cộng đồng và sự hiểu biết của chính cộng đồng
- Nhiều đối tượng tham gia: cá nhân – nhóm sở thích – nhóm nam – nhóm nữ.
- Tìm hiểu lý do về thứ tự xếp hạng (ý kiến của các cá nhân và các nhóm khác nhau)

- Kiên nhẫn, lắng nghe ý kiến của cộng đồng

Cách làm này giúp cho người dân cùng bàn bạc, trao đổi, tranh luận về những lý do vì sao mà họ lại quyết định phân loại, cho điểm từng vấn đề

Kỹ thuật 4. Thảo luận nhóm

Mục tiêu

- Các nhóm nhỏ đồng nhất dễ tin cậy, quan tâm lẫn nhau để hỗ trợ và hợp tác tốt
- Cho phép thu thập những thông tin về những vấn đề khó đưa vào bản hỏi chính

Thực hiện

Tiến hành trên nhiều nhóm khác nhau về thành phần. TD: Trong khảo sát nghèo ở Việt Nam năm 2003, việc thảo luận nhóm để đưa ra quan niệm nghèo được tiến hành như sau:

- Thành phần
 - a. Nhóm đại diện chính quyền địa phương
 - b. Nhóm đại diện người dân tại cộng đồng (đô thị hoặc nông thôn), bao gồm:

b.1. Nhóm nghèo là dân địa phương gồm 4 nhóm khác nhau:

i/ nhóm nam riêng, ii/ nhóm nữ riêng; iii/ nhóm gồm cả nam và nữ; iv/ nhóm trẻ em

b.2. Nhóm nghèo nhập cư gồm: i/ nhóm nam riêng, ii/

nhóm nữ riêng; iii/ nhóm gồm cả nam và nữ; iv/ nhóm trẻ em

- Số lượng: Mỗi nhóm khoảng 7-10 người
- Công cụ: Bản gợi ý các chủ đề chính cần thảo luận
- Thời gian: khoảng 120'
- Địa điểm: Nhóm chính quyền địa phương họp tại văn phòng ủy ban
- Các nhóm dân cộng đồng họp tại trụ sở dân phòng, khu phố, hoặc nhà dân

Kết quả thảo luận nhóm của một cộng đồng ở tỉnh Đắk Lắk quan niệm về nguyên nhân nghèo như sau:

Nhận thức của người nghèo	Nhận thức của chính quyền địa phương
<ul style="list-style-type: none">- Thị trường yếu tố và sản phẩm kém phát triển- Điều kiện khí hậu khắc nghiệt:hạn hán- Dân làng không có khả năng áp dụng các kỹ thuật công nghệ canh tác, trình độ học vấn thấp	<ul style="list-style-type: none">- Thất bại trong đầu tư, các rủi ro trong nông nghiệp- Điều kiện địa lý khắc nghiệt:hạn hán, lũ lụt- Thiếu kinh nghiệm và không có khả năng và năng lực để áp dụng kỹ thuật canh tác mới

- Thiếu đất, thiếu vốn - Sức khỏe kém, thiếu sức lao động	- Thiếu đất, thiếu vốn - Sức khỏe kém, tàn tật, trở nên già yếu - Thiếu lao động
--	--

Ngoài những ý kiến nhận định gần giống nhau như trên, người dân còn có những ý kiến:

- Cơ sở hạ tầng yếu kém (hệ thống thủy lợi và đường sá)
- Các chương trình và chính sách của địa phương kém hiệu quả
- Thiếu tính minh bạch, trách nhiệm, dẫn đến kết quả tham nhũng, thiếu sự tham gia của người dân trong quá trình ra quyết định
- Sự yếu kém và không có khả năng của chính quyền và cán bộ cơ sở
- Di cư tự do

Và chính quyền địa phương còn nhận định:

- Thất bại trong đầu tư, các rủi ro trong nông nghiệp

(Nguồn: Nghèo, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2004, Báo cáo chung của các nhà tài trợ tại Hội nghị Tư vấn các nhà tài trợ tại Việt Nam, Hà Nội Tháng 12 năm 2003)

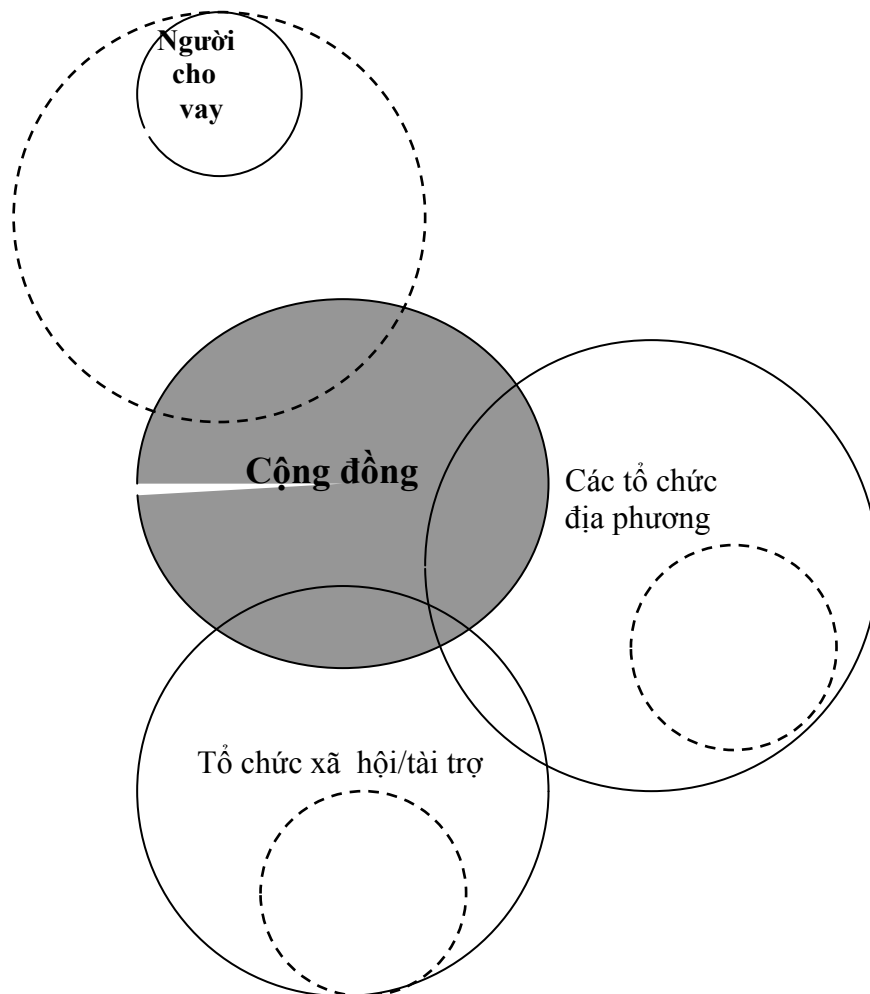
Kỹ thuật 5. Sơ đồ Venn

Mục tiêu

- Mô tả việc phân tích và mối quan hệ với các thể chế hiện tại
- Sử dụng như là một công cụ giám sát.

Thực hiện

- Yêu cầu tham dự viên liệt kê những cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân v.v..
- Viết hoặc mô tả những chủ thể vừa liệt kê lên những bìa giấy nhỏ
- Sắp xếp những bìa giấy vừa viết theo mức độ quan trọng, thứ tự từ trên xuống.
- Sau khi tất cả các bìa giấy đã được sắp xếp, hỏi tham dự viên xem họ có hoàn toàn đồng ý với cách đã sắp xếp. Họ có quyền trao đổi, bàn bạc và điều chỉnh lại việc sắp xếp
- Yêu cầu tham dự viên chọn những giấy hình tròn lớn nhỏ khác nhau (đã được cắt sẵn) để viết những chủ thể đã chọn. Hình tròn càng lớn thể hiện sự càng quan trọng của chủ thể.
- Vẽ một vòng tròn trên đất hoặc trên giấy lớn để thể hiện cộng đồng
- Yêu cầu tham dự viên sắp xếp các bìa tròn to/nhỏ (đã viết các chủ thể) xung quanh vòng tròn cộng đồng. Khoảng cách càng gần, thì càng dễ tiếp cận, hoặc mối quan hệ càng chặt. Đôi khi có những tổ chức hoặc cá nhân tương tác hoặc làm việc chặt chẽ thì những vòng tròn có thể chồng lên nhau
- Hỏi tham dự viên vì sao họ lại có cách sắp xếp như trên
- Chép lại tất cả những gì đã thể hiện lên một tờ giấy, ghi lại địa điểm, tên tham dự viên: ngày, những chú thích, độ lớn nhỏ của các vòng tròn và các khoảng cách đã thể hiện điều gì
- Cảm ơn tham dự viên về sự tham dự và thời gian của họ
- Kiểm tra chéo kết quả của hoạt động này với những người hiểu biết về tình trạng cộng đồng để đảm bảo thông tin đúng.



Hình 3: Sơ đồ Venn của một cộng đồng trước và sau khi có dự án PTCD

Ghi chú:

-----: mối quan hệ trước kia

_____ : mối quan hệ hiện tại

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 2000
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Phương pháp khảo sát nhanh-lượng giá có sự tham gia*, Tập san Khoa học số 1(2)-2005, ĐH Mở Bán công TP. HCM
- Somesh Kumar, *Methods for Community Participation-A complete guide for practitioners*, NXB Vistaar , New Delhi, 2002
- Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang, *Phát triển cộng đồng, lý thuyết và vận dụng*, NXB Văn Hoá Thông Tin, Hà Nội, 2000
- Các nhà tài trợ Việt Nam, *Nghèo-Báo cáo phát triển Việt Nam, 2004*, Báo cáo chung của các nhà tài trợ tại Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam, Hà Nội, tháng 12, 2003

4. Những khái niệm cơ bản trong bài và cách học từng phần của bài

Khái niệm cơ bản trong bài

- Phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia là một phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong đó sự tham gia của người dân cộng đồng là then chốt
- Các nguyên tắc của PRA là những yêu cầu mà người nghiên cứu phải tuân thủ để tạo sự tham gia tối đa của cộng đồng, những nguyên tắc

này cũng thể hiện sự khác biệt với nghiên cứu truyền thống theo bản hỏi

- Thái độ và hành vi: trong thực hiện PRA có 4 yếu tố là i/ phương pháp và công cụ, ii/ tiến trình, iii/ chia sẻ, và iv/ thái độ và hành vi. Thái độ và hành vi được xem là yếu tố quan trọng nhất phải thể hiện bởi người nghiên cứu và cả người dân
- Những phương pháp PRA được phân loại thành phương pháp theo không gian, theo thời gian và theo mối quan hệ. Mỗi phương pháp được sử dụng nhiều kỹ thuật khác nhau.

Cách học từng phần trong bài

- Đọc giáo trình và tham khảo tài liệu, thảo luận theo nhóm những câu hỏi gợi ý và thực hành một số bài tập tại nhà
- Phần các nguyên tắc, thái độ và hành vi: Sinh viên liên hệ bản thân xem trong thời gian qua đã thực hiện những nghiên cứu gì, theo phương pháp nào, để ứng dụng PRA thì bản thân phải rèn luyện gì
- Tự suy nghĩ và thực hành một vài kỹ thuật đơn giản như: Lược sử cộng đồng; cho điểm một vài hoạt động của một dự án
- Tại lớp sẽ trao đổi những thắc mắc và giải thích lý thuyết, sửa bài tập

5. Một số điểm cần lưu ý khi học

- Cần hiểu rõ phương pháp nghiên cứu nhanh có sự tham gia có những điểm khác rất cơ bản với phương pháp nghiên cứu truyền thống theo bản hỏi
- Như những phương pháp khác, PRA có những ưu và nhược điểm. Do vậy, cần nắm vững những điểm này để có thể ứng dụng tốt nhất.
- Việc trao đổi, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau là rất cần thiết trong lúc tự học cũng như trên lớp

6. Tóm lược những vấn đề cần ghi nhớ

- PRA là một phương pháp nghiên cứu có sự tham gia của người dân cộng đồng, điều chính yếu là thay đổi thái độ và hành vi của người dân qua sự tham gia
- Trong PRA, có những đối tượng được quan tâm như người thiệt thòi, phụ nữ,..
- Người nghiên cứu cần tuân thủ những nguyên tắc của PRA để tạo sự tham gia tối đa của cộng đồng.
- Một số đặc điểm của PRA đề cập đến: khả năng của người dân; mối quan hệ quyền lực; kỹ thuật và công cụ; các phương pháp và kỹ thuật của PRA ứng dụng linh hoạt tùy vào từng đối tượng và bối cảnh.

7. Câu hỏi và bài tập

Câu 1. Tại sao gọi là phương pháp có sự tham gia?

Câu 2. Nêu những nguyên tắc PRA, nguyên tắc căn bản nhất là gì?

Bài đọc yêu cầu: Đọc phụ lục “Lượng giá Dự án Xóa mù chữ và Bảo vệ môi trường tại Ấp 5, Xã Thanh Sơn, Huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai”, trang 231, sách Phát triển cộng đồng của Nguyễn Thị Oanh, 2000. Sau khi đọc, anh/chị hãy rút ra nhận xét về việc sử dụng phương pháp lượng giá.

Bài tập: Vẽ sơ đồ cộng đồng/khu phố/tổ dân phố nơi anh/chị ở.

8. Hướng dẫn trả lời câu hỏi và giải quyết bài tập

Câu 1. Trong phương pháp này người nghiên cứu chính là người dân, việc thực hiện PRA cũng giúp người dân thay đổi thái độ, hành vi, tăng năng lực trong tham gia giải quyết vấn đề của cộng đồng.

Câu 2. Những nguyên tắc PRA bao gồm thái độ của tác viên khi làm việc với người dân. Việc sử dụng các kỹ thuật PRA có chú ý đến yếu tố con người

Bài đọc yêu cầu: Nhận xét về những kỹ thuật áp dụng, sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện lượng giá và nhận định về tính khách quan, chính xác của lượng giá.

Bài tập: Vẽ sơ đồ cộng đồng (một tổ dân phố), trên đó có những mốc chính chỉ rõ những tiềm năng, tài nguyên cộng đồng. Thí dụ: nhà thờ/chùa, trạm y tế, trường, lớp tình thương, cơ sở khám bệnh công cộng, hoặc tư nhân, nhà dân có sân rộng....

Việc này được thực hiện cùng với một số người dân tại cộng đồng nơi anh/chị ở

BÀI 6

GIỚI THIỆU DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1. Giới thiệu khái quát bài 6

Bài 6 giới thiệu cho sinh viên về dự án phát triển cộng đồng, qua đó sinh viên sẽ làm quen với một số khái niệm như “nguồn lực dự án”, “các bên liên quan”, “dự án nhánh” và “chương trình”. Trong phần nội dung của bài, sinh viên sẽ được biết về: Các yếu tố cấu thành dự án; Chu trình dự án hay là Tiến trình quản lý dự án, là một tiến trình liên tục và tiếp diễn gồm 5 giai đoạn; và Quản lý vấn đề liên quan đến giới vì bất kỳ dự án PTCĐ nào cũng liên quan và ảnh hưởng đến phụ nữ và nam giới trong cộng đồng.

2. Mục tiêu cần đạt được sau khi học xong bài 6

Sinh viên nắm được một số đặc tính, các điều kiện cần thiết để hình thành dự án và nội dung các bước xây dựng và quản lý một dự án phát triển cộng đồng.

3. Nội dung cơ bản và các tài liệu tham khảo cho bài 6

Nội dung cơ bản

Đề cập tới khái niệm chung về dự án, đó là một tập hợp những kế hoạch đề xuất nhằm đạt mục tiêu cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định, trong một địa bàn cụ thể, có sự tham gia của các thành phần liên quan.

Phần nội dung chính là Chu trình dự án hay Tiến trình quản lý dự án: Nhiều tài liệu khác nhau đã phân chia dự án thành nhiều bước hoặc giai đoạn trong chu trình dự án. Có thể 3, 4 hoặc 5 bước/giai đoạn trong một chu trình dự án. Tựu trung lại có những điểm chung về chu trình dự án: i/ Khảo sát tình hình; ii/ Lập kế hoạch; iii/ Viết đề xuất dự án; iv/Thực hiện; v/Lượng giá . Một nội dung khá quan trọng trong bài là Quản lý các vấn đề về giới.

NỘI DUNG BÀI 6

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1.1. Dự án

Có nhiều định nghĩa về dự án:

- Dự án phát triển là một tập hợp những đề xuất về việc triển khai các hoạt động phát triển đối với các đối tượng cụ thể, bằng việc cung cấp các nguồn lực nhất định, dự án sẽ được tạo ra trong một thời gian và không gian nhất định
- Dự án là sự can thiệp một cách có kế hoạch nhằm đạt một hay một số mục tiêu qua việc hoàn thành những chỉ báo thực hiện đã định trước tại một địa bàn, trong khoảng thời gian nhất định, có huy động sự tham gia thực sự của những tác nhân và tổ chức cụ thể

1.2. Các bên liên quan (Stakeholders)

Các bên liên quan hay các thành phần liên quan là tất cả những người, tổ chức có lợi ích liên quan đến một dự án, một hoạt động cụ thể. Các bên liên quan còn bao gồm những nhà ra quyết định, cũng như những người bị ảnh hưởng bởi một quyết định. Như vậy, cộng đồng là một trong số các bên liên quan. Các bên liên quan sẽ khác nhau tùy vào từng vấn đề cụ thể. Ví dụ: các bên liên quan đến vấn đề vệ sinh thì ngoài

cộng đồng dân cư, còn có các Công ty vệ sinh, Sở Y tế, Ủy ban Nhân dân, Sở Xây dựng, v.v..

1.3. Nguồn lực của dự án

Là các yếu tố mà dự án mang lại hoặc tác động đến các nhóm đối tượng. Các nguồn lực dự án có thể là vật thể hoặc phi vật thể như thông tin; giáo dục/tập huấn; kế hoạch hoá gia đình; luật pháp, chính sách; thị trường; việc làm; ruộng đất; tín dụng; công nghệ; máy móc, thiết bị; đường sá, phương tiện đi lại; nhà trẻ, mẫu giáo, trường /lớp học tình thương; nước sạch; dịch vụ y tế, v.v..

1.4. Dự án nhánh hay Tiểu dự án (Sub-Project)

Là những dự án nhỏ nằm trong một dự án, và thường được thực hiện trên một địa bàn hay với một cộng đồng. Ví dụ:

- Dự án Nâng cấp Đô thị Việt Nam, thực hiện từ năm 2001, trong đó bao gồm 4 tiểu dự án: Tiểu dự án TP. Nam Định, TP. Hải Phòng, TP. HCM, và TP. Cần Thơ.
- Một dự án trẻ đường phố tại TP HCM bao gồm 3 dự án nhỏ như dự án Câu lạc bộ Giáo dục viên đường phố; dự án tủ phim cho trẻ; dự án nhà mở chăm sóc và hồi gia cho trẻ.

1.5. Chương trình (Program)

Là tổ hợp các dự án có cùng mục đích hay chủ đề, hay là một loạt những dự án làm cùng một việc tại một nơi, hoặc nhiều nơi khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định. Chương trình có thể chỉ đề ra một số mục tiêu và tiêu chuẩn chung. Thí dụ: Chương trình chăm sóc trẻ có hoàn cảnh đặc biệt với “dự án chăm sóc trẻ đường phố” tại các cơ sở xã hội; “Dự án hồi gia, hội nhập trẻ đường phố”, “Dự án phòng chống xâm hại tình dục trẻ em”, “Dự án phòng chống ngược đãi trẻ em”, “Dự án quân thân thiện”, “Dự án dạy nghề cho trẻ” v.v..

Sự khác biệt giữa quản lý chương trình và quản lý dự án

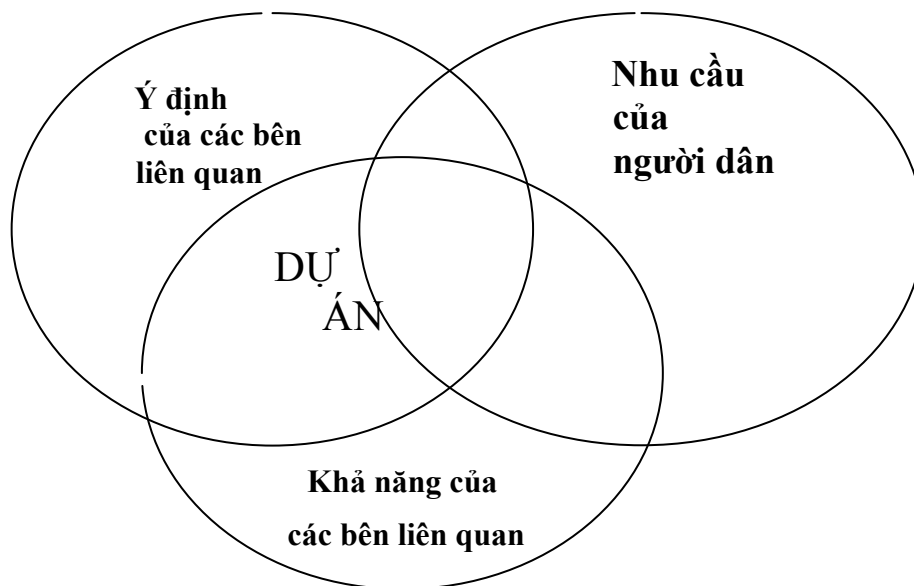
Quản lý chương trình	Quản lý dự án
Các hoạt động được duy trì liên tục	Các hoạt động chỉ được duy trì trong một thời hạn nhất định
Nguồn lực được sử dụng với tốc độ bình thường	Nguồn lực được sử dụng với tốc độ nhanh hơn bình thường
Thường khi mắc sai lầm thì không phải trả giá đắt khi điều chỉnh	Phải trả giá cao khi làm sai
Nhóm làm việc thường được thành lập ổn định	Phải tuyển và tổ chức nhân viên mới
Cam kết dài hạn	Cam kết ngắn hạn
Tiến trình và các vấn đề trở nên quen thuộc sau một thời gian	Mỗi dự án có những tiến trình và vấn đề khác nhau
Những khó khăn thử thách nhiều nhất là ở giai đoạn đầu	Những thử thách hiện diện suốt trong cả vòng đời dự án

Những chương trình có thể tiếp tục vô thời hạn	Dự án có thể kết thúc trước thời hạn
--	--------------------------------------

Do vậy, hai khác biệt cơ bản là tốc độ và sự tập trung/cường độ. Những khác biệt này được đưa ra để trong việc quản lý dự án cần chú ý đặc biệt và cần hiểu thấu suốt một vài chức năng quản lý.

2. CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH DỰ ÁN

Một dự án phải hội đủ 3 yếu tố cần thiết: i/ nhu cầu của người dân, ii/ ý định của các bên liên quan, và iii/ khả năng (chuyên môn, tài chánh ,..) của các bên liên quan.



Hình 4 Ba yếu tố cấu thành dự án

Xét theo quan điểm PTCD, thực hiện một dự án là nhằm tạo ra những điều kiện cải thiện tình trạng kinh tế, xã hội của một cộng đồng (nông thôn hoặc đô thị) mà chúng ta muốn giúp đỡ.

Thực hiện dự án PTCD không phải là mang tiền bạc, vật chất đến mà nhằm phát huy sự tham gia của người dân trong cộng đồng. Do vậy, trước tiên là giúp người dân tại cộng đồng xác định nhu cầu thực mà họ muốn giải quyết, bằng việc gây ý thức, tạo và trao quyền cho họ để họ tự lực giải quyết vấn đề. Sự can thiệp của tác viên cộng đồng chỉ mang tính xúc tác

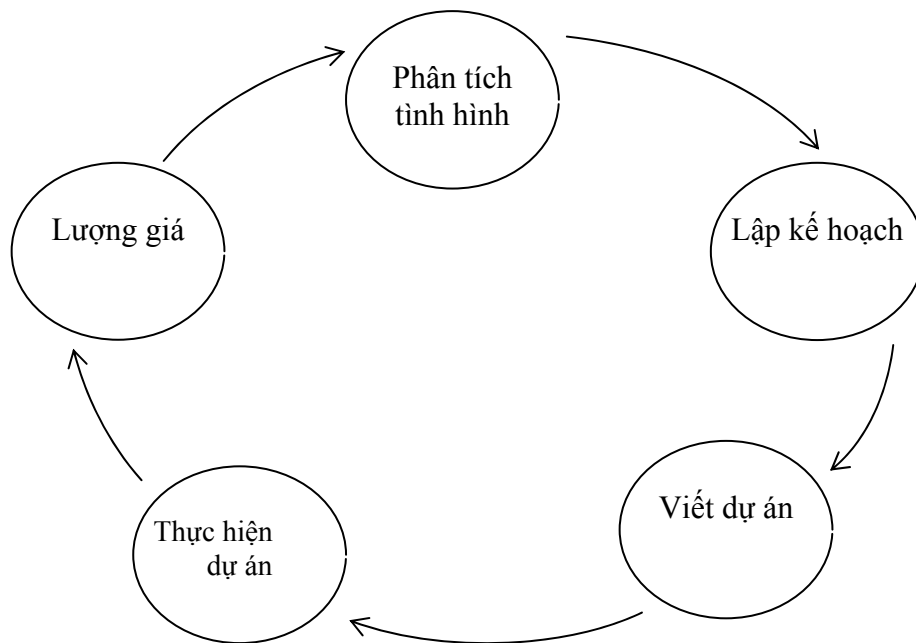
Một dự án bền vững là cộng đồng “sở hữu” dự án ngay từ đầu cho đến cuối, để khi dự án kết thúc, tổ chức thực hiện dự án và tác viên đi rồi thì chính cộng đồng sẽ duy trì hoặc phát huy hơn nữa những thành quả của dự án, tránh tình trạng đầu lại hoàn đầu.

3. QUẢN LÝ DỰ ÁN

Để hành động bắt đầu thì cần thiết có một hệ thống để có thể đạt mục tiêu dự án với nguồn lực (nhân lực và vật lực) và thời gian sẵn có. Hệ thống này gọi là quản lý.

Quản lý dự án là tiến trình tổ chức và sử dụng những nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu tổng quát và những mục tiêu cụ thể đã đề ra cho một dự án.

Chu trình dự án gồm 5 giai đoạn, trong đó việc quản lý dự án thật sự ở giai đoạn 4 và 5, khi dự án được thực hiện.



Hình 5 Chu trình dự án

3.1. Giai đoạn 1: Phân tích tình hình

Phân tích tình hình bao gồm:

- Đánh giá nhu cầu: là dựa trên khảo sát cơ bản, nghiên cứu về tình hình hiện tại thông qua dữ liệu thứ cấp, thăm viếng và họp mặt v.v..
- Đánh giá lợi ích: là dựa trên triết lý và những mục tiêu của tổ chức tài trợ, cộng đồng, và nhà nước, tính cam kết với công việc trong

một khu vực dân cư, và khả năng giải quyết những nhu cầu đã được đánh giá

- Chọn vấn đề dựa vào sự tương xứng giữa nhu cầu với lợi ích
- Đánh giá tài nguyên
- Những giải pháp đề nghị

Dự án nhằm giúp một cộng đồng thay đổi tình trạng yếu kém hiện tại trở nên được cải thiện. Do vậy, phân tích tình hình hay tìm hiểu cộng đồng và nhu cầu cộng đồng là khâu trọng yếu của tiến trình dự án. Nhu cầu của người dân là điều mà người dân mong muốn có được, là lợi ích hay nguyện vọng của họ. Trong ngôn ngữ phát triển, nhu cầu là sự “bất cập” giữa “tình trạng hiện nay” và “tình trạng người dân trông chờ”. Do đó tìm hiểu nhu cầu là tiến trình xác định và đo lường hố ngăn cách giữa tình trạng hiện nay và tình trạng cải thiện để tìm ra phương cách lấp hố ngăn cách đó.

Để viết một dự án phát triển thì phải có những thông tin chính xác, đáng tin cậy và có ích thật sự, phản ánh nhu cầu thật của một cộng đồng cụ thể. Khi lên kế hoạch cho một dự án, không thể đoán mò, ước chừng nhu cầu của người dân, cũng không thể trông cậy vào những chuyên gia hay người lãnh đạo. Nhu cầu phải do chính người dân hoặc những người đại diện cho họ xác định. Nội dung và mục tiêu dự án phải căn cứ vào những nhu cầu thật sự.

3.2. Giai đoạn 2: Lập kế hoạch

Lập kế hoạch bao gồm:

3.2.1. Đặt mục tiêu: Mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể

- + Mục tiêu tổng quát hay mục đích cuối cùng của dự án, là chỉ ra phương hướng đi tới cho tất cả những người tham gia thực hiện dự án
- + Mục tiêu cụ thể đặc thù hơn mục tiêu tổng quát, nói cách khác là giải thích mục tiêu tổng quát. Khi xác định hay xây dựng mục tiêu cụ thể phải đáp ứng được các yêu cầu sau: 1) Làm cái gì? 2) Khi nào làm? 3) Có thể làm được hay không, với thời gian, tiền bạc và nhân sự sẵn có? 4) Có thể đo lường được, nghĩa là sau đó có thể xác định được mục tiêu cụ thể đạt được chưa?

Trong thuật ngữ tiếng Anh, người ta thường nói phải biết đề ra mục tiêu cụ thể một cách thông minh. Để dễ nhớ, người ta dùng từ SMART (thông minh, sắc sảo).

- | | |
|--|------------------------------|
| • Đặc thù, không được chung chung | Specific |
| • Đo lường được | Measurable |
| • Có thể đạt được | Attainable/Achievable |
| • Thực tế | Realistic |
| • Đạt được trong một thời gian nhất định | Time-bound |

3.2.2. Thiết kế dự án, gồm những nội dung: Hoạt động và phương pháp triển khai, cơ cấu tổ chức, nhân lực, bản mô tả công việc, huấn luyện, cơ sở lập luận/giả thiết, trang bị và nguồn cung cấp, di chuyển, lưu trữ và báo cáo, và cơ chế tương tác.

3.2.3. Kiểm soát, giám sát và lượng giá

3.2.4. Kế hoạch làm việc và biểu thời gian: Kế hoạch làm việc là sự phân chia thiết kế dự án thành những hoạt động cụ thể, có phân bổ thời gian và trách nhiệm.

Mẫu tham khảo của kế hoạch làm việc của một dự án kế hoạch hoá gia đình

Hoạt động	Thời gian	Chịu trách nhiệm
Chọn địa bàn	Tuần 1, Tháng 1	Ban quản lý / Quản lý dự án
Thuê văn phòng	Tuần 2, Tháng 1	Quản lý dự án
Mua sắm trang thiết bị	Tuần 3, Tháng 1	Ban quản lý dự án
Chỉ định/chọn nhân viên	Tuần 2, tháng 1, và Tuần 1 tháng 2	Ban quản lý dự án, và Quản lý dự án
Tập huấn nhân viên	Tuần 2 và tuần 3, tháng 2	Trung tâm huấn luyện
Xây dựng hệ thống ghi chép hồ sơ	Tuần 4 tháng 2	Quản lý dự án, nhóm dự án, Tổ chức tài trợ
Nhận dụng cụ tránh thai	Tuần 1 tháng 3, tháng 6 và tháng 9	Quản lý dự án và tình nguyện viên địa phương
Cung cấp dịch vụ	Tuần 2 tháng 3 đến	Quản lý dự án

	Tuần 4 tháng 12	Nhóm thực hiện dự án
Thăm và giám sát dự án	Tuần 3 tháng 3,6,9 và tháng 12	Tổ chức tài trợ Quản lý nhân sự Quản lý dự án

3.3. Giai đoạn 3:Viết và nộp đề xuất dự án

Đề xuất dự án bao gồm những phần:

- Sơ lược về tổ chức tài trợ
- Tóm tắt dự án
- Phát biểu về nhu cầu (còn được gọi là biện minh, lý giải cho dự án)
- Vấn đề đã được chọn lựa
- Giải pháp/cách tiếp cận đề xuất
- Phát biểu mục đích/mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể
- Cơ chế kiểm soát, giám sát và lượng giá
- Kế hoạch làm việc và biểu thời gian
- Kinh phí

Việc đệ trình hồ sơ đề xuất dự án yêu cầu như sau:

- Tiếp xúc với nhà tài trợ tiềm năng
- Thảo luận sơ bộ
- Giải quyết mâu thuẫn về lợi ích
- Những yêu cầu của đệ trình
- Thời gian tốt nhất cho việc đệ trình hồ sơ

3.4. Giai đoạn 4: Thực hiện dự án

Thực hiện dự án bao gồm những *yếu tố cơ bản về quản lý* như sau:

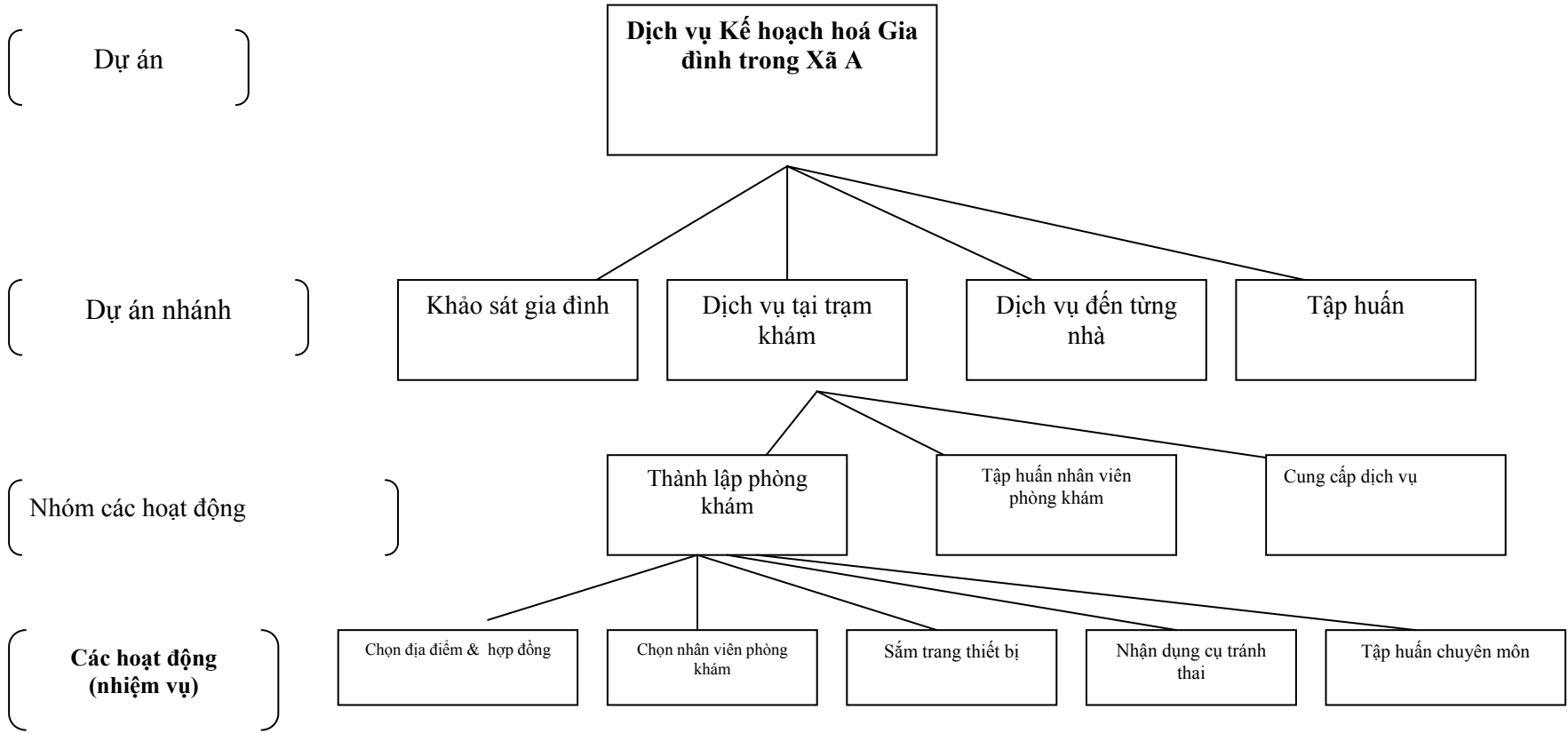
- **Tương tác của nhóm** dự án là yếu tố quan trọng nhất và quản lý con người là việc khó nhất trong quản lý dự án.

Tương tác nhóm là tạo điều kiện cho nhân viên hay người dân làm việc trong dự án được đóng góp tối đa và cùng làm việc với nhau trong tinh thần hoà hợp. Do vậy, cần chú trọng các khía cạnh sau: Sự lãnh đạo tập thể; sự đại diện; việc ra quyết định; mối quan hệ với nhóm dự án; mối quan hệ giữa nhóm dự án và cộng đồng; tổ chức tập huấn; giải quyết vấn đề; đương đầu với mâu thuẫn.

- **Quản lý công việc hoặc quản lý hoạt động: Xác định cách thức mà dự án sẽ thực hiện chi tiết và những hoạt động hàng ngày sẽ được lên kế hoạch và triển khai. 5 bước cơ bản:**

- Xem xét lại mục tiêu dự án
- Phân chia dự án thành những tiểu dự án/dự án nhánh
- Phân chia dự án nhánh thành những nhóm hoạt động
- Phân chia hoạt động nhóm thành những hoạt động/nhiệm vụ cá nhân
- Biểu đồ thời gian chi tiết

Thí dụ: Dự án Dịch vụ Kế hoạch hoá gia đình tại Xã A



Hình 6 Sơ đồ phân chia dự án thành những hoạt động /nhiệm vụ cá nhân

Biểu thời gian chi tiết của 12 tháng (Sơ đồ Gannt)

[illegible]

- **Quản lý thời gian:** Quản lý thời gian là hướng dẫn nhân viên dự án lên kế hoạch và sử dụng thời gian một cách hiệu quả, tức là cách sử dụng tốt nhất thời gian sẵn có để hoàn thành công việc được giao.

Hai nguyên tắc cần thiết là: i/ưu tiên cho việc quan trọng, và ii/ không làm việc gì ít tốn thời gian trước mà làm việc quan trọng nhất trước

- **Quản lý nguồn tài nguyên tự nhiên và vật chất:** Đảm bảo rằng không có sự phung phí trong việc sử dụng không gian, trang thiết bị và phương tiện. Điều này có nghĩa là phải quan tâm đặc biệt đến không gian kho bãi, sự bảo quản và kỹ năng vận hành.
- **Quản lý tài chánh:** Kiểm soát việc sử dụng nguồn quỹ dự án để đảm bảo nó được sử dụng và báo cáo đúng. Số tiền dự án sẽ cố định, do đó Quản lý dự án sẽ phân chia kinh phí cho từng hoạt động và đảm bảo rằng không vượt quá số quy định.

Những hoạt động được thiết kế phải được thực hiện trong kinh phí cho phép và phải theo đúng, không được vượt quá theo từng hạng mục được phân bổ. Thí dụ: Hạng mục là Quản lý phí; Giáo dục/đào tạo; Sửa chữa cơ sở hạ tầng; Tín dụng.

- **Lưu trữ và báo cáo:** Trong một dự án, thông tin rất cần thiết trong việc ra quyết định và lượng giá. Thiết kế cách bảo quản và lưu giữ hồ sơ, báo cáo, văn thư, v.v..
- **Xây dựng cơ chế để đo lường** việc thực hiện, tiến bộ và kết quả dự án, đồng thời sửa đổi, bổ sung cần thiết

3.5. Giai đoạn 5: Lượng giá

Lượng giá có thể dưới dạng:

- Lượng giá nội bộ
- Lượng giá bên ngoài
- Lượng giá trong lúc dự án đang tiến hành
- Lượng giá kết thúc dự án

(Xin xem phần chi tiết nội dung Lượng giá ở Bài 7)

4. QUẢN LÝ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN GIỚI

Do đặc điểm văn hoá, một số vùng, miền, yếu tố giới ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án. Chẳng hạn:

- Một vài nam hoặc nữ không đồng ý làm việc với nhóm khác giới. Điều này do cả áp lực từ phía cá nhân hoặc gia đình.
- Phụ nữ thỉnh thoảng có cảm giác đe dọa bởi đồng nghiệp hoặc người lãnh đạo
- Nhiều nam hoặc nữ cảm giác e ngại, xấu hổ, không tự do diễn đạt quan điểm của họ
- Một số nhân viên dự án/tác viên cộng đồng bất đồng trước những hành vi họ cho là không thích hợp của những người khác giới
- Một số nữ hoặc nam tác viên hoặc người dân phải đương đầu với những khó khăn xuất phát từ tín ngưỡng, văn hoá và tập quán. Thí dụ có nhiều việc mà nam/nữ không thoải mái thảo luận trước người khác

giới. Do vậy, người quản lý dự án phải biết điều này để hỗ trợ khi cần thiết.

Quản lý dự án có thể hỗ trợ sự tương tác giữa nam/nữ nhân viên dự án cũng như tương tác với người khác giới tại cộng đồng qua việc chuẩn bị cẩn thận những việc sau:

- Khi chọn nhân viên dự án phải đảm bảo rằng họ sẵn sàng làm việc với người khác giới trong một số tình huống.
- Có bản hướng dẫn về hành vi chấp nhận văn hoá đối với những nhân viên khác và người khác, đặc biệt khi ở cộng đồng/địa bàn
- Định hướng cho nhóm dự án về mục tiêu dự án để họ nhận thức rằng không chỉ việc trao đổi đơn thuần giữa cá nhân mà họ cần tập trung và nỗ lực hơn trong mối quan hệ làm việc

Thỉnh thoảng nam/nữ nhân viên rất tức giận về những vai trò và hành vi của người khác giới, hoặc họ có thể vô tình làm phiền người khác. Do vậy, họ cần ý thức về điều này. Đôi khi chính người quản lý cũng cần thay đổi chính mình.

- Quản lý dự án cần quan tâm việc khuyến khích sự tôn trọng lẫn nhau giữa các thành viên trong dự án.

Trong hầu hết những dự án phát triển, nhóm thực hiện dự án thường có cả nam lẫn nữ để làm việc với cộng đồng khi cần thiết. Thí dụ trong dự án sức khoẻ sinh sản hoặc kế hoạch hoá gia đình, đôi khi nam hoặc nữ tác viên dự án phải làm việc riêng với giới của mình.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 2000
- Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang, *Phát triển cộng đồng-Lý thuyết và vận dụng*, NXB Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 2000
- Lê Thị Chiêu Nghi, *Giới và Dự án phát triển*, NXB TP. HCM, 2001
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án*, ĐH MBC TP. HCM, 2002
- Simi Kamal, *A handbook on project management*, Patthfinder International Publications, Karachi, 1991
- Dự án Hỗ trợ nguồn kỹ thuật quản lý nguồn tài nguyên nước tại VN, *Tư vấn Cộng đồng trong tiến trình ra quyết định và lập kế hoạch*, Cẩm nang 2003

4. Những khái niệm cơ bản trong bài và cách học từng phần của bài

Khái niệm cơ bản

- Dự án là một chu trình của những hoạt động bao gồm nhiều giai đoạn được xác định: Phân tích tình hình, lập kế hoạch, đề xuất-phê duyệt; thực hiện và đánh giá/lượng giá
- Mục tiêu: là một phát biểu/xác định về kết quả mong đợi của những hoạt động của dự án sau một khoảng thời gian nhất định

- Kế hoạch: một tiến trình viết thành văn bản những bước cần thiết để giải quyết vấn đề qua một giai đoạn thời gian với nguồn tài nguyên sẵn có
- Chu trình dự án là tiến trình quản lý dự án theo từng giai đoạn dự án
- Các bên liên quan hay các thành phần liên quan (stakeholders) là tất cả những người, tổ chức liên quan đến một hoạt động cụ thể. Cộng đồng là một trong số các bên liên quan.

Cách học từng phần

Sinh viên sẽ đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo theo từng cá nhân, sau đó thảo luận nhóm về các bài tập và câu hỏi đưa ra.

Tại lớp sinh viên sẽ được thảo luận toàn lớp và thảo luận theo nhóm để trình bày vấn đề, sau đó giảng viên sẽ hướng dẫn hệ thống bài và giải đáp những thắc mắc chưa rõ.

5. Một số điểm cần lưu ý khi học

Do thuật ngữ dự án được sử dụng phổ biến cho nhiều lĩnh vực khác nhau nên sinh viên cần phân biệt dự án phát triển cộng đồng có những đặc thù riêng, đặc biệt là phải có sự huy động tham gia của cộng đồng và các thành phần liên quan.

Có thể liên hệ những dự án tại địa phương hoặc những dự án đã biết để cùng thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm.

6. Tóm lược những vấn đề cần ghi nhớ

- Dự án phát triển cộng đồng bao gồm ba yếu tố: i/nhu cầu của người dân, ii/ý muốn của tổ chức tài trợ, và iii/ khả năng của tổ chức và của người dân cộng đồng
- Trong quản lý dự án cần chú trọng xây dựng mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Trong đó, mục tiêu cụ thể phải đáp ứng được 4 yêu cầu: i/ Làm cái gì?; ii/ khi nào làm?; iii/ có thể làm được hay không (với thời gian, tiền bạc và nhân lực sẵn có); iv/ có thể xác định được mục tiêu cụ thể đạt hay chưa?
- Tiến trình quản lý dự án hay chu trình dự án bao gồm các giai đoạn: Phân tích tình hình; lập dự án; viết và đề xuất dự án; thực hiện; và lượng giá dự án

7. Câu hỏi

Câu 1: Dự án là gì? Dự án được hình thành dựa trên những yếu tố nào?

Câu 2: Tại sao phải tìm hiểu cộng đồng trước khi viết dự án?

Câu 3: Chu trình dự án là gì?

Thảo luận nhóm:

- Theo anh/chị, các bên liên quan của dự án nước sạch nông thôn có thể là những ai?
- Xem lại bài, phần lập kế hoạch của một dự án kế hoạch hoá gia đình. Các anh, chị cho nhận xét về bản kế hoạch làm việc.

8. Hướng dẫn trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm

Câu 1: Một chu trình của những hoạt động có mục tiêu, nhằm giải quyết một vấn đề hay đáp ứng một nhu cầu.

Dự án PTCĐ là tiến trình can thiệp để tạo sự thay đổi trong nhận thức nơi người dân. Từ đó, người dân quyết tâm thực hiện những công việc nhằm mang lại một sự thay đổi, cải thiện cuộc sống trong cộng đồng.

Dự án được hình thành dựa trên ba yếu tố chính: i/ Nhu cầu của người dân do chính người dân nhận ra và đề xuất, chọn lựa ưu tiên. Nếu người dân không có nhu cầu thì có khi chỉ là nhu cầu chi tiền của tổ chức tài trợ, hoặc để có cơ sở quyên góp tiền. ii/ Ý muốn của các bên liên quan, và iii/ Khả năng (nguồn lực, tài nguyên) của các bên liên quan bao gồm người dân lẫn tổ chức tài trợ

Câu 2: Phân tích tình hình cộng đồng hay tìm hiểu cộng đồng và nhu cầu cộng đồng là khâu trọng yếu của tiến trình dự án. Việc tìm hiểu thông tin chính xác sẽ giúp việc viết dự án cụ thể, dựa vào nhu cầu thật cũng như tiềm năng, khả năng của người dân. Từ đó, mục tiêu được xây dựng mới mang tính khả thi.

Câu 3: Chu trình dự án qua 5 giai đoạn: GD1: Phân tích tình hình; GD2: Lập kế hoạch; GD3: Viết và nộp đề xuất dự án; GD4: Thực hiện; GD5: Lượng giá. trong đó việc quản lý dự án tập trung vào giai đoạn 4 và giai đoạn 5.

Thảo luận nhóm

- Các bên liên quan của dự án nước sạch nông thôn: người thụ hưởng, các cơ quan tài trợ, đối tác, các cơ quan chuyên môn, v.v..(Sinh viên sẽ nêu cụ thể thêm tên gọi của các cơ quan liên quan cũng như bên thụ hưởng)
- Nhận xét bản kế hoạch của dự án: thời gian, sự phân công chịu trách nhiệm công việc. (Sinh viên cần nhận xét những điểm hợp lý, bất hợp lý và cho ý kiến riêng)

BÀI 7

KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT VÀ LƯỢNG GIÁ DỰ ÁN

1. Giới thiệu khái quát bài 7

Qua bài này sinh viên sẽ nắm được một số khái niệm và phân biệt giữa kiểm soát, giám sát và lượng giá một dự án phát triển cộng đồng. Sinh viên cần chú ý rằng mỗi hoạt động có chức năng riêng, tuy nhiên hoạt động lượng giá có tầm quan trọng hơn trong dự án nên sẽ được đề cập nhiều hơn trong bài.

Sinh viên theo dõi bài qua cấu trúc như sau: Phần 1 giới thiệu các khái niệm kiểm soát, giám sát và lượng giá. Phần 2 đề cập đến chức năng của ba hoạt động kể trên. Phần 3 tập trung giới thiệu về các khía cạnh của lượng giá, vì hoạt động này rất quan trọng để đánh giá xem dự án có đạt được mục tiêu đề ra ban đầu hay không.

2. Mục tiêu học viên cần đạt được sau khi học xong bài 7

Sinh viên nắm bắt và phân biệt được những vấn đề liên quan đến kiểm soát, giám sát và lượng giá, hiểu được chức năng của từng loại hoạt động trong một dự án phát triển cộng đồng. Qua đó sinh viên có thể phân

tích hoặc lượng giá một hoạt động, một dự án, hoặc có thể ứng dụng trong việc thực hiện quản lý một dự án phát triển cộng đồng.

3. Nội dung cơ bản và các tài liệu tham khảo cho bài 7

Nội dung cơ bản

Các khái niệm kiểm soát, giám sát và lượng giá giúp phân biệt được chức năng và cách tiến hành của từng hoạt động trong dự án.

Giám sát và lượng giá là hai hoạt động quan trọng trong dự án, để xác định được dự án tiến hành có theo kế hoạch và đạt được mục tiêu đề ra hay không.

Có nhiều cách phân loại lượng giá theo tính chất người thực hiện lượng giá và theo thời gian, hoặc kết hợp các loại.

NỘI DUNG BÀI 7

Một đề xuất dự án có thể rất xuất sắc, một kế hoạch thực hiện chuẩn bị cẩn thận, nhưng tất cả sẽ hoài phí nếu cơ chế kiểm soát, giám sát và lượng giá không được xác định.

1. KHÁI NIỆM

1.1. Kiểm soát

Đo lường thao tác của từng thành viên trong nhóm dự án so với bản mô tả nhiệm vụ. Ở đây con người được kiểm soát. Thí dụ: Quản lý dự án sẽ kiểm soát tác viên làm việc với người dân tại cộng đồng như thế nào, kiểm soát kế toán việc ghi chép cập nhật sổ sách, ..

1.2. Giám sát

Đo lường thực hiện dự án so với kế hoạch hay lịch hoạt động . Ở đây hoạt động được giám sát. Thí dụ: Người quản lý dự án sẽ giám sát hoạt động của Quý 3 là phải tổ chức 2 buổi truyền thông môi trường, 1 lớp tập huấn cho nhóm trưởng các nhóm hành động, và 2 con hẻm phải được nâng cấp.

1.3. Lượng giá

Đo lường thành quả/hoàn thành dự án so với các mục tiêu cụ thể đã đề ra. Ở đây những kết quả được lượng giá. Thí dụ: Một số chỉ báo/kết

quả mong đợi cho năm thứ hai (2005) của Dự án “Hỗ trợ tái định cư cho các cộng đồng nghèo” tại TP. Đà Nẵng như sau:

- 100% Ban Công tác PTCĐ phường tự xây dựng được kế hoạch hoạt động
- 60% hộ dân của các khu, lô chung cư tiếp cận được nguồn vốn tín dụng của dự án
- 90% số hộ tham gia tiết kiệm
- 20% hộ dân sẽ tham gia đóng góp quỹ duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng chung cư

Kiểm soát, giám sát và lượng giá được thực hiện để đạt được chất lượng và số lượng của công việc hoặc hoạt động, và những kết quả của công việc/hoạt động.

Bảng so sánh giữa kiểm soát, giám sát và lượng giá

Loại hoạt động	Cái gì được đo lường hoặc đánh giá	Thước đo
Kiểm soát	Thao tác của cá nhân và nhóm (Con người được kiểm soát)	(Bản) Mô tả công việc
Giám sát	Thực hiện những hoạt động theo kế hoạch (Tiến trình được giám sát)	Kế hoạch công việc
Lượng giá	Kết quả hoặc đầu ra (Thành quả được lượng giá)	Những mục tiêu cụ thể

2. CHỨC NĂNG

2.1. Vì sao cần phải kiểm soát?

- Nhóm thực hiện dự án biết rằng mình được theo dõi, hỗ trợ. Họ có thể bàn bạc, thảo luận vấn đề gặp phải với người kiểm soát (thường là quản lý dự án) để được giúp đỡ.
- Việc kiểm soát sẽ báo cho thành viên của nhóm dự án cần làm những công việc theo yêu cầu.
- Kiểm soát cho biết cần hành động kịp thời để sửa chữa lỗi gây ra.
- Cung cấp cơ hội cho kiểm tra viên hoặc người quản lý dự án để tìm ra nguyên nhân khiến nhóm dự án hoạt động tốt hoặc không tốt.
- Kiểm soát sẽ đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của tình trạng công việc và của thành viên nhóm để điều chỉnh và chuẩn bị cho hoạt động tương lai.
- Tạo cơ hội cho quản lý dự án thực hiện hành động cần thiết, thí dụ khuyến khích, tán thưởng một công nhân làm việc hiệu quả, thay thế một người kém cỏi, thiếu khả năng, hoặc bồi dưỡng năng lực cho những nhân viên yếu.
- Giúp người quản lý dự án cải thiện những hoạt động giám sát

2.2. Giám sát

2.2.1. Những điểm khác cơ bản giữa giám sát và lượng giá

Giám sát	Lượng giá
Ngắn hạn	Dài hạn
Phân tích tức thời những hoạt động đang diễn ra	Phân tích xuyên suốt thành quả của những mục tiêu cụ thể, và rút ra bài học
Ảnh hưởng đến việc kiểm soát những hoạt động đang diễn ra	Ảnh hưởng kế hoạch tương lai của cùng dự án hoặc kế hoạch của những dự án tương tự
Báo cáo thường kỳ và thường xuyên TD: hàng tháng hoặc hàng quý	Thường là một báo cáo khoảng giữa hai thời gian cách nhau TD: thời điểm 6 tháng, một năm hoặc lâu hơn
Thực hiện bởi người quản lý và nhà tài trợ	Thường thực hiện do cấp trên của người quản lý hoặc nhà tài trợ, cùng /không cùng với chuyên gia bên ngoài

2.2.2. Một vài điều kiện cần thiết để giám sát hiệu quả

- Nhóm thực hiện dự án nên hiểu rõ về hệ thống giám sát, để không có cảm giác bị áp đặt
- Quản lý dự án phải có đủ kiến thức về sử dụng và giải thích các báo cáo và báo cáo dự án.
- Do việc thu thập, lưu trữ và xử lý và phân phối thông tin rất tốn kém và mất thời gian, nên chỉ báo cáo những thông tin thật sự đang hoạt động /tiến hành.

- Những người đang làm công việc ghi chép hồ sơ và báo cáo cần được tập huấn đầy đủ về việc bảo quản sổ sách, hồ sơ và cách giải trình thông tin sẵn có.
- Thông tin cần được sử dụng ưu tiên để hỗ trợ việc giám sát, kiểm soát và ra quyết định, không chỉ để thưởng hay phạt.
- Hoạt động giám sát thường yêu cầu phải có kế hoạch thực hiện hoạt động và nhiệm vụ của từng cá nhân, từ đó nhà quản lý mới có thể dựa vào để xác định tình trạng thực hiện kế hoạch đó.

2.2.3. Có hai loại giám sát chính cho những dự án phổ biến

- Giám sát tổ công tác (desk monitoring) thường liên quan tới kiểm tra và phân tích hồ sơ và báo cáo
- Giám sát thực địa (field monitoring) được thực hiện bằng cách thực sự đi thăm địa bàn dự án

Mục tiêu chính của giám sát là qua đó người quản lý tiên đoán điều mà họ yêu cầu trong tháng tới hoặc quý tới, v.v..

2.2.4. Giám sát cần thiết vì

- Thông tin cho nhà quản lý hoặc tài trợ biết rằng công việc của cá nhân đã hoàn thành hoặc chậm trễ.
- Cho phép người quản lý có hành động kịp thời để sửa chữa những sai sót

- Giúp xác định những khó khăn trước khi trở thành vấn đề, nhờ đó việc giải quyết dễ dàng hơn.
- Cho phép người quản lý phân bổ lại tài nguyên và kinh phí để đảm bảo hoạt động hoàn tất đúng thời hạn . Nếu người quản lý không có thẩm quyền làm điều đó thì họ sẽ đề nghị với ban điều phối/quản lý dự án.
- Cho phép người quản lý bàn bạc với nhóm dự án và nhà tài trợ để chỉnh sửa lại bản biểu nếu thật sự cần thiết.

Như vậy, nếu có những vấn đề trục trặc xảy ra thì sẽ bị ngăn lại lập tức. Chẳng hạn, nếu một hoạt động không hoàn thành đúng thời hạn, thì có thể xác định được nguyên nhân và thời gian bị mất sẽ được bù vào nhanh chóng, nhờ đó những hoạt động khác không bị ảnh hưởng quá mức.

2.4. Lượng giá

Lượng giá là tiến trình đo lường thành quả trực tiếp và hữu hình của một hoạt động/dự án để xác định mức độ mà những mục tiêu cụ thể đạt được trong một khoảng thời gian nhất định. Lượng giá thường xảy ra ở một khoảng thời gian cố định chẳng hạn giữa kỳ và cuối kỳ dự án.

2.4.1. Các loại lượng giá và chức năng

a. Phân loại theo cá nhân hoặc tổ chức thực hiện	b. Phân loại theo thời gian
Lượng giá nội bộ	Lượng giá tiền dự án
Lượng giá từ bên ngoài	Lượng giá giữa dự án (lượng giá giữa kỳ)
	Lượng giá kết thúc dự án (lượng giá cuối kỳ)
Lượng giá tác động hoặc hiệu quả dự án là xem xét sự thực hiện dự án so với mục đích hoặc mục tiêu dài hạn. Loại lượng giá này khó thực hiện và có thể yêu cầu một tư vấn có kinh nghiệm	

a. Phân loại theo người/tổ chức thực hiện

Gồm 3 loại lượng giá căn bản: i/Lượng giá nội bộ, ii/ Lượng giá bên ngoài, và iii/ Lượng giá tác động

▫ Lượng giá nội bộ

Lượng giá nội bộ hoàn toàn giống và thường nhầm lẫn với giám sát. Như đề cập ở phần trên, giám sát đo lường mức độ thực hiện *kế hoạch hoạt động* trong khi lượng giá đo lường mức độ *thành quả của các mục tiêu*. Hai việc này rất gần với nhau, nhưng đo lường những sự việc khác nhau.

Lượng giá nội bộ có thể thực hiện bởi *ban điều hành/ ban quản lý thực hiện dự án* để có thể phân tích dự án có đang tiến triển hay không và với mức độ nào

Có thể lượng giá được thực hiện định kỳ trong khi tiến hành dự án, vì lượng giá sẽ:

- Cung cấp thông tin về sự thành công hoặc ít thành công của dự án sau khi đã tiến hành được một khoảng thời gian
- Chỉ ra rằng những mục tiêu sẽ đạt được trong một khoảng thời gian nhất định
- Cho thấy nhu cầu bổ sung cho kế hoạch hoạt động để đạt mục tiêu
- Cung cấp hướng dẫn để chỉnh sửa những khuyết điểm trước khi quá muộn.

▣ **Lượng giá bên ngoài**

Lượng giá bên ngoài là xem xét việc thực hiện dự án dựa trên những mục tiêu cụ thể. Việc này do người ngoài dự án, thường là đại diện của cơ quan tài trợ hoặc một tư vấn được hợp đồng riêng cho lượng giá.

Lượng giá bên ngoài được triển khai vào một thời điểm (thường là cuối năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc năm thứ ba của dự án), hoặc khi cần thiết.

Mục tiêu của lượng giá bên ngoài:

- Đo lường sự hoàn thành thật sự về mục tiêu dự án
- Đo lường hiệu quả chi phí của những hoạt động

- Đề xuất những thay đổi cần thiết để cải thiện sự thực hiện dự án nếu dự án tiếp tục hoặc được nhân rộng
- Đề xuất kéo dài hoặc mở rộng những hoạt động của dự án

Lượng giá bên ngoài quan trọng vì sẽ:

- Đề ra quan điểm của người ngoài về dự án và có thể những vấn đề hoặc đặc điểm mà nhóm dự án bỏ quên, chưa đề ra.
- Làm rõ và tăng thêm sự hiểu biết của ban điều hành/quản lý dự án về những mục tiêu đã đạt được, và đạt mức độ nào
- Giới thiệu những thay đổi để cải thiện kế hoạch hoạt động, kiểm soát và/hoặc quản lý tài chính của dự án
- Có thể giúp cơ quan tài trợ quyết định có nên tiếp tục hỗ trợ tài chính cho dự án, trong bao lâu và dưới điều kiện nào

▣ **Lượng giá tác động**

Được thực hiện để trả lời câu hỏi: “Dự án có mang lại những thay đổi nào có ảnh hưởng đến cộng đồng ngoài thời gian của dự án (một, hai hoặc ba năm)?” Nói cách khác, những *mục tiêu tổng quát/dài hạn* nào đã đạt được.

Lượng giá tác động không thể diễn ra, nếu thông tin cơ bản về cộng đồng không được thu thập vào lúc khởi đầu dự án

b. Phân loại theo thời gian

Có thể tiến hành lượng giá vào những thời điểm sau đây:

- Lượng giá tiền dự án / Lượng giá trước khi thực hiện dự án là thẩm định tính chất thích đáng và khả thi của dự án, của các mục tiêu cụ thể và của kế hoạch công việc
- Lượng giá trong quá trình thực hiện dự án là thường xuyên phân tích và đánh giá một dự án. Điều này giúp ta có thể đề ra những biện pháp sửa chữa kịp thời
- Lượng giá tổng kết khi kết thúc dự án là nhằm đánh giá sản phẩm làm ra, nghĩa là xem đã đạt được những mục tiêu cụ thể đề ra hay không.
- Lượng giá tác dụng hay hiệu quả của dự án là thẩm định kết quả của dự án sau khi dự án đã được hoàn tất một thời gian. Việc này còn giúp cho chính quyền địa phương, cộng đồng và những nhà quản lý dự án biết được tính bền vững của dự án.

3. NHỮNG KHÍA CẠNH CỦA LƯỢNG GIÁ

Khi thực hiện lượng giá, cần chú ý những khía cạnh của lượng giá bằng cách trả lời những câu hỏi sau:

3.1. “Ai” sẽ thực hiện công việc lượng giá?

- Một nhóm công tác do cộng đồng chỉ định?
- Nhóm người thụ hưởng trong dự án?
- Cơ quan tài trợ?
- Những chuyên gia lượng giá từ bên ngoài vào?
- Tất cả các bên nói trên?

3.2. Lượng giá “cái gì”?

- Xem mục tiêu cụ thể của dự án đã đạt được hay không?
- Kết quả đạt được có thoả đáng không, so với nguồn tài nguyên đã đầu tư?
- Làm thế nào để cải tiến dự án?
- Cần phải thay đổi những thành tố nào?
- Cái gì đã làm đúng?
- Cái gì đã làm sai?
- Những lợi ích và /hoặc tác động trực tiếp hoặc gián tiếp?

3.3. “Tại sao” phải lượng giá dự án?

- Để báo cáo kết quả dự án cho cơ quan tài trợ?
- Để ban điều hành dự án các cấp (tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường,...) biết được tại sao dự án không mang lại kết quả mong đợi?
- Để những người thụ hưởng biết họ có nhận được lợi ích như mong đợi không?
- Để những người thực hiện dự án quyết định có nên mở rộng dự án sang một cộng đồng khác không?
- Để tránh những khuyết điểm tương tự trong những dự án tương lai.

3.4. “Khi nào” thì lượng giá?

- Vào đầu dự án? Vào giữa dự án? Vào cuối dự án?
- Thường xuyên? Mỗi tháng một lần? Ba tháng một lần?
- Sau khi kết thúc dự án?

3.5. Lượng giá dự án “bằng cách nào?”

Thảo luận và quyết định về những điểm sau đây:

- Cần những thông tin nào?

Ví dụ: lợi ích về mặt kinh tế cho những người thụ hưởng

- Lấy thông tin từ đâu?

Ví dụ: những người lãnh đạo không chính thức trong cộng đồng

- Thu thập thông tin bằng những kỹ thuật nào?

Ví dụ: thảo luận nhóm, hoặc cho điểm các hoạt động

- Cần những công cụ nào để thu thập thông tin?

Ví dụ: bảng liệt kê các vấn đề cần thảo luận, hoặc giấy, bút,...

- Phân tích thông tin như thế nào? Định lượng và định tính?

Ví dụ: tỉ lệ số người thụ hưởng lợi ích của dự án (bằng SPSS, Excel..)

- Sử dụng kết quả lượng giá dự án như thế nào?

Ví dụ: để có được những thay đổi trong chính sách

Luôn luôn cần nhấn mạnh rằng mục đích lượng giá không phải để tìm kiếm khuyết điểm của những người thực hiện dự án mà là để cải thiện công việc. Lượng giá giúp các nhà quản lý nhìn nhận xem bằng cách nào

có thể thu được kết quả tốt hơn, hay để xem xét trách nhiệm của họ trong công tác quản lý

Những nguyên tắc quan trọng trong lượng giá mà tác viên phát triển cộng đồng hay một nhóm phải biết là:

- * Phải thường xuyên tiến hành lượng giá
- * Tiến hành lượng giá phải có sự tham gia của các bên liên quan
- * Lượng giá phải là một công việc mang tính chất xây dựng

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 2000
- Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang, *Phát triển cộng đồng-Lý thuyết và vận dụng*, NXB Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 2000
- Lê Thị Chiêu Nghi, *Giới và Dự án phát triển*, NXB TP. HCM, 2001
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án*, ĐH MBC TP. HCM, 2002
- Simi Kamal, *A handbook on project management*, Patthfinder International Publications, Karachi, 1991

4. Những khái niệm cơ bản trong bài và cách học từng phần của bài

Khái niệm cơ bản

- Kiểm soát: Theo dõi hoạt động của từng thành viên căn cứ trên bản mô tả nhiệm vụ
- Giám sát: Theo dõi việc thực hiện dự án so với kế hoạch thời gian
- Lượng giá: xem xét việc đạt mục tiêu dự án so với kế hoạch dự án

Cách học từng phần

Sinh viên đọc giáo trình và phân biệt sự khác nhau của 3 hoạt động kiểm soát, giám sát và lượng giá. Sinh viên cũng cần tham khảo thêm các dự án và nhận xét việc xác định các mục tiêu dự án, cách lập kế hoạch và thực hiện giám sát, lượng giá.

Sinh viên có thể đọc thêm về các dự án PTCD ở trang web:
<http://hoisinh.vnn.vn/ngoclam>

5. Một số điểm cần lưu ý khi học

- Cần phân biệt rõ giữa kiểm soát, giám sát và lượng giá, sự cần thiết của từng hoạt động trong từng thời gian dự án
- Có thể liên hệ những dự án tại địa phương hoặc những dự án đã biết để cùng thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm
- Tránh suy nghĩ rằng lượng giá là một hoạt động để “thanh tra” những người thực hiện dự án

6. Tóm lược những vấn đề cần ghi nhớ

- Khái niệm kiểm soát, giám sát, lượng giá. Chức năng của từng hoạt động khác nhau trên từng đối tượng và thời gian của dự án.
- Trong lượng giá cần chú ý các điểm: Lượng giá cho ai? Ai đứng ra lượng giá? Khi nào lượng giá? Lượng giá bằng cách nào?
- Sự cần thiết của giám sát và đặc biệt của lượng giá trong việc quản lý dự án, cũng như mở rộng hoặc triển khai dự án tương tự.

7. Câu hỏi

Câu 1. Phân biệt kiểm soát, giám sát và lượng giá

Câu 2. Nêu các loại lượng giá

Bài tập:

- Liên hệ cuộc sống và công việc hàng ngày, anh/chị đã từng rút ra điều gì? và muốn duy trì hay thay đổi những điều đã rút ra được?
- Đọc bài lượng giá dự án “Xoá mù chữ và bảo vệ môi trường” trong phần phụ lục, sách Phát triển cộng đồng của Nguyễn Thị Oanh, nhận xét theo 5 khía cạnh của lượng giá.

8. Hướng dẫn trả lời câu hỏi và bài tập

Câu 1. Nêu các khái niệm và đặc điểm của kiểm soát, giám sát và lượng giá

Câu 2. Phân loại lượng giá theo tính chất người thực hiện lượng giá: Lượng giá nội bộ, lượng giá bên ngoài; và phân loại theo thời gian: Lượng giá tiền dự án, giữa kỳ, cuối kỳ/kết thúc dự án. Ngoài ra, còn lượng giá tác động sau khi kết thúc dự án, thường do chuyên gia bên ngoài thực hiện

Bài tập:

- Những việc đã từng thực hiện trong công việc hoặc cuộc sống hàng ngày, có những điều *đã làm được* và có những điều *chưa làm được*, so với ý muốn/ý định. Việc này liên quan đến những khái niệm trong bài, đặc biệt là lượng giá. Tuy nhiên, kiểm soát, giám sát hay lượng giá dự án là một việc làm khoa học, có mục đích, kế hoạch. Và luôn nhớ rằng các công việc trên không phải là “vạch lá tìm sâu” mà chính là để xây dựng, thay đổi tốt hơn.
- Nhận xét bài lượng giá dự án “Xoá mù và bảo vệ môi trường” theo 5 khía cạnh của lượng giá tức là trả lời các câu hỏi: Ai thực hiện lượng giá? Lượng giá cái gì? Tại sao phải lượng giá? Lượng giá khi nào? và lượng giá bằng phương pháp gì?

BÀI 8

THUẬN LỢI –KHÓ KHĂN TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Giới thiệu khái quát bài 8

Bài 8 sẽ giới thiệu cho sinh viên tổng quát về những thuận lợi và bất lợi khi tiến hành các hoạt động phát triển cộng đồng hiện nay tại Việt Nam.

Sinh viên sẽ theo dõi bài qua 2 phần chính: Phần 1 nói về những khó khăn, trở ngại. Trong đó nêu những khó khăn thuộc về cơ chế quản lý, con người, văn hoá, phong tục, tập quán, hành vi, thói quen. Phần 2 nói về những thuận lợi trong công tác PTCĐ. Những thuận lợi có thể kể đến như chủ trương, chính sách của nhà nước; yếu tố con người, yếu tố văn hoá-xã hội; yếu tố phương thức; và việc đào tạo.

2. Mục tiêu học viên cần đạt được sau khi học xong bài 8

Nhận diện ra được những khó khăn, thuận lợi trong thực hiện phát triển cộng đồng, để phát huy những thuận lợi và tránh hoặc chuyển hoá những cản trở thành yếu tố tích cực.

Phân tích được những trường hợp thực tế và rút ra được những bài học kinh nghiệm.

3. Hướng dẫn học nội dung cơ bản và các tài liệu tham khảo cho bài 8

Nội dung cơ bản

Những khó khăn, cản ngại

- Mức độ cá nhân: Tác viên cộng đồng chưa thể thay đổi ngay được cách làm thay, làm giùm. Người dân trong cộng đồng có thái độ kém tự tin, ngại mạo hiểm, không muốn phá bỏ những tư tưởng, niềm tin truyền thống, hoặc có nhiều nhu cầu khác nhau đôi khi mâu thuẫn.
- Phương thức, chế độ quản lý từ trên xuống tạo sự thụ động trong đại đa số người dân. Chế độ tập trung bao cấp ảnh hưởng nặng nề đến tính năng động, sáng tạo và chịu trách nhiệm của người dân. Bộ máy cơ sở còn yếu, cán bộ cơ sở chưa được đào tạo nhiều về phát triển cộng đồng và quản lý con người.
- Khía cạnh văn hoá, xã hội: Tín ngưỡng; tính gia trưởng, lãnh đạo truyền thống, bè phái, địa vị thấp kém của phụ nữ và những người thiệt thòi

- Những ngành học khoa học xã hội làm cơ sở cho môn học phát triển cộng đồng chưa đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng.
- Phương thức phát triển cộng đồng còn mới mẻ ở Việt Nam.

Những thuận lợi

- Triết lý và phương pháp PTCD hoàn toàn phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh
- Yếu tố cá nhân: Người Việt Nam cần cù, năng động, nhiệt tình, có kiến thức nhất định
- Yếu tố cộng đồng: Truyền thống làng xã, tương thân, tương trợ
- Yếu tố quản lý, xã hội: Những chính sách, chủ trương của Nhà nước; các tổ chức xã hội sẵn sàng hỗ trợ cộng đồng

NỘI DUNG BÀI 8

Phát triển cộng đồng tại Việt Nam được biết đến và ứng dụng từ những năm 50, và hiện nay phát triển cộng đồng được đề cập đến nhiều, do nhiều nơi người dân đã tự liên kết để tạo ra những sáng kiến cộng đồng. Tuy vậy, bên cạnh thuận lợi thì vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

1. KHÓ KHĂN, TRỞ NGẠI

1.1. Mức độ cá nhân

- Từ phía người dân:
 - Tính e dè, phòng thủ, ngại thay đổi
 - Vẫn còn thụ động, trông chờ, ỷ lại
 - Người nghèo còn tự ti, mặc cảm với thân phận, vị trí trong xã hội
- Từ phía tác viên
 - Chỉ một số được đào tạo bài bản về công tác xã hội với cộng đồng, phần lớn các tác viên làm việc theo kinh nghiệm bản thân
 - Thêm vào đó, hầu hết đều được đào tạo theo cách giáo dục truyền thống, nên chính bản thân tác viên cũng còn xa lạ với phương pháp tham gia.
 - Còn áp đặt, làm thay, chưa tin tưởng thật sự vào khả năng của người dân, của cộng đồng.

- Mức độ cộng đồng
 - Cộng đồng không thuần nhất, có nhiều thành phần khác nhau. Chính điều này dẫn đến những mâu thuẫn quyền lợi, vị trí trong cộng đồng.
 - Tính gia trưởng, tư tưởng phụ quyền.
 - Tính đại diện: chẳng hạn chủ hộ thường là người đại diện trong gia đình để tham dự vào những hoạt động trong cộng đồng. Người già hoặc những người có chức vụ cao thường được cử làm đại diện cho nhiều hoạt động mang tính quyết định.
 - Sự thống nhất của cộng đồng đôi khi “giả tạo”, do một nhóm “đặc quyền” hoặc “quý tộc” (elite) thống trị. Do đó, những nhóm “ngoài rìa xã hội” bao gồm những nhóm phụ nữ, phải theo sự thống nhất của toàn cộng đồng, nên những nhu cầu riêng của họ không được xem xét đến
 - Các mâu thuẫn phát sinh do quyền lợi hoặc đóng góp khác nhau. Đôi khi vì đụng chạm phát sinh trong quá trình thực hiện dự án mà người dân trong cộng đồng mất đoàn kết trước kia, chẳng hạn những so bì, thắc mắc, khiếu nại về quyền lợi, về sự phân công không rõ ràng.
- Mức độ xã hội
 - Mọi hoạt động xã hội đều phải xuất phát từ tổ chức chính quyền hay đoàn thể quần chúng, mà hiện nay bộ máy còn khá nặng nề
 - Bộ máy quản lý ở nhiều cơ sở còn non yếu, với cán bộ chưa đủ trình độ phẩm chất. Từ đó e ngại những sáng kiến xuất phát từ bên ngoài bộ máy. Điều này gây khó khăn nhất cho các chương trình PTCD
 - Thời gian dài theo chế độ quản lý tập trung bao cấp, áp đặt từ trên làm cho những sáng kiến bị xem là xa lạ, khó chấp nhận.

- Phương thức PTCĐ

- Việc khuyến khích sáng kiến từ dưới lên, người dân tự kết hợp để giải quyết vấn đề của mình còn chưa được tin tưởng
- PTCĐ là một khoa học xã hội ứng dụng được xây dựng dựa trên các khoa học xã hội hiện đại như Tâm lý học, Xã hội học, Khoa học Truyền thông, Tổ chức quản lý v.v.. mà ở Việt Nam thì những bộ môn này chưa phát triển.
- Dự án phát triển ngày càng nhiều trên toàn lãnh thổ Việt Nam với sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội trong và ngoài nước. Tuy nhiên, chưa có chính sách chung nên các nỗ lực này còn rời rạc.
- Hiện nay, nhiều địa phương tiếp nhận nhiều dự án khác nhau, nhiều phương thức khác nhau nên việc triển khai phương thức PTCĐ gặp cản trở (vì dự án PTCĐ thường đòi hỏi thời gian, sự kiên trì để khơi dậy tiềm năng cộng đồng và sự tham gia của người dân)

2. THUẬN LỢI

- Yếu tố cá nhân: Đặc tính người Việt Nam là cần cù, năng động, nhiệt tình, có kiến thức nhất định, ham học hỏi
- Yếu tố văn hoá, xã hội: Truyền thống làng xã, tình làng nghĩa xóm, tinh thần tương thân, tương trợ. Ghi ơn công lao của các bậc tiền nhân, nhớ về cội nguồn, tổ tiên, là những giá trị xã hội chung
- Yếu tố quản lý:

+ Chủ trương, chính sách xã hội được hình thành nhằm cải thiện đời sống cho người nghèo: chương trình quốc gia Xoá đói giảm nghèo từ

năm 1992; phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống mới ở khu dân cư năm 1995 được Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) đánh giá cao, và Quy chế dân chủ cơ sở ban hành năm 1998

+ Những nỗ lực từ phía chính quyền các cấp, đoàn thể (Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Chữ Thập đỏ, Hội Nông dân,... và các phong trào tương trợ của quần chúng. Nơi nào có sự quan tâm của chính quyền địa phương thì nơi ấy phát huy được năng lực và sáng kiến của người dân trong công tác cải thiện an sinh cộng đồng

+ Đặc điểm của tổ chức của Việt Nam, ngoài tổ chức Đảng và chính quyền các cấp, còn có các tổ chức chính trị xã hội với mạng lưới rộng khắp từ trung ương tới địa phương với số lượng thành viên rất lớn (Hội Phụ nữ có hơn 11 triệu hội viên, Đoàn Thanh niên có hơn 4 triệu đoàn viên) . Các tổ chức đoàn thể đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường thông tin liên lạc giữa Đảng, Nhà nước và người dân ở cơ sở.

Ngoài ra, cơ cấu tổ chức xã hội Việt Nam hết sức thuận lợi, các đoàn thể có “chân rết” tới tận cơ sở. Tổ dân phố là đơn vị gần dân nhất, giữ vai trò liên lạc giữa người dân và chính quyền địa phương

- Yếu tố phương thức và thực hành PTCĐ:

+ Phương thức PTCĐ thực chất rất gần gũi với tư tưởng Hồ Chí Minh và các lãnh đạo Nhà nước: “dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”, “dân biết dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, hoặc “lấy dân làm gốc”

- Yếu tố đào tạo, huấn luyện, tăng năng lực cán bộ làm công tác PTCĐ

+ Đào tạo: Từ năm 1992 Khoa Phụ nữ học, nay là Khoa Xã hội học, ĐH Mở Bán công TP. HCM đã đào tạo hơn 500 sinh viên tốt nghiệp trong cả nước, và hơn 100 cán bộ chủ chốt của Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh phía Nam. Họ đã ứng dụng chuyên môn công tác xã hội và PTCĐ vào các hoạt động Hội tại địa phương.

+ Việc Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định mã nghề đào tạo ngành Công tác Xã hội và quy định chương trình khung trong đào tạo các môn học trong đó có PTCĐ là một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của ngành Công tác Xã hội nói chung và thuận lợi cho đào tạo và thực hành PTCĐ nói riêng.

+ Các chương trình PTCĐ của các địa phương khác nhau cũng được tổ chức để trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trong khi thực hiện các hoạt động thực tế. Nhiều cán bộ phát triển ham học hỏi và nhanh nhạy với đổi mới để thay đổi hoàn cảnh, điều kiện sống của cộng đồng.

- Đóng góp của các tổ chức xã hội

Các tổ chức xã hội trong và ngoài nước/ các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGOs) góp phần không nhỏ qua các dự án PTCĐ. Nhiều khóa tập huấn được tổ chức cho cán bộ địa phương và người dân tích cực trong CD nhằm nâng cao năng lực cho CD, giúp người dân biết hợp tác, tổ chức và tự quản.

Hiện nay, nhiều dự án phát triển ở các lĩnh vực khác nhau ở nông thôn và đô thị đều áp dụng phương thức phương thức có sự tham gia của người dân, và các bên liên quan. Vì thế, phương pháp PTCĐ ngày càng được áp dụng và củng cố, đồng thời nâng dần tính phổ biến.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Oanh, *Phát triển cộng đồng*, ĐH Mở Bán công TP. HCM, 2000
- Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang, *Phát triển cộng đồng-Lý thuyết và vận dụng*, NXB Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 2000
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Tài liệu tập huấn về phát triển cộng đồng*, tr. 13-15
- Nguyễn Ngọc Lâm, *Sách bỏ túi dành cho nhân viên xã hội*, Khoa PNH, ĐH MBC TP. HCM, 1999

4. Những khái niệm cơ bản trong bài và cách học từng phần của bài

Khái niệm cơ bản

Mức độ cá nhân: Những khó khăn, thuận lợi từ phía cá nhân con người trong cộng đồng, bao gồm những đặc điểm cá nhân

Mức độ cộng đồng: Những khó khăn, thuận lợi xuất phát từ cộng đồng, bao gồm yếu tố tự nhiên và xã hội

Mức độ xã hội: những yếu tố xã hội tạo nên cản trở hoặc tạo thuận lợi trong tiến trình phát triển cộng đồng

Cách học từng phần

- Sinh viên đọc trước tài liệu theo cá nhân và nhóm
- Đọc và phân tích một số trường hợp các dự án cộng đồng đã và đang thực hiện
- Tại lớp, sinh viên sẽ động não liệt kê ra một số khó khăn, thuận lợi trong phát triển cộng đồng
- Thảo luận cả lớp (thảo luận hội trường) để phân tích những gì thuộc về khó khăn, thuận lợi theo thực tế
- Thảo luận nhóm một số trường hợp và trình bày trước lớp
- Giảng viên góp ý cho các báo cáo tại lớp và bổ sung lý thuyết

5. Một số điểm cần lưu ý khi học

- Những thuận lợi, khó khăn khác nhau tùy theo từng vùng, miền
- Việc phân tích thuận lợi, khó khăn đi từ các cấp vi mô (người dân), trung mô (cộng đồng) và vĩ mô (chủ trương, chính sách của nhà nước): giảng dạy trong các trường đại học là một thay đổi lớn về mặt chính sách, chủ trương
- Cùng một sự việc có thể khó khăn giai đoạn này nhưng lại thuận lợi giai đoạn khác
- Con người là yếu tố quan trọng trong việc phân tích khó khăn, thuận lợi

6. Tóm lược những vấn đề cần ghi nhớ

Phát triển cộng đồng hiện nay ở Việt Nam có những khó khăn, thuận lợi do từ nhiều phía:

- Ở mức độ cá nhân như từ người dân và tác viên hoặc cán bộ dự án;
- Mức độ cộng đồng do mối quan hệ cộng đồng, làng xã; và
- Mức độ xã hội do chủ trương, chính sách, chế độ của nhà nước, ảnh hưởng của các tổ chức xã hội, văn hoá, tín ngưỡng v.v..
- Ngoài ra còn yếu tố tự nhiên, hoặc ảnh hưởng của các nước khác.

7. Câu hỏi và bài tập

Câu 1. Nêu những thuận lợi thuộc yếu tố văn hoá, xã hội, con người

Câu 2. Nêu những khó khăn thuộc yếu tố văn hóa, xã hội, con người

Bài tập: Phân tích bài đọc “Bài học đầu tiên” của một tác viên dự án phát triển nông thôn tại xã Suối Trai, huyện Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên (xem phụ lục bài đọc thêm)

8. Hướng dẫn trả lời câu hỏi, bài tập của bài 8

Câu 1: Sinh viên tự tìm ra những thuận lợi thuộc yếu tố văn hoá, xã hội, con người (bao gồm người dân cộng đồng, tác viên và tổ chức tài trợ)

Câu 2: Nêu những khó khăn thuộc yếu tố văn hóa, xã hội, con người

Bài tập: Phân tích bài đọc “Bài học đầu tiên”

Dựa vào các yếu tố sau đây, nêu lên khó khăn, thuận lợi: Người dân; Tác viên; Dự án: chuyên gia, tính linh hoạt, đa dạng của dự án trong các hoạt động; Yếu tố tự nhiên: thiên tai; Yếu tố văn hoá - xã hội

Rút ra bài học gì qua phân tích khó khăn, thuận lợi từ dự án này

III. TÓM TẮT TOÀN BỘ MÔN HỌC

Xuất phát từ 1940 và được Liên Hiệp Quốc công nhận năm 1950, Phát triển cộng đồng được xem như một phương pháp can thiệp để hỗ trợ những cộng đồng nghèo, kém phát triển sẽ tiến dần tới tự lực bằng cách huy động tiềm năng, tài nguyên của chính cộng đồng, với một phần sự hỗ trợ từ phía Nhà nước hoặc từ các cơ quan phát triển.

Sự tham gia của người dân trong cộng đồng là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển của cộng đồng, là cốt lõi của phương thức phát triển cộng đồng. Phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA) được xem là một phương pháp có sự tham gia của người dân, ngày nay PRA được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, trong nhiều hoạt động khác nhau, bao gồm hoạt động lượng giá dự án phát triển cộng đồng.

Ngày nay các tổ chức phát triển thường hỗ trợ cộng đồng qua hình thức các dự án phát triển cộng đồng, trong đó tác viên cộng đồng sẽ là

người đóng vai trò xúc tác, hỗ trợ trong suốt tiến trình 9 bước tổ chức cộng đồng. Phát triển cộng đồng tuy đã xuất hiện ở Việt Nam từ những năm 1950 nhưng đến nay vẫn còn nhiều khó khăn bên cạnh một số thuận lợi nhất định.

Tóm lại, PTCĐ là một phương thức phù hợp với các nước đang phát triển trong tiến trình phát triển đất nước. Việt Nam đã có những hình thức mang tính chất PTCĐ và rất thành công như chương trình Xóa đói giảm nghèo, và việc thực hiện Quy chế Dân chủ cơ sở.

IV. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

- 1) Vẽ hình và giải thích tiến trình PTCĐ
- 2) Vì sao phải tuân thủ các nguyên tắc hành động phát triển cộng đồng?
- 3) Theo anh, chị, những nguyên tắc nào quan trọng trong PTCĐ? Cho ví dụ minh họa.
- 4) Trình bày các bước trong tiến trình PTCĐ / tổ chức cộng đồng. Theo anh/chị, bước nào là quan trọng? Vì sao?
- 5) Tiềm năng của cộng đồng là gì? Làm thế nào để phát hiện/khơi dậy và phát huy tiềm năng đó?
- 6) Các vai trò và phẩm chất của tác viên cộng đồng
- 7) Vì sao sự tham gia của người dân là quan trọng nhất trong PTCĐ? Yếu tố thúc đẩy và cản trở sự tham gia?
- 8) Trình bày các kiểu tham gia (theo giáo trình)

- 9) Trình bày nấc thang tham gia của người dân trong PTCĐ. Cho ví dụ minh họa
- 10) Giải thích chu trình dự án. So sánh với các dự án thực tế mà các anh chị được biết hoặc đã từng tham gia.
- 11) Phân tích ích lợi của kiểm soát, giám sát, lượng giá dự án.
- 12) Phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA) có những nguyên tắc và đặc điểm gì?
- 13) PTCĐ hiện nay gặp phải những khó khăn gì? Có những thuận lợi nào?

Bài tập: Đọc bài lượng giá dự án “Xoá mù và bảo vệ môi trường” trong sách Phát triển cộng đồng của Nguyễn Thị Oanh, rút ra điều gì về: i/ sự tham gia của người dân, ii/ cách tổ chức cộng đồng trong dự án này, iii/ kết quả dự án, iv/ tính bền vững của dự án, v/ về phương pháp lượng giá.

V. PHẦN ĐÁP ÁN

Câu 1. Vẽ hình tiến trình PTCĐ từ cộng đồng yếu kém đến cộng đồng tự lực, giải thích.

Câu 2. - Nêu 10 nguyên tắc hành động phát triển cộng đồng

- Các nguyên tắc hành động trong PTCĐ là những điều tác viên phải tuân thủ trong khi thực hành công tác xã hội với cộng đồng
- Tuân thủ những nguyên tắc này nhằm tôn trọng và phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng

Câu 3. - Sinh viên tự chọn phân tích một số (3-4) nguyên tắc quan trọng. Nêu lý do vì sao quan trọng.

- Tìm những ví dụ để minh họa cho những nguyên tắc vừa nêu..
Thí dụ: nguyên tắc “Bắt đầu từ hoạt động nhỏ....” được ứng dụng ở xã/phường A bằng cách chỉ tổ chức trước một vài nhóm tín dụng quy mô nhỏ ở trong một hoặc vài ấp/ khu phố, khi thành công sẽ nhân rộng ra toàn địa bàn phường/xã.

Câu 4. - Nêu 9 bước trong tiến trình tổ chức cộng đồng

- Tự chọn và phân tích bước nào là quan trọng nhất

Câu 5. - Nêu khái niệm tiềm năng của cộng đồng

- Nêu một số tiềm năng hữu hình/vật chất như đất đai, nguồn nước, lao động v.v. và tiềm năng vô hình: sự sáng tạo, lòng nhiệt tình, tinh thần đoàn kết, hợp tác...Tiềm năng quan trọng nhất là CON NGƯỜI.
- Để phát huy được tiềm năng cộng đồng:
 - + Phải nhìn thấy được tiềm năng. Điều này đòi hỏi trình độ, tổ chức quản lý, không nóng vội, đổ lỗi hoàn cảnh

- + Giúp các tổ chức địa phương, các tổ chức của người dân liên kết

- + Thấy được các hạn chế, lực cản

Câu 6. - Nêu và giải thích các vai trò của tác viên: người xúc tác, tạo thuận lợi, giáo dục, biện hộ, nghiên cứu, lập kế hoạch.

- Nêu những phẩm chất cần có của tác viên.

Câu 7. - Nêu khái niệm tham gia

- So sánh tham gia là phương tiện và tham gia là mục đích. Mục đích cuối cùng của PTCĐ là đưa cộng đồng tiến tới tự lực. Do vậy, sự tham gia của cộng đồng là quan trọng nhất trong tiến trình PTCĐ

- Yếu tố thúc đẩy và cản trở sự tham gia:

- + Nêu những lợi ích do sự tham gia mang lại

- + Nêu những yếu tố thúc đẩy, bao gồm Quy chế dân chủ cơ sở

- + Tham gia vẫn còn đang được tranh cãi

- + Những yếu tố cản ngại: cấu trúc/tổ chức quản lý nhà nước; văn hoá-xã hội; người dân; tác viên

Câu 8. - Giải thích các kiểu tham gia: Tham gia thụ động, tham gia qua cung cấp thông tin; qua tư vấn, qua khích lệ vật chất, chức năng, tương tác, tự huy động

- Vẽ hình: phân bố theo tính chất các kiểu tham gia. Giải thích mức độ kiểm soát của bên ngoài và kiểm soát của người dân

Câu 9. - Nêu khái niệm sự tham gia (dựa vào các định nghĩa trong bài)

- Kẻ bảng các bậc thang tham gia. từ 0 đến 9. Giải thích mức độ tham gia tăng dần, cao nhất là người dân tự quyết định và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động

Câu 10. - Vẽ hình chu trình dự án (5 giai đoạn)

- Giải thích từng giai đoạn dự án: phân tích tình hình, lập kế hoạch, viết và đề xuất, thực hiện, lượng giá. Việc quản lý dự án thực sự ở giai đoạn thực hiện và lượng giá, 3 giai đoạn trước là giai đoạn chuẩn bị
- Nêu một dự án mà các anh/chị được biết, khái quát lại chu trình của dự án này và so sánh với chu trình đã học trong giáo trình

Câu 11. - Nêu khái niệm kiểm soát, giám sát, lượng giá

- Phân tích ích lợi: kiểm soát nhằm giúp cá nhân thực hiện đúng theo yêu cầu công việc; giám sát giúp các hoạt động thực hiện so với thời gian kế hoạch, lượng giá giúp nhìn lại kết quả so với mục tiêu đề ra để quyết định cho việc tiếp tục, mở rộng hoặc nhân rộng dự án.

Câu 12. - Nêu khái niệm PRA. (PRA là gì?)

- Những nguyên tắc: Học hỏi từ người dân; Linh hoạt, sáng tạo, thích ứng trong khi nghiên cứu; Lắng nghe, không giảng dạy,

quan tâm người thiệt thòi bao gồm phụ nữ; Sử dụng tối ưu các kỹ thuật và công cụ; Kiểm tra chéo thông tin; Nỗ lực tập trung vào những biến đổi; “Trao quyền”; Tác viên cộng đồng luôn tự kiểm tra, tự chịu chịu trách nhiệm, ứng biến; Cùng chia sẻ

- Những yêu cầu khi thực hiện PRA: PRA phải được xem như một quá trình học hỏi; tham gia của người dân và kỹ năng thúc đẩy của tác viên.

- Những ưu điểm của PRA: Các kỹ thuật ứng dụng thích ứng cho nhiều tình huống; chính người dân là chuyên gia lượng giá; nổi bật những dữ kiện về chất cũng như về lượng; thay đổi thái độ và phương pháp luận; giải pháp phù hợp với khả năng và tài nguyên cộng đồng; sự tham gia của cả những người bị thiệt thòi

Câu 13.

- Phân tích khó khăn: mức độ cá nhân người dân và tác viên; mức độ cộng đồng; mức độ xã hội; từ phương thức PTCD;
- Phân tích thuận lợi: Yếu tố cá nhân; xã hội; quản lý; phương thức thực hành; đào tạo; vai trò của các tổ chức xã hội

PHẦN PHỤ LỤC

Bài đọc thêm

BÀI HỌC ĐẦU TIÊN

Tôi bắt tay vào dự án Phú Yên với một tâm trạng hoàn toàn không định hướng. Đây là một dự án phát triển nông thôn miền núi, trong khi tôi sinh ra, lớn lên và chỉ làm việc ở thành phố. Mặc dù có 6 năm làm công tác PTCĐ, nhưng ngay cả “bề dày kinh nghiệm” (nếu có thể gọi như thế) cũng chẳng giúp được gì, vì những cộng đồng tôi từng phục vụ đều là cộng đồng nghèo đô thị. Thế nhưng tôi cũng không thể chối từ nhiệm vụ, vì người nghèo nông thôn cũng cần được hỗ trợ chứ!

Người đại diện của tổ chức tài trợ nói với tôi rằng “tôi sẽ giới thiệu cho bạn chuyên gia có kinh nghiệm”, và tôi đã bắt đầu dự án Phú Yên như thế. Hầu như mọi vấn đề chuyên môn, tôi đều trông cậy vào các chuyên gia về lĩnh vực nông thôn.

Tuy nhiên, sự việc đã không suôn sẻ, vì các chuyên gia có ý kiến khác nhau trên cùng một vấn đề, ai cũng có lý do với giải pháp mình đưa ra. Đôi khi tôi thật sự bối rối vì không ai giúp tôi đưa ra lời giải đáp. Có lần, một người bạn đồng nghiệp đã nói với tôi “Cứ làm đi, sự việc sẽ gọi cho bạn cách giải quyết tốt nhất”, và thế là tôi đã “truyền đạt tinh thần” ấy lại

với những nông dân vùng dự án rằng “Hãy nghe tất cả mọi lời khuyên, nhưng hãy chọn một giải pháp mà bạn cho là có lý nhất!”

*
* *

Tôi đã khá lo lắng và hụt hẫng khi bắt đầu chương trình tín dụng. Đây là lĩnh vực tôi đã từng “trăm trận, trăm thắng” trong suốt 6 năm qua, vậy mà những nông dân đã từ chối ngay khi nghe tôi trình bày cách thức hỗ trợ họ thông qua tín dụng.

Các khái niệm về nhóm tự quản, về tiết kiệm...hầu như đã trở nên quen thuộc với người nghèo đô thị, nhưng lại xa lạ và không nhận được sự hưởng ứng nào ở đây.

Tôi đã trở về thành phố trong sự hoang mang thực sự. Tôi có làm gì sai không? Tôi tự “lượng giá” lại những việc đã làm, nhưng không tìm ra điều gì “trái quấy”. Trong nhịp lắc lư của con tàu về thành phố, lời khuyên bè bạn lại vang lên “cứ làm đi, sự việc sẽ gọi cho bạn cách giải quyết tốt nhất!”

Trở lại điểm dự án trong lần kế tiếp, tôi hỏi những nông dân

“Chúng ta có thể làm được gì để giúp nhau khỏi đói nghèo?”

Và đoạn hội thoại thú vị bắt đầu:

“Cho nó mượn một cặp bò cày”

“Trước đây chương trình Xóa đói Giảm nghèo cũng cho mượn, nhưng nó có khá lên đâu?”

“Ngân hàng cho vay chứ không cho mượn. Mấy năm tiền lãi lên mấy trăm ngàn rồi. Bò vay một con cày không được. Bán bò, phải mua gạo ăn nữa nên tiền không đủ trả, mấy năm nay ngân hàng đòi mãi. Nó sợ vay nợ lắm rồi. Với lại nó không biết làm ăn”

“Vậy thì, phải chỉ cho nó cách làm ăn nữa, đúng không? Ai có thể chỉ?”

“Hãy hỏi những người làm ăn giỏi, những người cùng dòng họ có thể chỉ!”

Chúng tôi, nhóm tác viên, đã mời họ ngồi lại với nhau và cùng bàn xem trong buôn làng có những người nào cần được giúp đỡ, và ai muốn giúp ai?

Thế rồi, các nhóm đầu tiên ra đời. Mỗi nhóm có một người giúp và hai người được giúp. Sáu nông hộ đầu tiên đã nhận được sáu cặp bò cày. Họ đã cùng nhau đi lựa mua những con bò cái trẻ, khoẻ mạnh để có thể vừa kéo cày, vừa sinh sản. Dầu chưa khá lên thì họ cũng đã có thể gieo trồng đúng thời vụ vì có bò cày. Họ không lo nợ nần vì các chú bê ra đời đang lớn.

Sau đó là chương trình tín dụng được lồng ghép vào. Cho đến hết năm thứ nhất của dự án, có 40/60 hộ tham gia chương trình tín dụng với nhiều mức vay khác nhau: từ những hộ vay 50.000đ để mua một cặp gà mái về nuôi lấy trứng, đến hộ vay 3-4 triệu đồng để mua cặp bò cày. Tất cả đều không trả lãi suất. Rất nhiều lần tôi băn khoăn: không lãi suất, lấy gì để

trang trải các chi phí, dù rất khiêm tốn như giấy, bút..? Dự án rồi cũng sẽ kết thúc, sự hỗ trợ bên ngoài sẽ không còn nữa..

Tôi chia sẻ nỗi băn khoăn của mình với những thủ lĩnh của buôn làng. Họ nói “chúng tôi sẽ nghĩ cách, đừng lo!”

*
* *

Mọi việc của dự án trôi chảy đến một ngày kia, một sự cố bất ngờ xảy đến: Ngày 28-4-1999, tai hoạ đến với buôn làng, một trận cuồng phong kèm theo sét đánh đã làm chết hai người và cháy rụi một ngôi nhà. Do tín ngưỡng đa thần linh, những người dân Êđê tin rằng Giàng không cho họ ở đất này nữa. Họ vội vã cúng tế thần linh, bán bò nghé, dỡ nhà cửa đi nơi khác.

Khi tôi trở lại điểm dự án thì không còn ngôi nhà nào trên nền đất cũ. Ruộng rẫy hoang sơ vì không còn ai chăm sóc. Thành quả của dự án dường như cũng tự xoá sạch dấu vết.

Tôi tìm đến nơi ở mới của dân làng, những căn nhà đang dựng lên vội, những gương mặt còn chưa hết nỗi kinh hoàng vì những gì đang xảy ra.

Tôi mời họp khẩn cấp những thủ lĩnh của buôn làng, trong khi chính trong thâm tâm tôi cũng chưa biết nói gì với họ. Bàn bạc với họ những công việc của dự án lúc này xem ra vô nghĩa, còn giúp đỡ cấp thời thì ngân sách dự án không có khoản nào dành cho trợ cấp.

Bốn vị thủ lĩnh của buôn làng có mặt nhanh đến nỗi tôi không kịp suy nghĩ gì thêm . Trong tâm trạng cực kỳ bối rối, tôi buột miệng buông ra một câu hỏi ngớ ngẩn “Khó khăn lớn nhất của mọi người lúc này là gì?”. Thế rồi cuộc trò chuyện trao đổi bắt đầu:

“Bà con đang đói kém và năm nay sẽ đói nặng vì lo dời nhà nên không trồng cấy được gì cả. Nhà nghèo thì không còn gì để bán để mua gạo, vì bò nghe đã bán để lấy tiền dời nhà”.

“Vậy chúng ta có thể cùng làm gì để giúp buôn làng?”

“Mua gạo về cứu đói cho bà con. Trồng cây gì ngắn ngày nhất để sớm có cái ăn. Mua bò về cho những hộ không bò nuôi rẽ (một hình thức nuôi gia công)”

“Các hộ nghèo này đều có nợ ngân hàng nhiều năm không trả nổi. Nếu nó có bò, ngân hàng sẽ đến đòi, nó sẽ phải bán bò trả nợ ngân hàng . Nuôi rẽ, nó vẫn có bò cày, nhưng là bò dự án nên không ai đòi. Mai kia bò đẻ con, nó được chia, sẽ lấy con trả bớt ngân hàng”

Mọi giải pháp được thực thi tức khắc, dẫu hoàn toàn không nằm trong kế hoạch dự án. Qua những này cứu đói khẩn cấp, những thủ lĩnh của buôn làng bỗng nhận ra họ cũng có khả năng kinh doanh gạo. Họ quyết định sẽ duy trì hoạt động này lâu dài vào những tháng giáp hạt hàng năm để giảm bớt thua thiệt của nông dân do tư thương ép giá. Ngoài ra, còn thu được khoản lợi tức nho nhỏ cho cộng đồng. Những con bò nuôi rẽ lần lượt có bê con (số bê được chia đều cho chủ nuôi và chủ bò – tức là quỹ dự án), những nông hộ nghèo khó nhất đã hé mở khả năng trả nợ ngân hàng, còn

quỹ phát sinh lợi tức của cộng đồng hứa hẹn mỗi năm sẽ được bổ sung thêm 6 triệu đồng.

Khoản quỹ này tuy nhỏ nhoi so với bất kỳ tổ chức xã hội nào nhưng cũng đủ để các lãnh đạo cộng đồng trang trải mọi chi phí cần thiết và đủ để nhóm lãnh đạo cộng đồng tin vào khả năng quản lý của họ.

*
* *

Một số bạn đồng nghiệp nói tôi liều lĩnh khi nhảy vô lĩnh vực phát triển nông thôn. Một vài người khác nhận định rằng tôi ở lại được với dự án do lòng đam mê. Nhưng riêng tôi, tôi biết mình may mắn vì được trao tặng câu “thần chú” tuyệt vời: “Cứ làm đi, sự việc sẽ gọi cho bạn cách giải quyết tốt nhất!” (và dĩ nhiên phải có phương pháp khoa học, không thể làm bừa!)

Xin tặng kinh nghiệm này lại cho tất cả những ai đang làm công tác PTCD trên khắp mọi miền đất nước như một lời nhắn gửi về *lòng tin vô hạn* vào những “thần chú” của chúng ta, “người chủ của cộng đồng”, chìa khoá của mọi thành công và “lá bùa hộ mệnh” trong mọi trắc trở của công việc.

Lê Thị Lệ Thủy

Bài đọc thêm

“VI LÀ PHẢI HÀNH”

TTCN - Ở một xã trong tỉnh Quảng Trị, một người dân cho biết: “Thảo luận về việc xây dựng trụ sở UBND xã, người dân đề nghị xây ở địa điểm cũ vì nó ở trung tâm và gần cả bốn thôn; nhưng cán bộ xã nói cấp trên chỉ đạo xây dựng trụ sở ở một địa điểm mới, nếu không sẽ không hỗ trợ.

Cuối cùng trụ sở được xây dựng ở địa điểm mới như chỉ đạo của cấp trên. Từ hồi xây trụ sở, tôi chưa bao giờ đến đó vì tôi phải đi bộ ít nhất 3km”. Không thể cứ tiếp tục quan hệ “chỉ đạo/phải nghe” trong quan hệ với người dân, nhất là khi đây là những dự án xóa nghèo cho người dân. Đây không phải là điều gì mới mẻ.

Các chuyện “vi hành” cũng không thể “vi” mà không “hành”, nghĩa là phải thay đổi lề lối làm việc. Trước hết, làm sao cho các chuyện thanh tra của cấp trên thật sự là đi để nhìn và thấy, thấy và hiểu, hiểu và hành động. Song song, làm sao để người dân có tiếng nói đáng kể hơn, đúng như tinh thần của nghị định 29 về dân chủ cơ sở, để người dân có thể tham gia định đoạt những kế hoạch “đổi đời” cho mình, thay vì thụ động hoặc miễn cưỡng để mặc người khác quyết định thay cho mình.

Trong bối cảnh đó, báo cáo dày 71 trang của ADB mang tên “Đánh giá nghèo với sự tham gia của cộng đồng” rất cần được đọc và đọc kỹ. Báo cáo này do “Nhóm hành động chống đói nghèo” do các chuyên gia

Ramesh Adhikari, Tom Greenwood, Julian Carey chủ trì cùng với các cộng sự người Việt thực hiện. Nhóm đã tiến hành khảo sát đánh giá công tác xóa đói giảm nghèo trên thực địa tại 12 tỉnh ở VN trong góc độ của nghị định 29 về dân chủ cơ sở và nghị định 79 tiếp đó. Từ đó, rút ra một số kết luận và khuyến cáo.

Dưới đây là vài tóm lược cơ bản:

Dân chủ cơ sở là gì?

Các tác giả ghi nhận đã có những diễn biến tích cực, nhưng “không phải là phổ biến. Đánh giá chung là còn kém (tr.15)... Ở các xã nông thôn, phụ nữ và người nghèo ít tham gia ý kiến vì trình độ giáo dục thấp, tự ti về địa vị và không có thời gian tham gia” (tr.16).

Các tác giả đã vạch ra một số tồn tại cơ bản sau:

- Tiếp tục tồn tại cơ chế quản lý từ trên xuống.

Mục đích của nghị định 29 là nuôi dưỡng tinh thần dân chủ ở cấp cơ sở, từ dưới lên, nhưng trật tự thứ bậc từ trên xuống vẫn tồn tại. Trong nhiều trường hợp, thẩm quyền ra quyết định chỉ hạn chế ở mức thi hành các chính sách của chính quyền trung ương. Các hoạt động của cấp xã đa số do cấp huyện đưa ra.

Cấp xã ít có thẩm quyền trong phân bổ ngân sách và phụ thuộc vào cấp huyện về tài chính. Cán bộ xã đã quen với việc chỉ nghe theo các chỉ đạo và mục tiêu do cấp trên đề ra. Họ không nghe ý kiến của người dân mà

họ đại diện, cũng giống như cấp trên không nghe ý kiến của cán bộ xã. Ở một vài nơi lãnh đạo xã cho rằng với cơ chế thứ bậc thẩm quyền hiện nay, ý kiến của người dân về các hoạt động ở địa phương là không có ý nghĩa” (tr.16).

- Năng lực hạn chế của cán bộ xã và thôn.

“Nhiều cán bộ xã và thôn không hiểu đúng nguyên tắc cơ bản của khẩu hiệu “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Họ thường hiểu theo thứ bậc từ trên xuống như từ trước đến nay chứ không như là một sáng kiến nhằm thúc đẩy sự tương tác, trao đổi thông tin hai chiều giữa chính quyền và người dân” (tr.16).

“Các yếu tố như kiến thức hạn chế và thiếu đào tạo, thù lao thấp, quá tải công việc thường là nguyên nhân làm cán bộ cơ sở không cung cấp thông tin và tham khảo ý kiến của người dân. Nhiều cán bộ xã cho rằng việc lập kế hoạch của xã và của thôn, chỉ cần lấy ý kiến của dân khi cần nhân dân đóng góp nhân công hay tiền”.

- Năng lực thực hiện các quyền của người dân.

“Đánh giá này cho thấy đa số người dân hiểu rất mơ hồ khẩu hiệu “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”..., thường giải thích sai và cho rằng có nghĩa là biết, thảo luận và thực hiện các chính sách hoặc dự án từ trên đưa xuống. Người dân thường thiếu tự tin và quen với việc cán bộ quyết định mọi công việc cho họ” (tr.18).

Tuổi trẻ CN-Thứ Bảy, 24/09/2005 - DANH ĐỨC

